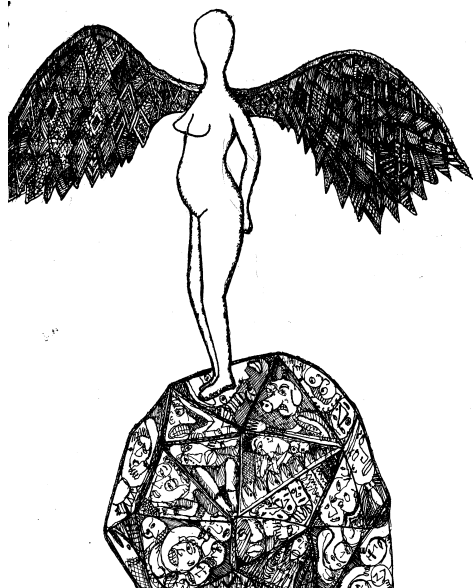


THƯ QUÁN

B Ầ N T H ẢO



Mỏm đời - Tranh Trần Quý Thoại

Phạm Ngọc Lư * Lữ Kiều * Hoài Khanh * Sâm Thương
* Nguyễn Văn Ngọc * Mang Viên Long * Hải Phương
Lê văn Thiện * Cao Vị Khanh * Trần Bang Thạch *
Nguyễn Đức Nhơn * Nguyễn Lệ Uyên * Phạm Cao
Hoàng * Hoàng Ngọc Châu * Nguyễn Phan Thịnh *
Đức Phổ * Túy Hà * Trần Phù Thế * Kiều Mộng Hà *
Nguyễn Minh * Hoàng Xuân Sơn * Trần Hoài Thư * Sử
Mặc * Nguyễn Ước * Phạm Văn Nhân * Võ Hồng

Tập 16 tháng 10-2004

Thư Quán Bản Thảo

Tập chí văn học nghệ thuật

TẬP MƯỜI SÁU, THÁNG MƯỜI, NĂM 2004

Độc trong số này:

Viết chung: 05* Phạm Ngọc Lữ: *thơ* 41 * Lữ Kiều: *Con chim đen* 44 * Hoài Khanh: *thơ* 52 * Sâm Thương: *Câu chuyện tình lẻ* 53 * Nguyễn Văn Ngọc: *Thơ* 63 * Mang Viên Long: *Bóng ngựa qua sông* 65 * Hải Phương: *thơ* 74 * Lê Văn Thiện: *Chuyện đời vu vơ* 80 * Cao Vị Khanh: *thơ* 89 * Trần Bang Thạch: *Tôi đi học* * Nguyễn Đức Nhơn: *thơ* 103 * Nguyễn Lệ Uyên: *Thơ dài* 107 * Phạm Cao Hoàng: *thơ* 119 * Hoàng Ngọc Châu: *thơ* 121 * Nguyễn Phan Thịnh: *Những truyện thật ngắn* 122 * Đức Phổ: *thơ* 128 * Túy Hà: *thơ* 133 * Trần Phù Thế: *thơ* 134 * Kiều Mộng Hà: *thơ* 136 * Nguyên Minh: *Nấm mồ* 138 * Hạc Thành Hoa *thơ* 160 * Hoàng Xuân Sơn: *thơ* 161* Sử Mặc: *thơ* 163 * Nguyễn Ước: *Còn nợ một thời* 164 * Phạm Văn Nhân: *Độc Tưởng* *Chùng Đã Quên* 174 * Võ Hồng Nói *với hư vô* 188 * Trần Hoài Thư *Bay đi những cơn mưa* 195.

Hình bìa: Mỏ Đời của Trần Quý Thoại

Thư Quán Bản Thảo 17 sẽ phát hành vào 01 năm 2005. Bài vở gửi về: nhanvanpham@yahoo.com. Hay: tranhoaithu@yahoo.com trước tháng 11 năm 2004.

VIẾT CHUNG

Rong bút

Trần Hoài Thư

1)

Chỉ còn một tuần nữa là tháng tám sẽ hết. Rồi tất cả sẽ qua đi. Như con tàu đời chờ đêm ngày đi không biết. *Và mỗi ngày tôi cố đi tìm niềm vui*. Thử hỏi trong những ngày xế bóng, những ngày mà những tế bào nhân sinh càng ngày càng khô cạn, trở thành cát bụi, thì quả là buồn bã biết bao. Tôi biết các bạn tôi cũng vậy. Họ đã chọn niềm vui. Cho dù đôi khi quá buồn và quá cay đắng. Gia đình, cơm áo, người thân, bạn bè. Có những biến cố làm chúng ta phải bàng hoàng, hụt hối, và run sợ. Hay nói một cách ngắn gọn là hết hồn. Như vậy, làm sao ta còn bình tâm để mà viết ra chữ nghĩa.

Tôi muốn nói đến người bạn tôi. Từ tập 1 đến tập 15, anh đã có mặt trên mảnh đất này không hề vắng mặt một số nào. Nhưng số này không có bài của anh. Chắc hẳn có rất nhiều độc giả và bạn bè ngạc nhiên. Nhất là những bạn trong nước. Bài của anh đã được in lại và phổ biến đến những thân hữu. Những điện thư gửi ra chúng tôi vẫn luôn luôn nhắc về anh. Ít ra, đối với những người làm văn chương nghệ thuật, thì đó là niềm vui to lớn. Để bù lại những ngày những đêm động não trước màn ảnh điện toán.

Các bạn trong nhóm chủ trương hiểu được anh, hiểu

được nổi khó khăn mà anh đã gặp, nên rất tôn trọng, không nỡ dục. Nhưng quả thật, vắng tên anh trên tấm chiếu chung chúng tôi cảm thấy mất mát thiếu thốn làm sao.

Hy vọng sự thiếu thốn này chỉ là nhất thời.
Có phải vậy không, ông bạn CVK của tôi ?

T.B

Bạn thấy đó, trước sau gì bạn ta cũng trở lại cùng chiếc chiếu chung này. Xin mượn mấy câu của một người bạn đọc gửi về, để nói lên niềm vui, khi một đêm nào, mở mail box thấy tên quen thuộc xuất hiện trở lại.

*Vào một ngày chưa vui
bỗng một tin vui
đến thật vui
thiệt vui
vui*

(Th.)

(Xin bạn hãy để ý dùm hai chữ *thật* và *thiệt*)

2)

Buồn ngủ. Nhưng không có khúc đường nào có chỗ để xe dừng lại để nhắm đôi mắt. Cơn buồn ngủ quá ác cứ bủa xuống, làm ta muốn lặc tay lái, hay làm ta thiếp mê hồn xác trong một một tích tắc, để rồi sau đó lại hoảng hồn, nổi gai ốc, lạnh căng. Và mưa. Mưa ảnh hưởng từ trận bão nhiệt đới Charley thổi lên dọc bờ biển miền Đông Bắc. Mưa đan xóa cả con đường. Cái quạt nước

mở đến vận tốc tối đa nhưng cũng không kịp ngăn cản những hạt mưa cuồng điên hối hả.

Cuối cùng, có một chỗ trống gần cạnh toll trả tiền. Vội cho xe ép vào lề. Và dựa vào thành ghế. Và nhắm mắt.

Chỉ cần năm mươi phút thiếp đi là thân thể như tiếp được sức sống mới. Lại tiếp tục cuộc hành trình thăm bạn, dưới mưa.

Mệt mà hăm hở. Lưng muốn cộm mà sao cứ nhấn ga vượt vận tốc giới hạn 65 miles. Có phải mình đang đi tìm niềm vui và mình được quyền chứ không phải xin được chọn niềm vui. Dù đôi khi đời thì hà khắc, nghiệt ngã lắm.

Niềm vui. Không phải anh nhà văn cứ hít hoài những nỗi buồn chiến tranh bất tận. Không phải anh cứ than thở hoài phận lạc loài lưu đầy. Anh đi tìm niềm vui, qua những đôi lứa con cháu yêu nhau, và ràng buộc lại nhau bằng những đám cưới đám hỏi. Anh uống mừng họ, và anh cũng uống mừng anh. Có thêm tiếng cười trên bàn tiệc. Có thêm bạn mới bạn cũ xa gần. Anh đi tìm niềm vui, bởi càng lớn tuổi, anh càng nhận ra trời đất bao dung quá, được làm con người quả là một ân phước lớn của Thượng Đế.

Cuối cùng, cũng vẫn đến nhà bạn. Hai thằng ôm nhau mà nước mắt lưng tròng. *Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận. Thoát giờ đây tóc đã điểm màu sương. Trong đôi mắt đọng nỗi buồn cơm áo. Còn vương màu của đất nước quê hương* Bạn quăng ra gói 3 số 5 còn tôi quăng ra gói Wilson. Lon kimchi và hai chai bia là đủ cho một cuộc gặp gỡ trùng phùng. Kể đầu đàn hắc báo và kẻ điều hâu gầy cánh tự xưng gặp nhau ở Mỹ... Hai đứa nhắc lại người sống và người chết. Những kỷ niệm, những nơi đã

có mặt và đã bỏ đi...

Một ngày trời mưa, thăm bạn, thấy bạn khỏe là mừng. Đọc cho bạn nghe những câu thơ của ta viết cho thời áo trận:

Đường xe lửa ai ngồi chiêm diếu thuốc. Áo toi dầu che khuất dãy Cù Mông...

3)

Nhìn bạn, dưới đôi cặp kính lão, trán nhăn, má hóp, tự nhiên ngậm ngùi. Thương bạn hay thương mình. Mình cũng vậy. Nhưng mà, hôm nay, khi cơn mưa tháng tám đang vùn vù ngoài kia, có hai kẻ đang bồi hồi nhớ lại thời tuổi trẻ. Những con suối đen ngòm. Xung quanh là đỉnh trời chọc mây. Và sương phủ dày đặc. Người lính núi chẳng những phải đối phó với địch quân, còn phải chạm mặt với một thiên nhiên hung bạo.

4)

Có lẽ một trong cái sợ của những người lính núi là căn bệnh sốt rét. Những con suối đen ngòm bởi quanh năm thiếu ánh mặt trời, lá đại ngàn che phủ dày đặc, làm chỗ ngụ lý tưởng cho những loài muỗi mòng sinh sôi nảy nở. Đặt chân xuống nước như nhúng vào tảng băng vì quá lạnh buốt. Và có khi lội qua suối, thì có người phải sốt run, đồng đội phải dìu mà đi...

Sau đó, người lính được đưa vào bệnh xá. Nhẹ thì một tuần lễ nằm, nặng như sốt rét ác tính thì thời gian lâu hơn. Trời nóng như lửa, đúng cỡ hai ba giờ chiều, lúc trời gầm như chuyển mưa người bạn đắp hai cái mền dạ và run dữ. Da trở nên xanh như tàu lá chuối non héo úa. Râu ria tua tủa. Mắt trũng sâu húp. Thân hình trở nên tiều tụy. Gương mặt như mất hết sinh khí.

Không hiểu những câu thơ của Quang Dũng về đơn vị Tây Tiến của ông có thật tả về những người lính bị căn bệnh gây do giồng muỗi rừng thiêng núi độc ấy không, mà sao đọc hầu hết lời bàn hay phụ chú đều nói về một đoàn quân có sốt rét căn tính này. Điều này khiến tôi trở nên hoang mang bối rối. *Tây tiến đoàn quân không mọc tóc. Quân xanh màu lá dữ oai hùm. Mắt trừng gửi mộng qua biên giới. Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

Tưởng tượng những người lính gốc dân Hà Nội ấy - những người quen sống với nếp sống thành thị, đầu tròn, da xanh, đang cố trèo ngọn núi cao độ 1000 thước. Kể thì lê chân, kể ôm ngực, kể thở không ra hơi, kể bò, kể lết, kể run từng cơn, kể dừng lại thở hào hển, kể lạnh cầm cập, hết rẻ cành, rẻ bụi, da thịt xuất máu vì gai rừng... Hãy tưởng tượng những con người như thế mà mắt trừng gửi mộng kể cũng lạ. Hãy tưởng tượng đến những giọt mồ hôi, không, tôi thấy rõ, trên gương mặt của những người lính ấy, những vệt mồ hôi đen ngòm lằn dài trên trán, trên má, trên cổ, và đôi mắt không phải trừng mà là lảo liên ngây dại, khờ khạo, mất hồn vì mệt, vì bệnh hoành hành. Tôi vẫn hiểu thời gian và không gian và cả cái nhìn về chiến tranh năm 1947 khác với những năm 1970. Tôi vẫn hiểu trong lòng đoàn quân Tây Tiến có lời réo gọi, nhưng bệnh vẫn là bệnh chung, triệu chứng của người đã bị bệnh, hay đang bị bệnh vẫn như nhau. Nỗi bạc nhược cả tinh thần và cơ thể, không thể so sánh như màu lá dữ oai hùm. Không thể mất trừng mà gửi mộng được.

Giống như một đám lực sĩ dự thi Marathon ở Olympics, ai ai cũng có một ý nghĩ là mang lại vinh quang và hãnh diện về đất nước họ, ai ai cũng ra quân với lửa sục sôi,

và được trang bị bởi những ngày tháng tập luyện gian khổ. Thế mà, có kẻ quí, có kẻ khóc, có kẻ bước không nổi, đôi mắt họ khờ dại, lạc thần.

Có lẽ tôi đã đi sâu vào chi tiết chẳng. Không thể chẻ sợi tóc trong việc thưởng ngoạn thơ. Thơ đã cố gắng hiển những cái hay, cái đẹp. Thơ làm thăng hoa cuộc đời. Nhưng rõ ràng, tôi không thể không đặt lại câu hỏi khi kinh nghiệm trường đời chứng nghiệm được sự thật. Trước khi vào quân đội, tôi chưa hề nếm được thế nào là hậu quả của con vi trùng sốt rét nên xem bài thơ có một giá trị tuyệt vời, rồi sau khi vào lính, lên rừng, xuống biển, để càng hiểu rõ hơn về cảnh đầu "không mọc tóc". Những người bạn tôi bị vi trùng sốt rét hành hạ, trùu mền, run cầm cập, những người đồng đội của tôi bị bệnh chẳng khác bóng ma. Dù có ngạo mạn, khinh mạn đi chăng nữa, nhưng sức người không phải là sức đá. Có phải vậy không ?

Tôi không hiểu vì kinh nghiệm đã làm tôi mất đi một phần nào niềm yêu mến về một bài thơ.

Hay vì tôi không biết thưởng ngoạn thơ như những người khác ?

5) Bức tranh bìa kỳ này là hình một người đàn bà có đôi cánh của loài chim đại bàng, đứng trên **mỏm đời**. Anh PVN chịu hai từ **mỏm đời** nên anh đã dùng để đặt cho hình bìa.

Tranh của TQT kỳ lạ lắm. *Ai nghĩ sao thì nghĩ*. Nói như Phạm Văn Nhân về tranh của TQT.

Thật vậy, mỗi lần nhìn tranh TQT, mấy ông già chúng

tôi đều bàn tới bàn lui. Ví dụ, qua một phụ bản của TQT (dưới đây) in trong tập thơ Lục Bát Hoàng Xuân Sơn, CVK cho đó là một cặp nam nữ đang ở phút giây khoái cảm nhất, rất thích hợp cho bài viết bạt của anh: *Hơi thở rướn của lục bát*. TBT thì cứ tưởng tượng đến một cặp gà nòi đang chọi nhau. Còn tôi thì nghĩ đến một người đang ngồi thiền !



Có phải cái hay là ở chỗ đó không?

Tôi không biết.

Riêng kẻ phụ trách kỹ thuật này cần phải cảm ơn TQT.

Nếu không có tranh TQT thì cái vấn nạn đào đầu ra bia cho mỗi kỳ thật quả khó giải quyết. Thấy tạp chí Văn của NXH mỗi kỳ in một hình bìa láng của hoạ sĩ nổi tiếng mà thêm. Có lẽ TQBT nhà nghèo, lại không bán, tặng biếu chẳng.

May mắn là các ông già trong nhóm chủ trương cứ đòi cho được tranh TQT. Nhất là CVK. Mỗi lần gọi điện thoại là mỗi lần khen tranh nức nở. Báo hại kẻ này lâu lâu vượt ve cậu-con-thầy-thuốc-không-học-trường-Mỹ-Thuật nào: Con ơi, các chú các bác khen tranh của con lắm đấy.

Xin phép được làm "nhà in không giống ai" (chữ của nhà thơ Thi Vũ nhân dịp anh và cô Ý Lan viếng thăm Thư Ấn Quán mới đây), để nói lên phần nào vấn nạn khi thực hiện TQBT và cũng xin quý bạn một sự cảm thông về kỹ thuật của TQBT.

Cà Kê... Gió Lào

Ng~

1/

Nói về sự hèn thì từ cổ chí kim, từ Đông qua Tây sách vở đã ghi tràn, đọc đã mỗi miệng, nghe đã nhảm tai. Thời tiểu học mới bước chân vô lớp đã thấy câu cách ngôn trên bảng đen, lại có thêm môn đức dục rèn dạy đạo đức cho con người. Các nhà giáo dục đã biết trước, rằng trong đám môn sinh lớn nhỏ nơi cửa Khổng sân Trình kia, sau này ắt sẽ có thằng bợm bãi, đâm thuê chém mướn, làm mất nhân cách con người nên đã cố

công nhồi nặn những điều hay lẽ phải cho chúng. Nhưng hỡi ơi, trong số mười thẳng thì đã có hơn phân nửa làm bậy theo đủ cách khác nhau. Các kiểu làm bậy đó xét cho cùng cũng vì địa vị và quyền lợi cá nhân. Trong 4 giới được phân biệt khác rõ ràng ngày xưa, thì nông-công-thương có làm bậy cũng ít ai chú ý, có phiền trách cũng sơ sơ. Nhưng với kẻ sĩ thì đặc biệt được xã hội chú trọng, săn sóc khá kỹ lưỡng. Mọi biểu hiện sai sót đều được truyền lại hậu thế:

Cao cầu báo khư

Tự ngã nhân cư cư

Khởi vô tha nhân

Duy tử chi cố

Cao cầu báo tỵ

Tự ngã nhân cư cư

Khởi vô tha nhân

Duy tử chi hảo.

(Cao cầu – Kinh Thi)

Tạm dịch:

Ao da dê

Ao bằng da dê, ống tay bằng da báo

Chỉ vì quan hệ từ cũ

Sai phái dân chúng một cách hống hách

Há không có ai khác

Ao bằng da dê, ống tay bằng da báo

Sai phái dân một cách hà khắc

Há không có ai khác

Chỉ vì quan hệ tốt từ xưa.

Cách đây hai ngàn năm, gian ca Trung Hoa đã lên tiếng cảnh báo trước rồi. Vậy mà cái lũ mặc áo da dê, da báo (áo mao triều đình), một khi đã leo lên ghế ngồi sướng đít thì quên tất cả, quên trong đám dân ngu khu đen

kia có lắm người thuở hàn vi đã là bạn bè thân thiết với họ.

Cái xã hội được để ra, dựng nên, nhào nặn một cách phi nhân bản thì đám dân khu đen đều là trâu ngựa. Hoạ hoằng lắm mới có một Khuất Nguyên ê a với những Sở Từ, Ly Tao... một Tô Đông Pha tự nguyện dấn thân vào chốn lưu đày, mang theo nàng Thơ cùng cái Thiện chưa hoàn thiện.

Các bậc túc nho mọi thời đã nói mòn cả chun răng, lời tròn quáng nhần. Nay tròn có lời, nhần có quáng thì cũng cứ nhắc lại: phàm con người ngoài những nhu cầu vật chất không thể thiếu, họ còn có nhu cầu về tinh thần. Con người đâu chỉ có ăn, mặc rồi la hét, rồi động cựa làm tình cho trọn cái hình hài của một loài thú cao cấp mà họ còn có quyền được tự do bày tỏ nỗi lòng, thái độ, tư tưởng, quan điểm... mà cái đám “*cà chớn chống xâm lăng*” chúng gọi là tư duy. OK. Cho chúng mày tư duy nhưng tư duy đây cương hàm thiếc ngựa; nghĩa là có người đứng bật đèn xanh thì mới được phép xúm lại cùng cất lên cái tư duy của mình, tư duy cộng đồng, tư duy công cộng, chúng ta cùng tư duy. Nghĩa là cá nhân không được tư duy mà phải tư duy tập thể thì mới đúng nguyên lý, nguyên tắc? Vậy thì mỗi người có cái đầu riêng để làm gì nhỉ? Lão Hạc, bạn tôi lý giải: “*toi u mê ám chương lắm lắm. Cái đầu một người suy nghĩ thì lệch lạc mà phải tập trung tất cả mọi cái đầu lại, tí như người ta nhốt thú trong sở thú vậy. Tên cầm chịch cất tiếng e e... thì tất cả đều e e e..., be be thì rống lên beee e... Có như vậy mới đúng đường lối, toi hiểu không?*”.

Hèn chi hơn một nửa thế kỷ, dân Ana. com ở phía ngoài nhất tề tư tưởng theo kiểu đó. Khốn nạn là nhiều anh

không tư tưởng được kiểu tập thể bèn bỏ sải vào trong. Nhưng càng thiết khổn nạn là ở chưa nóng chỗ, nhà chưa rêu phong lại phải xách dí chạy bán sống bán chết lần nữa, để lại một mảnh đất y chang xoong xà bần thiu úng. Đó cũng là thân phận một Tô Đông Pha tài hoa, suốt đời vì dân vì nước đã bị cái tư tưởng nhất tề xô ngã lăn nghiêng từ Lô Sơn đến Hoàng Châu qua Trường Giang... 46 tuổi tóc đã bạc trắng, khóc cười hun hút câu thơ:

Nam lai bất giác tuế tranh vanh

Toạ bất hàn hôi thính vũ thanh

Gìa nhĩn văn thơ nguyên bất độc

Bạn nhân đẳng toả diệc đa tình

Ta dư lạo đạo vô qui nhật

Linh nhữ ta đà dĩ bán sanh

Miễn sử Hàn công bi thế sự

Bạch đầu hoàn đối đoản đẳng khanh

Tạm dịch:

(Từ khi sang nam, tháng năm heo hút

Giữa đêm dài ngồi khơi tro lạnh nghe mưa rơi

Tay che mắt thơ văn chẳng đọc

Bên bóng đèn đóm lửa ấm tình người

Đã mấy năm trường lưu lạc

Chán cảnh bon chen bươn bả nửa đời

Thế sự ời, sao ông Hàn không bật khóc được

Bóng đèn khuya tóc trắng vẫn chưa quay lại!).

Một Tô đại nhân tài danh bị thiết chế chính trị thời bấy giờ vò vọc xoắn lại như người ta vò tờ giấy loại để thơ ông bật ra tiếng hát bi thương, trong khi những thằng bạn đồng liêu đồng môn thì ngoác miệng ra cười khoái trá và đánh bật được một anh cứng đầu ra khỏi quan trường!

Còn ngày nay, cái ngày chết tiệt, khổn nạn, hổ lốn này lại có nhiều tên nạn khổn hơn đám đòi bọ thuở xưa.

Trong đám bạn ta, có thằng khoái cái ghế đầu 3 chân rưỡi nên chỉ quên phéng nghĩa tình *nhân chi sơ tính bổn thiện*. Chúng muốn ngồi thì phải chỉ điểm bắt bạn bè chiến hữu năm xưa nằm xuống để chúng kê chiếc chân gậy kia lên đầu lên cổ cho vững. Chúng, những người một thời là nhà văn, nhà thơ có tiếng! Tôi có rất nhiều anh chị bạn bị chúng mần lông theo kiểu đó. Trước film cũ mèm này cứ diễn tới diễn lui cả mấy chục năm bắt thấy, bắt nghe, mới nhảm ra rằng những thằng nhà văn nhà thơ như vậy còn ác độc hơn lũ cướp của giết người. Cái đám đó bây giờ đầy rẫy. Chúng vào Hội ca cầm nhờ tài chỉ điểm, đánh bạn bè chí tử hơn tài văn, tài thơ. Chỉ có cái xứ Ana.com mới có nền văn nghệ chỉ chỗ, thậm thụt. Hay thiệt!

2/

Tôi đọc ông Sơn Nam khá bộn, mỗi truyện có một kiểu cách, dáng vẻ riêng của từng nhân vật, nhưng nói chung là tất cả các nhân vật đều rất cà tưng. Cà tưng trong lối sống, hành động, lời ăn tiếng nói... Và có một truyện định dẫn ra nhưng chỉ còn nhớ đại khái nội dung: có bà cụ già với cô con gái sống gần đồn Tây, là hậu cứ của các chiến sĩ “cà nhồng”. Anh nào thiếu, đói, ốm ọ, từ trong bưng mò qua nhà má chỉ mười ngày nửa tháng là béo tròn béo trực. Má không nề hà bất cứ điều kiện đòi hỏi nào của các anh cà nhồng, cà phê, thuốc lá, thuốc chữa sốt rét, cục pin. Tháng này qua năm nọ má vẫn tiếp tục nuôi nấng các anh cà nhồng đánh Tây cho đến khi còn hai bàn tay trắng vẫn cứ nở nụ cười rạng rỡ đón tiếp. Nhân vật xưng tôi cũng được đón tiếp như vậy.

Hồi mới đọc, tôi cứ tưởng ông Sơn Nam bịa để có chuyện viết, chuyện nói với độc giả. Sau này lớn lên, đi

nhiều nơi, sống nhiều chỗ, lăn lộn nhiều vòng mở to hai con mắt, dỏng lỗ tai, phình lỗ mũi mới cảm hết vẻ đẹp của người phụ nữ; không phải là vẻ đẹp ngoại hình mà cái đẹp trong tầng sâu thẳm của cách nghĩ cách làm. Đọc báo thấy đăng tin một bà mẹ trên 60 ở đảo Lý Sơn chỉ có cát, gió, muối và món thổ sản nổi tiếng: tỏi! Vậy mà bà chị đã giang tay nuôi trước sau tổng cộng 50-60 em bé mồ côi, có cháu còn ẵm ngửa. Bà ta có giàu có gì cho cam?

Rồi trên TQBT, mấy năm nay lại có một “*mẹ chiến sĩ*” (chữ của CVK và THT) của anh em văn nghệ kiệt xác. Cái đẹp ấy sao chưa thấy giấy bút nào ghi lại. Đáng ca ngợi lắm chứ. Cớ sao cứ xúm vào ca cái xác chết hết ngày này sang năm nọ như lũ diên độc bùa chú vậy? Phải không ông Nhân, ông Khanh...?

Tâm sự với NG~

Phạm Văn Nhân

TQBT 15 phát hành vào tháng 7/2004. Qua tháng 8, tháng để tôi “thư giãn”, và chuẩn bị làm TQBT 16. Nhưng, bạn biết không, tháng 8 tôi thật lu bu với hai đứa cháu ngoại từ Houston lên nhà ở chơi một tháng. Một tháng, mới thấy thế nào là “giữ trẻ”.

Bạn NG~ thân.

Phải nói trẻ con bên này nó khác với trẻ con bên nhà nhiều lắm. Chúng nó thật năng động, và hay thọc tay vào bất cứ chỗ nào chúng nó thích. Thấy cái gì lạ cũng hỏi. Một tháng, tôi với nhà tôi như “bị cáo” phải trả lời

trước hai “quan tòa”. Tôi nghĩ, khi còn ở quê nhà, tôi thấy trẻ con bên nhà “hiền” lắm. Như tôi hồi còn nhỏ chẳng hạn. Bố mẹ “đặt đầu ngồi đó”. Lạng quạng là chổi lông gà dẹt vào đít ngay. Ai cũng có thể đánh được. Tôi nhớ thời nhỏ của tôi làm gì có T.V. Nhà nào “ngon lắm” có cái máy hát đĩa quay tay “con chó ngồi trước cái loa”. Ngồi bên cạnh cái máy hát đó, cứ dòm lén vào trong cái loa xem có ai trong đó không mà sao có tiếng người hát hay vậy. Cứ chăm chú dòm hoài, tôi nhớ mãi: một cái véo tai thật đau, lôi cổ tôi ra chỗ khác, khi tôi đi mất vào cái loa ấy. Cũng may chưa bị một cái tát tai. Trẻ con ở quê nhà dễ bị người lớn “bộp tai, đá đít” quá bạn nhĩ? Ở đây thì không được bạn ơi! Lạng quạng đánh một tát tai, bầm mặt thì nguy. Tới trường, cô giáo hỏi nguyên do, chúng nói: ba em đánh em. Thôi thì ngày hôm đó, cảnh sát tới nhà mời đi “nghỉ mát”. Và, còn có thể: mất con.

Chấm dứt một tháng, mẹ chúng nó lên, dẫn về để nhập học. Chúng đi, nhà vắng như cảnh chùa. Im ắng. Buồn. Ngồi một mình, tôi lại nhớ đến tiếng cười, tiếng giỡn của chúng nó.

Nói đến ngày nhập học, tháng 9 bên này, giống như bên nhà. Khi dẫn cháu gái tôi đến trường, tôi nghe mẹ nó gọi điện lên nói: cháu gái nhỏ không muốn vô trường một mình, bắt mẹ dẫn vô (năm ngoái cháu học mẫu giáo-kindergarten- năm nay lên lớp một. Mẹ cháu la. Cháu vừa đi vừa khóc, dùng dằng. Thằng anh phải dẫn. Bạn biết tại sao không? Tôi nghe mẹ cháu nói: chỗ đậu xe không còn chỗ trống, cho nên không thể dẫn cháu vô

trường được. Tôi là mẹ cháu. Ngày xưa, bố tôi trường đầu tiên, bà nội phải dẫn đi, thế mà bố còn sợ, níu tay bà. Còn con tôi trường, mẹ con phải dẫn đi vì bố vào trại cải tạo. Thế mà mẹ con còn phải nán lại trước cổng trường để chờ con vô ngôi trong lớp rồi mới về. Trên đường về, lòng mẹ con vui biết mấy, khi thấy con đã được đi học. Thế mà hôm nay không dẫn cháu vào tận lớp để thấy cái vui trong lòng khi nhìn con tới lớp ngày đầu. Bậy quá!

Phải rồi, vào năm 1975, con tôi mới 2 tuổi. Lớn lên, học dưới mái trường của chế độ mới, chắc gì được đọc bài văn của cụ Thanh Tịnh như tôi với bạn phải không? Đọc bài văn ấy mới thấy thấm thía cái ngày “ đi học đầu tiên ” ấy, và đẹp làm sao . Tháng 9, mùa thu, nhập học ở quê nhà hay bên này tôi lại nghĩ đến một chuyện khác. Cũng chuyện đi học ở quê nhà. Và những đứa trẻ ở quê nhà...

Số là, vợ chồng người bạn tôi năm nào cũng về Việt Nam vào mùa hè. Năm nào, hẵn cũng về hơn một tháng. Vừa ở Việt Nam qua. Hẵn có nói với tôi là có điện thoại nói chuyện với bạn là không ra để thăm bạn được. Cũng vì quá bận rộn với các cháu nhỏ mồ côi, bụi đời. Khi ở Đà Lạt, hẵn có gặp người bạn của bạn dẫn con lên Đà Lạt thi Đại học, và có hỏi thăm về bạn. Như thế cũng được rồi. Bạn bè bây giờ còn nhớ để hỏi thăm nhau là điều quý. Tuy nhiên, ở đây tôi muốn nói là: đấy, con cái lớn rồi, đi thi vào đại học mà bố mẹ còn phải dẫn đi. Như bạn chẳng hạn: dẫn đưa con út vào tận Cần Thơ - quê ngoại - để cho cháu thi trong đó. Bây giờ đọc lại bài

văn của cụ Thanh Tịnh, mình mới thấm: hôm nay tôi đi học. Dù học ở cấp nào.

Hôm nay tôi đi học. Vâng. Ngày đầu tới trường còn bỡ ngỡ nắm tay mẹ. Nhưng đến khi quen lớp, quen trường, quen bạn rồi thì vui biết mấy. Đi học mà, trẻ con nào cũng thích. Thế mà, có những đứa trẻ muốn đi học lại không được đi, nghe nói cũng vì nhà trường bên đó - tiểu học - bắt phải đóng tiền (?!). Chánh sách cưỡng bức giáo dục sao lại lạ thế. Học thì có nhà nước lo, trường công mà sao lại bắt phải đóng tiền.

Cũng vì đóng tiền, cho nên có những nhà nghèo quá, không đủ tiền để đóng cho nhà trường, đành cho con nghỉ và bươn chải kiếm ăn. Tuổi 12,13 biết việc gì đâu mà làm. Thôi thì đi đánh giày cho khách nhàn du. Để kiếm tiền mà còn giúp cho gia đình được. Khi bạn tôi về Sài Gòn, lúc nào hấn cũng thích ngồi uống cà phê vỉa hè, vì bản tính hấn là người lính cũ, ở ngoài chiến trường gần 15 năm với binh chủng dù, không thích ngồi uống cà phê trong các nhà có máy lạnh. Nhiều khi nổi máu giang hồ của người lính, thấy những gương mặt của cậu ấm cô chiêu trong các “hộp” cà phê máy lạnh này, thấy chướng tai gai mắt mà nói bậy thì khổ thân. Ngồi ở vỉa hè, uống cà phê “bít tất” có chửi bậy cũng không sao. Ngồi uống những nơi này ngó ông đi qua bà đi lại mà thấy thích. Khi uống thì có một đứa bé mang thùng đánh giày “sà” đến, hỏi hấn: bác đánh giày không, cháu đánh cho? Hấn nhìn thẳng bé nhỏ quá, rồi hỏi: Sao cháu không đi học mà lại đi đánh giày. Thằng bé ngập ngừng, rồi nói: nhà cháu nghèo, không có tiền để đóng cho nhà trường. Cháu

muốn đi học không? Dạ muốn, nhưng bố mẹ cháu không có tiền cho cháu đi học. Thế là hấn bảo đứa bé dẫn hấn về nhà để hấn thăm bố mẹ đứa bé, và từ đó, hấn đòi thọ cho bố mẹ đứa bé để đứa bé trở lại trường không đi đánh giầy nữa. Năm nào về VN hấn cũng ghé nhà thăm để biết việc học của thằng bé.

Còn nữa, vừa rồi hấn lên Đà Lạt tới thăm một ngôi chùa nhỏ, nghèo nàn. Vị sư chủ trì chùa có cứu mang một bé gái vào khoảng 14, 15 tuổi. Chùa nghèo, không biết có cứu mang nổi đứa bé này không, vị sư chủ trì nói với hấn như vậy. Hấn hỏi đứa bé để biết nguyên do vì sao không ở nhà mà lại tới tá túc trong chùa. Bạn biết tại sao không? Cũng vì người cha “nát rượu” bắt bé gái ấy nghỉ học, đi làm kiếm tiền đem về cho lão uống rượu. Không có tiền, lão đánh. Đã đánh nhiều lần, bé gái chịu không nổi những trận đòn vô lý của bố, đành trốn ra khỏi nhà, lang thang và ngủ trong rừng thông, gần chùa. Vị sư thấy được, mang đứa bé về cho ăn, cho ở. Nhưng cũng phải có giai đoạn thôi. Chùa nghèo, không mang nổi suốt đời. Vợ chồng người bạn tôi xin chùa cứu mang đứa bé. Và hằng tháng sẽ gửi ít tiền về chùa cho vị sư. Đừng để đứa bé gái lang thang và ngủ trong rừng thông lạnh giá nữa. Đứa bé gái 14,15 tuổi nghỉ học, ra đời, làm được cái gì? Nay bạn, sao lại có những ông bố kì cục như vậy ở quê nhà?

Tháng 9 nhập học. Tôi nghĩ ở quê nhà chắc cũng còn nhiều gia đình lặn lội khi lo cho con cái tới trường. Như những việc mà tôi vừa nghe người bạn nói lại. Tôi nói với bạn tôi: làm được việc gì có ích thì nên làm. Thuyết nhà Phật có nói: cứu một người còn hơn xây chín mươi

ngôi chùa. Nếu sang năm cậu có về, thấy mấy cháu muốn học mà không đủ điều kiện tới trường được, thì nên giúp. Hãy đi tìm những đứa bé ấy ở những nơi cùng khổ nhất, thì sẽ gặp. Bỏ ngoài tai những tiếng thị phi.

Và, cứ mỗi lần tháng 9 về, tôi lại phải ngồi gõ từng con chữ để kịp chuyển qua cho người bạn của tôi mình, anh Trần Hoài Thư lo in và phát hành TQBT (cứ ba tháng một số). Hôm qua, gọi điện cho Thư, và e mail cho hai người bạn trong nhóm là: anh Trần Bang Thạch và anh Cao Vị Khanh nói chuẩn bị bắt tay vào làm TQBT 16. Qua đường giây điện thoại, tôi nghe giọng nói của bạn tôi thật vui: mới đó mà 16 tập rồi sao cậu? Bài vở thế nào. Tôi nói là không lo. Nhiều lắm, ngay bây giờ tôi có thể làm tới tập 20. Và mới đây bạn bè mới gửi thêm ra cho TQBT những bài thơ và truyện mới nhất của PNL, NM, LK, NPT...

Bạn còn nhớ Phạm Cao Hoàng không? Cái thời mà bọn mình còn gặp nhau ở TH, QN...lang thang trên con đường Trần Hưng Đạo, hay ngồi uống cà phê nơi cái quán trên con đường Nguyễn Huệ, gần nhà PCH. Cái quán gì tôi quên tên. Ngồi nơi quán ấy với bạn bè, tôi mới thấy hết cái tình cái nghĩa của bọn mình lang thang một dạo. nào là MVL, PNL, NLU, THT; mà hôm nay gặp nhau gần đây đủ trên TQBT. Qua 16 số phát hành liên tục, để anh em về lại dưới mái nhà. Để độc giả còn yêu quý những cây viết cũ trước 1975 còn ở lại trong nước, đọc lại văn thơ của các bạn. Thế mà, bạn biết không, hôm nay Phạm Cao Hoàng bắt đầu “ra quân” trở lại. Tôi mừng. Sau khi cậu ta đến Mỹ định cư đã vài năm. Có lẽ hôm nay ổn định được cuộc sống nơi xứ người, Phạm Cao Hoàng bắt

đầu góp mặt với anh em. Bài thơ của Hoàng gửi đến TQBT, tôi đi ngay vào số 16 để các bạn đọc và nhớ đến Phạm Cao Hoàng ngày nào. Lâu lắm, gần 40 năm, hôm nay tôi mới nhận được thơ của bạn bè. Như của Hoàng Ngọc Châu, như của Thanh Hồ, như của Phạm Cao Hoàng...

Có một cái gì đó thật vui với bọn mình, nhất là anh em trong nhóm chủ trương TQBT trong và ngoài nước. Tờ báo không quảng cáo rầm rộ như những báo khác. Không gửi đi bán ở các tiệm sách của người Việt bên này. Thế mà có một nữ độc giả ở Cali tìm đọc TQBT đầu đó, rồi e. mail cho tôi và anh Trần Hoài Thư, hỏi để mua. Tôi gọi cho anh Trần Hoài Thư thay mặt anh em trả lời cho chị. Và anh Trần Hoài Thư bỏ công sức in lại trọn bộ 15 tập gửi qua Cali để biếu .

Bạn thấy, có những độc giả âm thầm tìm đến TQBT và e. mail khích lệ anh em mình. Thật tình mà nói đó là một niềm an ủi lớn lao cho những người cầm bút.

Và, sau cái tin vui ấy, lại đến cái tin buồn, mà tôi nhận chiều nay (18 tháng 8) - khi tôi ngồi viết bài này. Bạn biết anh Hải Phương? Anh ở San Jose gọi điện thoại qua tôi báo tin anh Trương Thanh Tuệ, tức Thanh Tuệ (nhà xuất bản An Tiêm- Sài Gòn- trước 1975) . Anh Thanh Tuệ từ Paris qua Mỹ để lo in tập thơ cho anh Hoàng Trúc Ly. Có ghé lại nhà anh chị Hải Phương thăm, sau đó về Nam Cali (Santa Ana) thì bệnh, anh em đưa anh vào nhà thương Garden Grove Hospital, ở đó anh Thanh Tuệ hôn mê, và mất vào lúc 7 giờ chiều ngày 16 tháng 8 năm 2004. Tôi đã e . mail về Sài Gòn cho anh Nguyên

Mình để báo tin lại cho anh Hoài Khanh. Tin buồn này đến khi TQBT 16 chuẩn bị lên khuôn. Như vậy tập Thơ Hương Sắc Mong Manh của anh Hoài Khanh mà anh Thanh Tuệ (An Tiêm) sẽ in ở Pháp chắc không thành. Tập bản thảo Hương Sắc Mong Manh của anh Hoài Khanh tôi vẫn còn giữ đây do anh Hải Phương bên San Jose photocopy lại và gửi đến TQBT. Nhóm chủ trương TQBT trong và ngoài nước thành thật chia buồn đến gia quyến anh Thanh Tuệ , và nguyện hương linh anh sớm về cõi Phật.

Thư bất tận ngôn

Trần Bang Thạch.

Bạn thân mến xa xôi,

Ở nơi này mấy tháng học sinh nghỉ hè đã vừa qua rồi đó bạn. Vậy mà cái nóng của Houston vẫn giữ ở mức trôm trôm trăm độ F. Cũng đã qua rồi từ thật lâu những tháng năm cổ tích dưới hiên trường của bọn chúng mình. Nhớ những mùa hè cũ để nhớ thêm những cây phượng đỏ nối nhau đi từ một gốc phố nào đó đến chụm đầu giữa sân trường. Và nhớ em của những ngày tháng cũ.

Từ đầu tuần này học sinh Houston đã bắt đầu niên học mới. Đứa cháu ngoại 4 tuổi của tôi cũng bắt đầu đi học. 4 tuổi là vừa đủ tuổi để được nhận vào học lớp gọi là Pre-K, nôm na là lớp tiền mẫu giáo. Đại để là các cu cậu này vào lớp 3 tiếng 1 ngày chỉ để ... chơi. Chuyện này thì không lạ đối với ai hết. 4 tuổi mà xong bậc tiểu học, như cậu bé tên Timothy nào đó ở tiểu bang Ohio mà báo chí

loan tải hai, ba năm trước; hay như cậu Johanson ở North Carolina mới 17 tuổi đã đỗ tiến sĩ y khoa, chờ thêm vài tuổi nữa để làm đốc tờ, mới là chuyện lạ. Hay thậm chí như bà Janet da màu ở Houston, 69 tuổi, vừa nhận bằng cử nhân xã hội từ một đại học cách đây 50 năm đã từ chối đơn xin nhập học của bà, cũng thuộc vào chuyện lạ, phải không bạn?

Chuyện cháu tôi đi học tuy chẳng lạ lắm gì, nhưng, thưa bạn, đối với riêng tôi, tôi có cảm tưởng tâm tư mình có nhiều biến chuyển lạ lắm. Lạ nhiều lắm đến nỗi tôi buộc lòng phải chia sẻ cùng bạn, nếu không thì chắc đêm nay tôi lại thêm một đêm trằn trọc, mất ngủ.

Dĩ nhiên là mọi chuyện bắt đầu từ cái việc đi học của thằng cháu. Nói ngay với bạn là tôi đang có một vết thương lòng. Có vẻ gay go, bi thảm rồi đây. Vết thương này nó nằm ẩn náu đâu đó trong máu thịt tôi từ hồi nào, bây giờ nó mưng mủ, nhức nhối. Nó đánh thức tôi dậy để tôi nhớ lung tung, khiến tôi tiếc đủ điều, rồi tôi buồn đủ chuyện. Chuyện trước mắt là chuyện tôi không thể lấy 1 ngày nghỉ phép tại sở làm để đưa thằng cháu đi đến trường ngay ngày đầu. Tôi nhớ từ khi nó bắt đầu biết nghe, hơn một lần tôi đã tính tới và đã dốt nát nói với nó cái ngày tôi sẽ đích thân dẫn nó đi học, ít nhất là vào ngày đi học đầu tiên. Điều này thì, như vừa nói với bạn, tôi đã không làm được. Đâu có ai học thuộc chữ "ngờ". Không có tôi thì cha mẹ nó lo đưa đón; nó sẽ không sao hết. Nhưng riêng tôi thì "có sao" chờ bạn? Có thằng cháu đầu lòng mà ngày nó bước chân vào trường, mà tôi tự cho là bước vào đời, mình không có dịp nắm bàn tay non

dại , mềm yếu của nó, dẫn đưa nó vào một thế giới mới, một bắt đầu mới. Bà mẹ của cậu bé Thanh Tịnh thật vô cùng hạnh phúc khi nắm tay thẳng con mình đi trên con đường làng dẫn đến lớp học trong ngày khai trường. Nghĩ gần rồi nghĩ xa: Hơn năm mươi năm trước, trong vùng kháng chiến, một ngày 2 lượt người mẹ góa bụa của tôi bơi xuồng ba lá, tránh đạn, tránh bom đưa thẳng con đi học ABC trường làng. Sau này cứ mỗi mùa tựu trường, Thanh Tịnh nhớ bà mẹ trong một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh cùng đám mây bàng bạc trên không; còn tôi thì không quên được mẹ tôi với mái dầm khua nước trên dòng kinh nước mặn và cái đầu đạn lép rơi ngay trên chiếc xuồng mà mẹ tôi đưa tôi đi học ngày đầu. Đầu đạn chỉ cách mẹ tôi nửa tấc. Có ngày đầu thì phải có nhiều ngày sau; mà những viên đạn từ đâu bay tới đâu có phải là luôn luôn lép, họa chăng là chỉ có một phần ngàn. Sự rủi, may có thể đến bất cứ lúc nào. Cho nên mẹ tôi hẳn phải có một nhận thức chín chắn lắm về vai trò của giáo dục mới không nề hà hiểm nguy mà dắt tay tôi, cho tôi làm quen với chữ nghĩa. Ngày tôi đậu bằng tiểu học mẹ tôi vui mà khóc cả buổi. Rồi nửa đêm hôm đó mẹ tôi đốt nhang quì lạy tạ ơn trời đất trước sân nhà. Nghĩ xa rồi lại nghĩ gần: 25 năm trước, khi gia đình chúng tôi đến cư ngụ tại Houston, trừ thằng Út chỉ mới tuổi rưỡi, anh chị nó chưa xong tiểu học. Mấy đứa con tôi, ngày đầu tiên đến trường được bà Mỹ hàng xóm tốt bụng đưa đón, chỉ dẫn tận tình. Thuở đó chúng tôi thấy an tâm. Bây giờ nhớ lại thì thấy ngày ấy cái tâm và cái đầu óc của mình sao mà đơn giản quá vậy. Chỉ sau ngày đầu đó thì các con tôi là hành khách của những chuyến school bus vàng từ nhà đến trường và từ trường về nhà. Ở nhà thì anh em

cứ thui thủi mà chơi với nhau. Cha mẹ chúng nó từ mờ sáng đã rời nhà đến sở làm, chỉ trở về khi các con đã sắp sửa đi ngủ. Một anh bạn văn có cái may mắn hơn tôi: Anh chị có dịp đưa thằng con 6 tuổi vào trường nhập học ngày đầu trên đất Mỹ. Thằng con ấy đã là y khoa bác sĩ từ mấy năm nay, vậy mà thỉnh thoảng khi đọc lại đoạn văn này do anh viết tôi vẫn thấy thấm thía, ngâm ngùi: "... Tiếng Anh tiếng Mỹ của ba mẹ là cái miệng câm, trừ tay chân điệu bộ. Mẹ chỉ vào lớp, rồi đến bên cửa sổ, rồi ra dấu với bà giáo, van nài bà cho mẹ được đứng đấy. Bà giáo hiểu, lắc đầu, rồi ra dấu trở lại. Bà chỉ tay ra ngoài đường, rồi đẩy ba mẹ đi." (Trần Hoài Thư, Cho Con Ngày Ra Trường). Ít nhất đứa bé này còn được cha mẹ đưa tới trường. Một chút hạnh phúc thì cũng là hạnh phúc, phải không bạn? Còn tôi thì từ các con cho đến đứa cháu này, vẫn chưa có dịp!

Cho nên, thưa bạn, hôm nay có 1 ngày nghỉ và tôi đã có dịp rồi. Nhưng cái vui chỉ được thể hiện một nửa. Phần một nửa đã mất là cái ý nghĩa thật sâu xa của dịp dẫn cháu đi học ngày đầu và cái cảnh trí của con đường từ nhà đến trường. Bạn biết không, sáng nay tôi đã dậy thật sớm, nấu một nồi xôi lá cẩm, ra sau vườn cắt một tàu lá chuối tươi, xếp một miếng lá chuối thành một cái khay nhỏ, để phần xôi vào đó, bắt thằng cháu phải cầm theo ăn sáng. Thằng cháu không biết vật trên tay là gì, lại hở miệng toang hoác có vẻ kém vệ sinh nên chần chừ. Ăn hay không là chuyện khác. Tôi thật vô lý và thủ cựu, phải không bạn? Nhưng bạn ạ, tôi muốn bắt đầu cái ngày như vậy, như mẹ tôi đã làm cho tôi hơn nửa thế kỷ trước. Nếu tìm được một tấm mo cau ở đây, tôi sẽ ép

mớ cơm nóng cùng với mấy con tép rang trong mo cau, cho đủ bộ. Tôi cũng không đưa nó đi bằng xe hơi như mọi người, như mọi ngày, mà dẫn nó đi bộ. Tôi có nghĩ tới một giòng kinh nước mặn và chiếc xuồng ba lá hơn năm mươi năm trước ở Trà Cú. Tôi có nghĩ tới con đường tan học khi băng qua cánh đồng lúa mướt gặt, chúng tôi cỡi trần bày trận đá banh buổi; rồi lội ùm xuống sông. Con đường đi học như vậy chắc thú vị hơn ở đây nhiều. Thăng cháu tôi sẽ thiếu hết những thứ này.

Bạn xa xăm ơi, bạn biết không, sáng hôm nay trước mắt tôi là thằng bé, đơn thuần là một đứa học trò nhỏ, như một thằng bé nào đó đi trên đường nhựa phẳng lì đầy xe cộ và phố xá thì cao ngất che cả bầu trời, choáng hết chỗ của cỏ cây hoa lá. Không có cả tiếng chim. Nét mặt nó thì nửa như ngạc nhiên, nửa như quạu quọ; chắc nó thắc mắc là tại sao nó phải cuốc bộ dưới cái nóng dữ dội như vậy. Cháu tôi chắc chắn là chẳng làm sao có được "một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn..." (Thanh Tịnh). Không, không có gì hết. Mấy mươi năm sau, nếu nó có nghĩ tới ngày đầu đi học, cháu tôi sẽ không có gì hết để viết lại hay kể lại. Không có lá ngoài đường rụng nhiều và trên không nó không thể thấy được những đám mây bàng bạc trôi đi, không có con đường làng dài và hẹp. Và nhất là không có một sự thay đổi lớn nào hết trong chính cõi lòng thằng bé vào ngày này. Biết như vậy nên tôi thấy tiếc. Tiếc cho thằng cháu và tiếc cho chính tôi. Tôi

không có cái phút giây hạnh phúc của bà mẹ Thanh Tịnh và của chính mẹ tôi. Về phần thằng cháu thì tôi không nghĩ nó có chút tâm trạng nào của Thanh Tịnh hay của ông ngoại nó hơn năm mười năm trước .

Cho nên vài năm sau, nếu nó tình cờ gặp bài văn của Thanh Tịnh hay gặp được bài viết ngắn này, chắc nó đọc mà không thấu hiểu được bao nhiêu hoặc hiểu một cách lơ mờ. Xem văn nào biết có mình ở trong. Nhưng nếu có ai thử đọc tâm hồn của nó mà thấy rất ít hay chẳng thấy gì là Việt Nam thìthư bất tận ngôn, thưa bạn.

Houston, mùa tựu trường, Aug. 2004

Thư, gửi. Thơ, không gửi.

Cao Vị Khanh

Từ tiền chiến, Nguyễn Xuân Sanh, người làm thơ tượng trưng đã viết một câu tượng trưng hết sẩy. Thư, gửi. Thơ, không gửi.

Thư, gửi. Thơ, không gửi.

Năm chữ ngắn ngủi, cộc lốc, rạch ròi đủ tỏ ra cái vẻ dứt khoát, thẳng thừng, không có gì để bàn cãi nữa. Thư, viết thì gửi. (dĩ nhiên có biết bao nhiêu lá thư đã được viết ra mà không được gửi kiểu ông Lôi Tam- *nếu em trách tôi*

sao hồ hững, tôi chỉ mỉm cười mà chẳng dám thanh minh. Em đâu biết tôi đã thức suốt năm canh, viết lên bóng tối muôn vạn bức thư tình chẳng bao giờ chấm dứt....-nhưng mà đó lại là chuyện khác). Còn thơ, (viết, làm hay hẳn) thì cũng đều dứt khoát không gởi. (đã có lần, Dương Khuê nói về cái chuyện thơ-không-gởi này nghe mà thương hết sức - câu thơ nghĩ đến đo không viết. viết đưa ai, ai biết mà đưa -)

Gởi hay Không gởi, that is the question.

Từ đó đặt ra mối tương quan giữa thơ và người làm thơ với người đọc thơ. Và như vậy không khéo lại lần lần xấn đụng chạm tới cái chuyện nhức đầu kinh niên của nhân loại- Nghệ thuật vị cái gì, vị nghệ thuật hay vị nhân sinh- Ôi cái chữ "vị" tội nghiệt, đầu mối của bao nhiêu oan trái! Cái vấn đề bất kham, to lớn, nặng nề, nhức đầu, mệt óc, làm bộ làm tịch, kiến trắng gọng vàng... mà chẳng đem lại được chút gì thư giãn cho cái thời stock thì xuống ào ào mà xăng nhót thì lên vùn vụt. Còn văn chương chữ nghĩa thì cũng ở vào cái lúc mà dù có bề bề cách mấy cũng chẳng làm gì nổi cho cái miệng được mê mẩn chút cà-phê-thuốc-lá.

Vả lại, này... quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai bồn lưu đáo hải bất phục hồi... !

Vậy thì còn bày đặt làm chi mà gởi hay không gởi. Thì cũng bởi cái thói thày lay, thấy đâu nói đó, mà nói rồi thì bỏ, cho vui...

Vấn đề không phải là gởi hay không gởi. Vấn đề là có gì để gởi hay không. That is the question.

Cái chuyện thơ thì chắc là khỏi nói khỏi bàn. Còn lại cái

chuyện thơ, thì có nói có bàn chắc tới mơi cũng không hết. Đã không hết mà lại cũng không thông. Và chắc chắn là chuyện đâu còn đó đâu có bàn cãi tới khuya. Giống như pro-choice hay pro-life vậy đó.

Như vậy, thư thì chắc là gởi. Hồng gởi sao viết. Thăm viếng. Kể lể. Xin xỏ. Hạch hỏi. Đòi tiền đòi nợ. Vân vân và vân vân. Có một ngàn lẻ một lý do để viết một lá thư. Đầu thư thì đề ngày đề tháng đề năm. Cuối thư thì ký tên (thiệt giả thì lại là chuyện khác). Luận văn thị phạm đã rành rành như vậy.

Thơ, làm thì làm, mần thì mần. Vạy thôi. Có khi có chuyện gì đó thì làm mà có khi không có chuyện gì hết cũng mần. Cái lu bu là ở chỗ đó. Mà có khi có chuyện thì hay mà không có chuyện gì hết cũng hay. Lại lắm lúc có chuyện mà lại dở òm. Cho nên gởi hay không gởi cũng là ở đó.

Nguyễn Xuân Sanh. *Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi. Hồn xanh ngát chở dẫu xiêm y.* Gởi cái gì trong hai câu thơ này. Mà gởi để làm gì. Trong bao nhiêu người đọc có bao nhiêu người hiểu. Mà hiểu, chắc gì đã hiểu đúng. Mà thế nào là đúng thế nào là sai. 30 năm trước đọc tới câu *kiều biết thân đến bước lạc loài nhụy đào thà bẻ cho người tình chung* đã tấm tắc khen hay. 30 năm sau đọc lại cũng thấy hay. Mà dường như cái hay sau không giống cái hay trước. Cái hay trước là cái hay của cô Kiều tiếc nuối cái chuyện để lỡ của cổ. Cái hay sau là cái hay của chính mình tiếc nuối cái chuyện bỏ lỡ của mình. Cái tiếc sau nó đau hơn cái tiếc trước. Vậy thì cái tiếc nào đúng ý Nguyễn Du hơn. Hiểu hơn cái ý của tác

giả có phụ lòng tác giả không.

Người ta cứ hay than phiền cái chuyện vẽ rắn thêm chân. Rồi người ta cũng đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức để tra cứu, hiệu đính, bổ túc, đính chánh... cốt để phục hồi cho bằng được nguyên bản của các tác giả cổ điển. Làm như lộn một chữ, sai một nghĩa là phản bội tổ tông. Vậy chớ chừng cất nghĩa, bình giải... đã chắc gì đúng phước cái ý của ông bà. Hổng chừng hồi năm khi làm thơ ông bà đâu có nghĩ như trong mấy cái cuốn giảng luận giảng văn sau này mà bao nhiêu thế hệ học trò trung học đã dùi-mài-kinh-sử. Mình có phải là bà huyện của huyện Thanh Quan đâu mà dám biểu bà ta không có tình ý gì hết ngoài cái tình phu phụ với ông huyện Thanh Quan trong hai câu *kể chốn chương đài người lữ thứ lấy ai mà kể nỗi hàn ôn*. Trang Tử đâu có phải là cá mà nói đúng chuyện cá.

Hồi còn dạy học, khi giảng Chinh Phụ Ngâm tới câu *nhử rồi nhử lại cầm tay bước đi một bước giây giây lại dừng*, trước mấy chục cặp mắt đang ngược lên thán phục một cách vô tội vạ, tôi hay nổi hứng bất tử bỏ sách vở sửa lại theo cái câu đã đọc được đâu đó một lần *nhử rồi nhử lại cầm tay bước đi một bước lại vin áo chàng*. Chắc bà Đoàn thị Điểm điểm đàm đoan trang hơn tôi nên chỉ dám đứng ở xa xa mà dùng dằng nửa đi nửa ở. Chớ còn tôi thì tôi khoái cái kiểu tình tứ sát-mà-không-sát của cái động từ "vin" hơn nhiều. Đọc lên nghe đã đã mà nghĩ ra lại càng đã hơn nữa. Sao mà tình tứ, dịu dàng, e ấp, vịn mà không vịn, rời mà không rời, nín mà không nín. Ôi cái cảnh biệt ly sao mà lê thê đến vậy! Mà giảng như vậy có

quá ý bà Đoàn thị Điểm hay là có phạm tội công xúc tu sĩ vào thời đó hay không tôi không biết. Mà điều tôi cũng cóc cần. Hai ba trăm năm qua rồi. Người làm thơ làm theo ý mình. Tôi đọc thơ theo ý tôi. Mấy ông khoa bảng học giả nghiên cứu gia... làm chuyện của mấy ông. Tôi đọc thơ (làm lại thơ) theo tâm hồn tôi, theo tình cảnh tôi, theo "sáng tạo" tôi... nghĩa là thơ có chủ ý gởi hay không, tôi cứ nhận theo cách của tôi vậy.

Thơ, gởi. Thơ, không gởi.

Vì thơ không gởi nên chuyện đó càng dễ chịu hơn nữa.

Người làm thơ, trước hết làm thơ là làm cho chính mình, ngay cả mấy cái bài thơ tỏ tình, tán đào... có kêu tên kêu tuổi hắc hoi. Đầu tiên và sau cùng, hồn thơ vẫn là của riêng tây, sự xúc động, cơn hứng tình vẫn mãi là cái hoạt động bí ẩn và cá nhân nhất của mỗi người, cho nên thơ vẫn mãi là của riêng người đó. Cô tình nhân, bà hàng xóm, nàng láng giềng hay gì gì đi nữa vẫn là cái ngôi thứ hai, vẫn là cái vật ngoại thân... chẳng ăn nhằm gì hết với cái hoạt động mù mờ mờ mờ không có gì là luận lý ráo rọi của cái-việc-gọi-là-làm-thơ. Đó là một hoạt động trí năng ở vào thời kỳ sơ đẳng nhất, nghĩa là hồn nhiên nhất. Anh có học thiên kinh vạn quyển, có mấy chục bằng bác sĩ, tiến sĩ, thạc sĩ... nghĩa là chữ nghĩa có đào luyện trau dồi nhuần nhuyễn cách mấy đi nữa, ngôn ngữ có uyên bác bao nhiêu đi nữa mà anh không làm được thơ là không làm được. (dĩ nhiên ở đây nói thơ là thơ chứ không phải là mấy cái bài quảng cáo bán thuốc lột da mặt hay chúc thọ chúc phúc lẫn nhau...)

Như vậy, làm thơ là một hoạt động tự thân, độc lập và biệt lập.

Như vậy, nếu có gởi cũng chỉ là một tác động phụ thuộc, thứ yếu. Bài thơ trước sau vẫn là của riêng người làm thơ. Không gởi.

Và đã không có chủ ý gởi thì cái việc nhận là chủ ý của người đọc. Chính người đọc tìm đến với thơ, chính người đọc thơ làm cái việc mà người làm thơ không màng tới. Cái đẹp tự nhiên của thơ hay nói chung của nghệ thuật là ở đó. Người làm thơ tự do như mây trời và người đọc thơ cũng tự do như hơi gió. Gió đưa trăng thì trăng đưa gió. Nghe nó lả lướt, lãng đãng, nhẹ nhàng và phiêu hốt làm sao. Ở đây không ai trách nhiệm với ai, không ai dụ dỗ ai, không ai đổ thừa cho ai hết. Ở đây là một cuộc đối thoại thầm lặng, bi tráng và tự chủ. Gió đưa trăng thì trăng đưa gió.

Xuân Diệu:

*Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bản cầm ca, tôi chỉ thương
Chỉ lặng trôi theo dòng cảm xúc
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương*

Vâng đọc thơ là vậy đó. Đọc thơ là trực giác. Đọc thơ, khoái thì nói khoái. Không khoái là tại không khoái. Có một sát na nào đó không ăn khớp. Có một mảy may nào đó bị trật chĩa. Khởi cố công tìm hiểu, khởi thắc mắc tra cứu. Không ai mượn.

Toại Khanh:

*Ba ngàn thế giới vo tròn
Nhỏ lên giọt mực chỉ còn trang thơ.*

Đủ quá rồi. Nói gì nữa. Hãy im lặng cho bằng cái im lặng trầm thống của thơ.

Người làm thơ đã không có ý gởi thì người đọc thơ cứ sẵn khoái mà đọc thơ. Đừng khiên cưỡng làm chi mà tủi hờn thơ. Người làm thơ đã làm thơ trong tình cảnh cô độc cùng cực của mình (khi đó chỉ có hấn trực diện với đoạn trường mình, chỉ có hấn đánh đu với định mạng mình, chỉ có hấn xoay trở với tài hoa mình.... làm được hay không cũng chỉ có hấn và cho hấn mà thôi, không có vợ con bồ bịch nào mó vô được cũng như không có chính ủy với đảng ủy nào xía vô được....) thì người đọc thơ, một cách công bằng, hãy tôn trọng cái tâm cảnh nghiệt ngã mà vô cùng ngạo nghễ đó. Nghĩa là hãy đọc vì mình chứ không vì người. Nghĩa là hãy đọc rồi chờ cho tiếng thơ đó lắng đọng vào lòng mình, những dư âm... Và từ đó, mỗi một người thụ cảm một cách riêng, bằng kinh nghiệm của chính riêng mình. Không ai giống ai.

Và điều đó cũng có nghĩa là, bạn ơi, hãy ngạo nghễ làm thơ. Làm thơ cho mình và không gởi. Ai có đọc thì cảm ơn. Mà không đọc được cũng cảm ơn.

Sài Gòn- Sách

Lê Ký Thương

Sài Gòn bây giờ có nhiều nhà sách lớn, luôn đông khách. Sách đủ thể loại, phong phú, đa dạng. Đó là địa chỉ thường đến của những người nhận sách là bạn đồng hành trong cuộc sống: từ em bé mới vào lớp Một đến người già, người của thành phố hay khách vắng lai, người Việt sống ở nước ngoài về thăm quê hương, người nước ngoài

làm việc ở đây hay chỉ là khách du lịch... Những nhà sách lớn ở trung tâm thành phố còn là nơi dành cho khách dạo chơi một vòng, hưởng chút hơi lạnh cho thư thái tâm hồn khi bị cái nóng ở nhà hay đường phố làm mệt người, khó chịu...

Xưa nay, tôi có thú vui đến nhà sách để nhìn ngắm và chọn mua những quyển sách mới xuất bản được bày trang trọng trên kệ. Bắt gặp một quyển sách trình bày đẹp từ bìa đến ruột, nội dung hợp với sở thích của mình, tôi luôn có cảm giác như mình gặp được người bạn tri âm, không cần biết tuổi tác và giới tính, không thể cầm lòng mà không mời về nhà để hàn huyên tâm sự. Nhưng cái quyển rữ tôi hơn chính là mùi colophan của trang sách mới ngày trước. Mỗi lần vào nhà sách Khai Trí (bây giờ là nhà sách Sài Gòn 2) hay nhà sách Liên Châu (bên hông nhà thờ Đức Bà, đối diện với Bưu Điện thành phố, bây giờ không còn) chuyên bán loại sách *livre de poche của Pháp là tôi cầm ngay quyển sách mới đưa thẳng lên mắt, hít một hơi thật sâu để tận hưởng mùi hương của sách như tận hưởng mùi hương của người tình.*

Nhà xuất bản bây giờ thì nhiều và những người làm sách tư nhân (gọi là đầu nậu) hay các Công ty Văn hoá liên kết với các nhà xuất bản lại nhiều gấp bội, nhưng liệu có mấy nhà xuất bản – nơi biên tập và cấp giấy phép xuất bản - “bảo đảm bằng vàng” được thương hiệu của mình? Thỉnh thoảng báo chí lại phát hiện ra một hai quyển sách trông rất đẹp rất sang của một nhà xuất bản tầm cỡ nhưng là “đồ giả”. Sách mà cũng có đồ giả như rượu, bia, bột giặt... lẫn lộn trong nền kinh tế thị trường thì đáng buồn thật!

Trước 1975, mỗi lần bước vào hiệu sách, chỉ cần nhìn thấy tên Nhà xuất bản (hầu hết tư nhân làm chủ) như: Yễm Yễm Thư trang, Khai Trí, Thanh Tâm, Kim Lai ấn quán, Cảo Thơm, Thời Mới, Tuổi Hoa, Nguyễn Đình Vượng, An Tiêm, Lá Bối, Trình Bày... là người mua an tâm, không sợ mua lầm “hàng kém chất lượng”. Mỗi nhà xuất bản đều có tôn chỉ hoạt động riêng, đối tượng bạn đọc riêng, không có chuyện “vàng thau lẫn lộn”. Sách hồi đó xếp chữ chì, in typô. Thợ xếp chữ ở các nhà in thường chỉ có trình độ văn hoá cấp 2, một số nửa buổi đi học trường nửa buổi đi học việc, nên những trang bài vỡ bản đầu tiên luôn bị bỏ dòng, nhảy chữ và chi chít lỗi chính tả (morasse). Vì thế nhà in nào cũng có một “thầy cò” (correcteur). “Thầy cò” là một nghề, được các nhà xuất bản trọng vọng. Nhờ vậy sách của những nhà xuất bản uy tín hiếm có lỗi morasse, nếu có thì luôn luôn có bản đính chính kèm theo lời xin lỗi tác giả và bạn đọc. Điều này không những thể hiện tính nghiêm cẩn mà còn là đạo đức của người làm sách.

Một trong những người nổi tiếng làm sách đẹp, sách giá trị ở Sài Gòn trước 1975 là ông Thanh Tuệ, chủ nhà xuất bản An Tiêm. Ông vốn là tu sĩ Phật giáo, nhưng là một “con người chịu chơi” như anh chàng Alexis Zorba trong lãnh vực xuất bản, là người đầu tiên dám bỏ tiền xuất bản thơ của “trung niên thi sĩ” Bùi Giáng và của nhà thơ Nguyễn Đức Sơn (Sao Trên Rừng). Tôi nhớ vào năm 1964, khi ông Thanh Tuệ đang trên đường đến nhà in chăm sóc tập thơ “Đêm nguyệt động” của Nguyễn Đức Sơn thì bị tai nạn xe phải nằm bệnh viện. Sau đó, xuất hiện một mẫu tin văn nghệ đăng trên tạp chí Văn với cái

tút thật hay: “Đêm nguyệt động... động thầy Thanh Tuệ”. Nếu ai có dịp đọc tập thơ này thì mới biết thầy Thanh Tuệ “chịu chơi” đến mức nào. Sau 1975, ông Thanh Tuệ hoàn tục và lập gia đình. Năm 1981 ông cùng gia đình sang Pháp cư trú, nhưng cái máu mê làm sách đẹp sách hay vẫn không thay được. Đầu năm 1990, sau khi ổn định cuộc sống gia đình, ông làm sách trở lại. Làm sách Việt bên Tây ít người đọc, ông sang Mỹ, hợp tác với những người Việt làm sách có uy tín, in và phát hành ngay trên đất Mỹ. Mới đây, trung tuần tháng 8 năm 2004, ông sang Mỹ để gặp các thân hữu bàn việc kỷ niệm 40 năm thành lập Nhà xuất bản An Tiêm, không ngờ bệnh siêu vi gan C tái phát và mất ngay tại một bệnh viện bang California. Tôi đã từng mê sách của An Tiêm, cách đây hai năm, tôi và vài người bạn có dịp gặp lại ông Thanh Tuệ khi ông về Việt Nam thăm người thân. Gặp nhau, ông chỉ nói toàn chuyện sách đẹp, sách hay. Với ông, xuất bản một quyển sách cũng có nghĩa là tạo ra một tác phẩm mỹ thuật.

Nói đến một quyển sách đẹp, thiết nghĩ phải kể đến tài của người trình bày bìa. Câu “tốt gỗ hơn tốt nước sơn” của người xưa có lẽ không thể buộc vào một quyển sách được. Trước 1975, ở Sài Gòn có những họa sĩ trình bày bìa sách nổi tiếng như Đinh Cường, Nguyễn Trung, Hoàng Ngọc Biên... Họa sĩ Đinh Cường chuyên trình bày bìa sách cho các nhà xuất bản An Tiêm và Lá Bối. Họa sĩ Hoàng Ngọc Biên là người đầu tiên học ngành đồ họa ở nước ngoài, làm việc ở Trung tâm Học liệu, chuyên trình bày bìa sách của cơ quan này và nhà xuất bản Trình Bày. Mỗi họa sĩ đều có *style trình bày riêng*,

nhìn vào bìa sách là biết ngay của ai, không lẫn được.

Hơn mười năm qua, nhờ công nghệ chế bản và in thâm nhập vào VN ngày càng hiện đại hơn - tiêu biểu là Saigon, nên đã hỗ trợ rất nhiều cho ấn phẩm về mặt mỹ thuật. So một quyển sách in bây giờ với một quyển sách in trước thời kỳ “mở cửa” khác nhau khá xa. Nhiều tác phẩm, nhất là tác phẩm văn học dịch, được tái bản trông hết sức “quyền quý cao sang”. Ngẫm ra, vẫn con người đó, vẫn mang tâm hồn đó, nhưng được người “Make up” có nghề, có lương tâm, làm tôn vẻ đẹp lên thì dễ lay động trái tim của đối tượng hơn là “mặc áo vải thô đi chân đất”.

Nhiều người quan tâm đến sách có tâm trạng băn khoăn chỉ sợ trong “thế giới nghe nhìn” ngày nay e sách không còn chỗ đứng và sẽ ngày một hiếm hoi, nhưng tôi không nghĩ mối lo âu đó sẽ thành sự thật khi sách đẹp ngày một nhiều và sách hay trong nước hay thế giới vẫn luôn có đủ cho những người thật sự mê sách gối đầu giường hàng đêm.

PHẠM NGỌC LƯ

Phù Dung

Phải em là khách chiêm bao?
Từ đêm thiên cổ lạc vào đêm nay
Xiêm vàng áo giấy lay bay
Mơ man nét khói đường mây đa tình

Em từ quê quán Vô Minh
Thoát thai cát bụi tái sinh đào hồng
Khuya nay mở quán phù dung
Mời ta khai vị sắc lòng phần hương

Đêm xưa tao ngộ Tầm Dương
Nhận ra dòng dõi đoạn trường với nhau
Khóc cười chung một biển dâu
Tài hoa đồng hội, khổ đau đồng thuyền
Phong trần xé áo rách xiêm
Ba đào ta lụy, truân chuyên em mòn

Ta chơi với giữa sinh tồn
Em chưa thoát nợ phần son kiếp nào
Đêm nay rượu gửi tình trao
Đề thơ lên cửa, chiêm bao chạnh lòng...

Lạnh dần một quán hư không
Khép dần một đóa phù dung vô hình
Em chìm xuống đáy Vô Minh

Bỏ ta trên bến nhân sinh bàng hoàng
Sương rơi, đêm cạn, quán tàn
Cô đơn vời vời... trần gian ta ngồi
Chung quanh vẫn vậy: cuộc đời!

Mộng

Quay lưng Mộng Trước buông rèm
Mộng Sau cúi mặt... tình em kéo màn
Một tuồng Mộng Dữ giả trang
Vuốt nanh sơn thếp son vàng điêu ngoa
Em giăng lưới mộng chờ ta?
Ta theo Mộng Lớn... hoá ra Mộng Cùn!
Thất cơ! Vót nhọn tâm hồn
Ta đắm Huyền Mộng chờn vờn quanh đêm
Chờn vờn tím đỏ vàng đen
Vô tình đắm ngã hồn em không màu!

4.2004

Người trăm năm trước

Người trăm năm trước về chơi?
Y thường vẫn đẹp, mắt môi đang nồng...

Gặp nhau đêm hội Phù Dung
Nhận ra thanh khí tương đồng, kết giao
Biết ta thua trận Ba Đào
Thiên Thư vạn quyển trôi vào hư vô
Biết người hồn mỏng như tơ

Căng ra mà nổi hai bờ Âm Dương
Tĩnh người lệ kết tình sương
Mà nay ẩn một trùng dương sóng cồn
Ta thì chất ngất cô đơn
Giương lòng khinh bạc che hồn đan thanh
Bách niên chi kế bất thành
Uổng hồng môi nọ, tiếc xanh mắt này!

Thôi thì ngẫu hợp đêm nay
Trăm năm vẫn ngọt vòng tay nòn nà
Lìa nhau, người bỗng khóc ta:
Hồng nhan đang mận... tài hoa phai rồi!

Giật mình... gió hú ma trời
Dưới cơn sương lạnh trên đồi trăng khô
Nhìn nhau... bối rối sống sờ:
Người trăm năm trước... không ngờ: hồn ta!

01.2004

LỮ KIỀU

Con chim đen

ĐỨA TRẺ CÓ ĐÔI MẮT TO. BUỔI CHIỀU, NHỮNG bóng cây dài in trên mặt cỏ. Phía dưới thung lũng là bóng tối và khói chiều. Người mẹ nói:

- Thưa ông, cha nó cũng sắp về.

Tôi đặt tay lên trán đứa nhỏ. Trán nóng. Đứa trẻ vẫn mở to mắt nhìn mà không nói gì, nghiêm như người lớn. Tôi nắm bàn tay bụ bẫm của nó, bàn tay cũng nóng và mềm. Tôi nhìn ra khuôn cửa sổ: mặt trời sau dãy thông, đỏ chói. Người mẹ cùng nhìn ra cửa, một nửa khuôn mặt chìm trong bóng tối phía sau, sống mũi thật thẳng, đôi môi thì trẻ thơ và những sợi tóc vương vương trước trán như tơ nhện giăng. Tôi nói:

- Thưa bà, có lẽ tôi không đợi ông nhà được. Nhưng dù thế nào, bà cũng nên đem cháu xuống thị trấn.

- Xin ông hiểu cho... Không thể được.

- Cháu nóng lắm.

- Tôi biết cháu sốt đã hai ngày nay. Chúng tôi chỉ có mình cháu, cháu ngoan và can đảm lắm thưa ông. Nhưng không thể được. Xin đừng bắt tôi cắt nghĩa...

Đứa nhỏ chột như mỉm cười. Trong bóng tối chập chờn, nụ cười của nó không có vẻ trẻ con. Tôi nhìn vào mắt nó. Đôi mắt đẹp như hai vì sao. Tôi vừa nói điều đó, vừa đứng dậy chào người mẹ. Người mẹ không nói gì, khẽ quay lại, đẩy tách nước về phía tôi. Tôi cầm chén trà lên uống, trà thơm và ngon; khi tôi đặt tách trà xuống thì tôi chột nghe tiếng đứa trẻ, lần đầu tiên tôi nghe nó nói:

- Thưa ông, ông có biết một đứa nhỏ nào tên là Hà

không?

Giọng nó thật êm đềm và trầm tĩnh. Nó ngó tôi chăm chú trong lúc người mẹ ngập ngừng nói: *“Hà là tên của cháu đó, thưa ông”*. Tôi cười. Người đàn bà đưa tôi ra cửa. Tôi nói:

- Trà của bà thật thơm và ngon. Và buổi chiều ở đây thật đẹp.

Người mẹ mỉm cười, giơ tay sửa lại những sợi tóc trên trán, bàn tay gầy với những sợi gân chạy rõ dưới làn da xanh. Khi tôi bước khỏi ngưỡng cửa thì nghe tiếng đứa nhỏ hỏi với. *“Thưa ông, ông không biết một đứa nhỏ tên Hà sao?”*. Giọng nó vẫn thật êm và rõ nhưng lạnh lẽo.

Hai bên con đường dẫn xuống chân đồi mọc đầy cỏ hoa dại màu trắng và tím. Buổi chiều vàng, gió thổi, tưởng như có phấn thông bay. Tôi nghĩ đến thật nhiều người. Cố nhớ từng khuôn mặt. Tôi nhìn bóng những con bò đang ăn cỏ, ở ngọn đồi bên kia thung lũng và nhủ thầm thôi hãy quên. Hãy thật quên. Được nửa đường, tôi trông thấy người chồng đang lần bước lên đồi. Ông ta bước chậm, mặt cúi và dừng lại thở khi tôi đến gần. Tôi nói:

- Tôi vừa lên thăm cháu nhỏ.

Ông không trả lời, chăm chú ngó tôi bằng cái nhìn vô hồn; một lát ông nói: *“Vâng, vâng!”* Rồi ông ta giơ tay vẽ một vòng bằng quơ trên trời! Ông nói: *“Mùa này chim làm tổ, những tổ chim treo trước gió”*. Tôi nói:

- Cháu nóng lắm. Tôi nghĩ là ông nên đem cháu xuống bệnh viện dưới thị trấn.

- Thưa ông, chắc nhà tôi đã nói...

- Vâng, tôi biết, bà không muốn...

Người chồng cười, nụ cười không lộ hẳn, man dại:

- Chúng tôi yêu chim lắm ông ạ. Tôi và cháu bé.

Ông ta quỳ chân xuống đất, đặt lồng chim trước mặt, cẩn thận mở cửa lồng, ôm con chim trong hai tay đưa tôi.

- Ông hãy nhìn con chim này. Ông hãy đỡ lấy nó. Hãy nghe cái hơi ấm từ nó chuyển sang, cái hơi ấm nồng nàn mà thân mật, nhưng cũng vô cùng xa lạ.

Tôi cúi xuống đỡ con chim trong hai tay chụm lại.

Đó là một con chim đen như những con chim đen khác.

Tôi huýt gió, con chim nghiêng đầu nhìn. Người chồng giơ một tay vuốt mình chim, nói, giọng buồn lạ lùng:

- Buổi trưa này, tôi ở bên kia ngọn đồi, tôi nghĩ đến con tôi đang sốt ở nhà, vợ tôi đang lo âu. Tôi ôm con chim này trong tay mà rơi nước mắt. Hơi ấm của chim tưởng như cái trán của cháu...

- Vâng... Vâng... Còn đôi mắt...

- Phải đó, thưa ông... Đôi mắt...

Tôi trả con chim và đứng dậy. Người chồng cúi mặt, nói:

- Thưa ông, không thể thay đổi được. Chúng tôi không thể đem cháu xuống thị trấn.

Tự nhiên, tôi cảm thấy thật buồn. Tôi bèn nói với người chồng rằng tôi không hiểu gì cả và không có ý tìm hiểu, nhưng dù sao cũng không thể để yên đứa nhỏ cho lửa đốt nó.

Người chồng cũng nói:

- Tôi hiểu. Không bao giờ tôi giết những con chim đang hót!

Bấy giờ, trên đầu chúng tôi một đàn cò bay qua, những đóm trắng lấp lánh bóng chiều. Người đàn ông đứng dậy, im lặng một lát rồi nói: *"Cũng như không bao giờ tôi giết những con quạ đen. Chúng ta không được sờ vào sự sống hay nỗi chết"*. Ông ta không chào tôi, lầm lũi bước lên đồi. Tôi nghĩ rằng chắc ông ta cũng khoảng tứ tuần. Bấy giờ, dưới thung lũng sương dày đục. Những con bò im

bóng, bất động. Đầu tôi nhẹ bồng. Tôi bước đều. Có lúc tôi dừng lại và thầm hỏi: mình đang nghĩ chi? Nghĩ chi? Nghĩ chi? Tôi không nghĩ gì cả và thong dong bơi trong cái vô tri của mình. Cứ như thế, tôi trở về nhà, tưởng như mình bồng bênh trong bọt rượu.

*

Buổi sáng, tôi đem những viên thuốc cảm lên đồi cho đứa nhỏ. Thung lũng còn lạnh. Những đứa trẻ trong xóm không cười, thun người trong áo ấm nhìn tôi đi ngang. Tôi gặp người chồng đang đi xuống đồi, tay vẫn xách lồng chim. Tôi nhận ra ông ta đằng xa, giữa những bụi cỏ hoang chưa khô sương đêm. Tôi bắt tay làm loa mà gọi:

- Chào ông!

Tiếng gọi vội ra xa, vọng lại: "*Chào ông... chào ông...*" người đàn ông giơ tay lên ngang đầu ra dấu chào. Chúng tôi còn cách nhau một khoảng ngắn, và tôi không cầm giữ được nồn nóng, tôi hỏi:

- Cháu ra sao?

Người đàn ông không trả lời, vẫn giữ bàn tay ngang đầu, tôi trông rõ mặt ông. Tôi và ông đứng lại dưới bóng cây thông, ông ta đặt cái lồng chim xuống đất. Tôi hỏi:

- Đêm qua cháu nhỏ ra sao?

Người chồng nhìn tôi, đôi mắt đỏ hoe:

- Thưa ông, cháu mất rồi. Vâng... cháu mất rồi.

Lúc đó, một giọt nước mắt bên khoé mắt trái lăn xuống từ từ trên má, ông nhấp môi và nói:

- Vâng... cháu mất đêm qua...

Tôi đặt một tay lên vai ông ta. Đứa nhỏ chết rồi. Đứa nhỏ tên Hà chết rồi. Tôi không nghĩ gì cả và nói với ông rằng tôi sẽ lên an ủi người vợ và làm tất cả những gì có

thể làm được để giúp hai người. Tôi nói theo trí nhớ, tôi nói đúng những lời mà nhiều lần tôi nói với cha mẹ những người đã chết, những người bạn hay kẻ lạ. Người chồng im lặng một lát rồi cầm lồng chim lên, ngập ngừng nói:

- Ông thấy đó, con chim đã bay mất...

Tôi nói rằng dù sao ông cũng nên dọn xuống thung lũng, sống hiu quạnh trên đồi như vậy thật không nên. Người chồng trả lời:

- Vâng, ông nói đúng, vâng, tôi hiểu. Nhưng thể được. Chúng tôi đã thể không bỏ đồi mà đi.

Khuôn mặt ông trở nên bí mật. Ông nói như cho mình nghe:

- Xin ông hiểu cho. Không phải ai trong chúng ta cũng có thể lắng nghe được *tiếng cỏ mọc*. Phải biết chờ đợi. Phải biết kiên nhẫn...

Khi ông ta bước đi rồi, tôi hái một cánh hoa trắng. Tôi không hiểu gì cả. Tôi không nhớ gì cả. Nơi đây như chiêm bao và mọi người như không có thật. Buổi sáng quá rộng, trời quá trong làm tôi ngạt thở, tưởng như ai đặt những miếng bông rất êm trên mũi.

Khi tôi bước vào, người vợ ngồi quay lưng ra cửa. Một đứa trẻ vừa chết trong căn nhà này. Tôi nhủ thầm. Người vợ đứng dậy. Đôi mắt còn ướt

- Thưa bà xin bà đừng khóc.

Tôi nói và nghe giọng mình ấm êm, dịu ngọt như đang giảng đạo. "*Không, tôi có khóc đâu?*" Giọng người đàn bà òa vỡ ngạc nhiên. Tôi ngồi xuống ghế mà thấy lòng mình lênh đênh. Người vợ nói gì rất nhỏ và khuất vào nhà sau, trong lúc tôi ngó sững bàn tay mình, tưởng như mơ ngủ trong cái ý thức sáng suốt vô song. Những ngón

tay như rễ cây khô héo. Bao nhiêu ngày tháng đã mất và tôi ngồi đây...

- Thưa ông, ông có biết một đứa nhỏ tên là Hà không?

Giọng nói rõ ràng và nghiêm nghị vang lên. Người mẹ bước ra, tay cầm chén trà, thất thanh gọi: “Hà”. Tôi nhìn lui. Đứa trẻ đang đứng sau lưng, nhìn tôi bằng đôi mắt lớn, đôi mắt luôn luôn to và đẹp lạ lùng.

- Lại đây cháu.

Tôi đưa tay ra và đứa nhỏ nắm lấy. Tay nó lạnh cóng.

Có hay không một đứa nhỏ đã chết? Có hay không những con chim bay mất? Người vợ đưa tách trà cho tôi và gọi:

- Thưa ông, cháu đã bớt nóng và đỡ lắm rồi.

Tôi nói: “Vâng!” Và đưa những viên thuốc ẩm cho người vợ rồi tôi nói với đứa nhỏ thật dịu dàng: “*Bây giờ tôi đã biết một đứa bé tên Hà. Nó đã bệnh và sắp khỏi.*”

Đứa bé cười. Nụ cười rạng rỡ đến khác thường. Nó giơ cả tay kia nắm lấy tay tôi, trong một cử chỉ thân thiện bất ngờ. Rồi nó chột buông tay tôi ra, trở lại dáng thần thờ buồn bã như cũ. Có hay không một đứa trẻ đã chết? Tôi nói với người vợ:

- Sáng nay, tôi gặp ông nhà xuống thung lũng.

-Thưa ông, ở đâu?

- Dưới chân đồi.

Người đàn bà không nói. Lúc đó, đứa trẻ lặng lẽ ra ngồi xuống bậc gỗ, hai tay ôm đầu. Người đàn bà nhìn theo, cái sống mũi thật thẳng và dịu dàng làm tôi xót xa. Tôi cảm thấy mình mệt mỏi và tan biến khỏi thân thể. Tôi nói với người vợ rằng có lẽ tôi không chịu nổi vùng cao nguyên này, tôi sẽ trở lại nơi tôi từ bỏ. Và nói thêm rằng chịu đựng loài người dễ chịu hơn chịu đựng thần thánh. Người vợ hỏi rằng đó là cái cơ để tôi trốn khỏi tu viện mà tôi đã ở phải không. Tôi nói rằng mọi sự đều nhằm

lẫn và tôi không cố ý. Tôi uống hết tách nước và đứng dậy. Có hay không một đứa trẻ đã chết? Người đàn bà đưa tôi ra cửa và cả hai đều không nói gì. Một lát, người vợ nắm lấy tay tôi trong một cử động kinh hoàng, những ngón tay vùi vào tay tôi như chết đuối, nàng nói:

- Đêm hôm qua, chồng tôi không về.

- Ông nhà không về?

- Vâng, đêm qua chỉ có mẹ con tôi trên ngọn đồi này. Tôi thức và chờ, nhưng chồng tôi không về.

Tôi không nói, gỡ những ngón tay vùi chặt của người vợ. Tôi nhớ một đoạn kinh và đọc. Một lúc, tôi nghe tiếng bước chân sau lưng và thấy đứa nhỏ chạy theo. Nó cười với tôi và đôi má hồng trong nắng. Nó thấp ngang thắt lưng tôi và mái tóc bay tung. Một lát, nó níu cánh tay tôi dừng lại. Nó nói:

- Cháu đã biết có một đứa nhỏ khốn nạn tên là Hà ông ạ. Bàn tay nó vẫn lạnh ngắt. Tôi đứng tựa vào gốc thông, mệt mỏi và thở dài, sợ hãi. Tôi nói:

- Cháu hãy trở lại đi.

- Ông không tin sao?

Nó ngồi xuống bụi cỏ bên đường, nói:

- Mẹ cháu ác lắm. Mẹ cháu dối ông đó. Đêm qua ba cháu về nhưng mẹ cháu không cho vào. Cháu đợi đêm khuya, lẻn ra sân, cháu và ba cháu nằm giữa cỏ, nhìn lên trời. *Bây giờ cháu nghe tiếng cỏ mọc. Phải, tiếng cỏ mọc. Ba cháu nói khi nào cháu nghe được tiếng cỏ nhú khỏi lòng đất, thì một đứa trẻ tên Hà sẽ lại chơi với cháu. Ông biết đó, cháu vẫn một mình từ khi sinh ra. Đêm qua, đứa nhỏ tên Hà đã lại, cháu đã quen nó. Trong giấc ngủ giữa trời, gió và sao. Khi cháu thức dậy, nó biến mất. Đứa trẻ tên Hà đã chết...*

Đứa nhỏ có vẻ xúc động. Nó giơ tay ôm lấy đầu – lần

thứ hai, tôi thấy nó trong dáng điệu bối rối ấy. Một lát, nó nói:

- Thưa ông, nó đã chết. Bây giờ, không còn ai quen với nó nữa. Nhưng nó là đứa bạn đầu tiên của cháu. Ba cháu nói rằng *người bạn chỉ đến một lần rồi đi mãi mãi*. Rồi cháu và ba cháu chôn đứa trẻ nơi kia!...

Nó chỉ tay cho tôi thấy một ngôi đất mới um lên dưới gốc thông tôi đang đứng tựa. Tôi vội vã bước ra xa và nói:

- Cháu Hà, cháu hãy trở lại với mẹ cháu.

Nó ngạc nhiên đứng dậy, ngơ ngác một chút rồi nói:

- Không... không... Ông không tin sao... Cháu phải xem mặt nó lại mới được. Phải xem mặt đứa trẻ tên Hà mới được.

Vừa nói, nó vừa khóc to tiếng, vừa chạy lại quỳ hai chân xuống trước nấm đất. Bằng hai tay, hai bàn tay nhỏ trắng xanh, nó bới đất lên, bới thật mau. Nước mắt che mất đôi mắt đen vô cùng của nó. Tôi bước lại gần và thấy bên cạnh đám đất nó bới, giữa lỗ trũng của nấm đất, *một con chim đen, một con chim đen đã chết cứng*.

HOÀI KHANH

Nghe chim lạ hót trong vườn

Tặng Nguyễn Khải Hoàng

và các bạn yêu thơ Qui Nhơn (1)

Một hôm chim lạ ghé vườn

Hót lên cung bậc vô thường mong manh

Vườn con hoang vắng đã đành

Tiếng chim dừng lại những thành lũy xiêu

Những cơn biến động tiêu điều
Những tình bạn cũ dập dờn chia xa
Những tình yêu tưởng phôi pha
Chừng như sống lại đậm đà nhờ chim
Bao phen ký ức mong tìm
Giờ đây sống lại trong niềm ngất ngây
Cảm ơn chim, cảm tạ ngày
Giúp ta sống lại phút giây nhiệm mầu....

28-4-2003

(1) Một buổi trưa bỗng nghe gọi điện và ngâm thơ qua điện thoại- (bốn câu kết bài Ngồi lại bên cầu)- Từ Qui Nhơn vào Biên Hòa, nghe cả tiếng sáo và giọng ngâm tuyệt vời khiến tôi xúc động quá nên đã viết được bài này, và bài Ôi chon von! Để tạ tình các bạn yêu thơ Qui Nhơn nói riêng và Phương Nam nói chung. H.K

SÂM THƯƠNG

Câu chuyện tỉnh lẻ

CHIỀU ĐANG XUỐNG DẦN, XA XA MỘT khoảng trời rừng với những mảng màu đậm nhạt, phối hợp một cách hài hòa trên nền trong xanh, đẹp đến lạ lùng như bản dạo đầu của một khúc giao hưởng không tên. Những cơn gió thổi lạnh, Vân đưa tay gài lại nút áo ngoài, tiếp tục thả bộ về khách sạn.

Đã mấy năm rồi Vân mới có dịp quay trở lại Đà Lạt.

Thành phố này đã và đang trải qua những đổi thay, những biến chuyển hằng ngày, hằng giờ, như nhiều nơi khác của đất nước. Nhưng cứ mỗi lần đặt chân đến đây Vân lại có cảm tưởng tất cả mọi thứ vẫn thế, vẫn như những ngày Vân còn dạy học ở đây. Mặc dù những người quen biết, những học trò của Vân của thời đó đã không còn mấy ai, bằng chứng là đã ba hôm rồi, Vân chưa gặp một người quen nào. Trong thâm tâm, Vân thật sự không có ý định gặp ai, vì người mà Vân muốn gặp chắc chắn không còn ở đây. Hoàng Anh, người yêu của anh đã ra đi từ dạo đó, ở một phương trời rất xa, và nàng không có ý định quay trở về. Nhưng từ trong cõi tiềm thức, hình như anh vẫn như chờ đợi, như mong ngóng, mà không biết chờ đợi, mong ngóng để làm gì.

Đối với Vân, những con đường ngoằn ngoèo, chập chùng hai bên rừng thông, đồi dốc, mặt hồ tĩnh lặng, những mái nhà cổ kính, con gà trống trên chóp giáo đường, những khu vườn đầy hoa, những buổi sáng sương mù, những kỷ niệm về mối tình của Vân và Hoàng Anh, mọi thứ đều trở nên gần gũi, thân quen. Vân cảm giác như mình chưa bao giờ xa rời nó, vẫn là nó trong tâm tưởng, vẫn là nó trong suy nghĩ của mình.

Vân vẫn còn nhớ cuộc chia tay với Hoàng Anh buổi chiều hôm nào. Chuyện như mới xảy ra hôm qua, ngay chính khúc quanh của con dốc này. Một cuộc chia tay bất ngờ, lạ lùng đến khó hiểu. Nó vẫn là câu hỏi đậm nét và ray rứt trong đầu Vân mỗi khi nhớ lại vết thương cũ.

Chiều hôm đó, cả hai lặng lẽ đi bên nhau rất lâu,

không nói với nhau một tiếng nào, không khí có vẻ nặng nề, trầm uất. Như đã có chủ định, bất ngờ Hoàng Anh dừng lại, quay nhìn thẳng vào mắt Vân. Nàng nhẹ nhàng đưa tay vuốt mái tóc, cử động đó làm đôi gò ngực nhô cao, thách thức mời gọi. Giọng nàng thật nhẹ:

- Ngày mai em sẽ ra đi. Việc này em đã muốn làm từ lâu.

Vân hệt hẫng, mặt đất dưới chân tưởng như chao đảo, cuộn xoáy, và không có điểm tựa, nhưng Vân vẫn cố kiềm chế:

- Còn tình yêu của chúng ta?

Nụ cười vụt biến mất trong đôi mắt Hoàng Anh:

- Ở đây, đã bao lâu rồi em vẫn cứ như một người khách trọ, luôn sống trong trạng thái hờ hững, thụ động, không có trách nhiệm với ai, không có trách nhiệm bất cứ điều gì kể cả với anh. Có thể em mơ ước một điều gì đó, mà chẳng bao giờ có được... Không lẽ em ngồi đây mãi mãi nhìn sương mù mỗi sáng mỗi chiều, trong khi thời gian cứ lạnh lùng trôi qua.

Vân nhìn chăm chú vào đôi mắt Hoàng Anh. Đôi mắt mà lần đầu tiên anh cảm thấy hoàn toàn xa lạ, không giống Hoàng Anh như anh đã biết, đã từng thốt lời yêu thương gắn bó và cận kề với anh hơn một năm qua. Đôi mắt Hoàng Anh quá đẹp mỗi khi bắt gặp ánh nhìn lướt qua anh, nụ cười hay nỗi buồn của nàng sẵn sàng nhấn chìm, dẫn dắt anh đến một chân trời lạ, một thiên đường huyền hoặc, không biên giới.

- Nhưng tại sao em khóc?

Hoàng Anh không trả lời, nàng quay lưng bỏ đi, nàng

không muốn nhìn anh, không muốn nghe anh nói. Nhưng điều bất ngờ chính là anh đã không lên tiếng níu giữ nàng lại, anh cứ để mặc nàng bỏ đi. Anh đứng một mình ở khúc quanh của con dốc nhìn theo, nàng rẽ trái và bóng nàng xa dần, tan loãng trong sương chiều. Con đường bỗng thênh thang im vắng như một nghĩa trang. Anh đau đớn, hụt hẫng, nhưng hình như trong lòng anh không một chút oán giận. Anh đưa mắt nhìn quanh lần cuối trước khi quay về nhà trọ. Trên đường về, anh nghe có tiếng hót của bầy chim nhỏ trên cành cây cao, tiếng thì thầm của cỏ cây, hoa lá... Không hiểu sao, ngay trong phút giây đó anh nghĩ đến cái bảng đen ở lớp và những khuôn mặt hồn nhiên, nghịch ngợm của đám học trò. Tự nhiên, anh cảm thấy rất thanh thản, một tình cảm bao dung, vị tha như mạch nước ngầm, như tiếng suối chảy róc rọi trong tim anh. Anh không giải thích được và cũng không muốn lý giải nó. Anh ngạc nhiên về tâm trạng của chính mình: đổ vỡ một tình yêu mà anh đã từng tưởng đó là tình yêu duy nhất, là tương lai và chính cuộc đời anh. Nhưng sao mọi chuyện lại có thể nhẹ nhàng, đơn giản như thế. Đáng lẽ, anh rất đau khổ, đã rất thống hận; và có thể anh đã phải nhảy ào xuống giếng thác đổ, ngâm mình thật lâu trong cơn xoáy và mặc cho nước mắt trào ra.

Một chiếc xe vụt qua, Vân chợt tỉnh, thoát khỏi giấc mơ quá khứ. Khi Vân đến gần căn nhà có giàn hoa thiên lý, bất ngờ, một đứa bé gái, khoảng 10, 12 tuổi, khuôn mặt xinh đẹp với đôi mắt đượm nét buồn, huyền hoặc. Cái nhìn của cô bé làm Vân chạnh lòng. Phải rồi, cô bé có đôi mắt đẹp và bướng bỉnh như của Hoàng Anh. Cô bé

nếu có vẻ giận dữ một điều gì đó, ném mạnh vỏ chuối đang cầm trên tay ra đường.

Vân hơi bất ngờ và hụt hẫng khi nhìn thấy vỏ chuối trên mặt đường, Vân cảm thấy mình bị xúc phạm, như mũi nhọn đâm thẳng vào trái tim. Vân nhìn đức bé, buột miệng:

- Sao...?

Nhưng rồi anh im bặt. Đứa bé khựng lại trước cái nhìn của anh, nhưng không biểu lộ một điều gì. Vân nhìn vỏ chuối trên mặt đường, một thoáng lưỡng lự, đôi tay anh thừa thãi một cách vô lý, hình như anh cảm thấy có một cái gì đó bất ổn, không an tâm trong đôi mắt của cô bé. Vân không dám quay lại, bước vội lên dốc.

Vân thoáng nghe có tiếng đùa giỡn của một đám trẻ nam có nữ có, rồi một chiếc xe bus chở khách du khách đổ dốc rất nhanh. Tiếp theo, anh bỗng nghe tiếng thét thất thanh từ phía sau dội tới.

Sau khi người du khách đi qua. Bé Lan nhớ lại, đặc biệt cái nhìn và giọng nói của ông ta. Trong cái nhìn của ông, bé Lan cảm giác có một chút gì đó hụt hẫng, thất vọng, tuy giọng nói của người đàn ông vẫn trầm ấm và kiên nhẫn. Bé Lan cảm giác người du khách hàm ý trách bé. Không, hình như ông không phải khiển trách bé, mà như muốn trách chính bản thân ông. Tại sao? Điều gì đã thôi thúc người du khách, bé Lan đoán vậy, chắc chắn ông ta không phải là người địa phương này rồi. Nhưng trong đôi mắt ông ta, bé thấy được ông ta thực sự gắn bó với thành

phố này hơn chính bé, người đã sinh ra và lớn lên ở đây. Chính điều đó làm bé cảm thấy ngượng ngùng, nhưng với bản tính cương cường, không chịu khuất phục, bé Lan làm như mình không nghe thấy, quay ngoắt vào nhà.

Hồi nãy, ném cái vỏ chuối ra đường, bé không chú tâm, bé chỉ muốn trút cơn giận. Di Thanh, mẹ kế của bé trước khi lấy xe đi đón em ở nhà trẻ đã bảo bé dọn dẹp cho sạch sẽ nhà cửa. Dù di Thanh nói bằng giọng nhẹ nhàng, thân tình nhưng bé vẫn không chấp nhận hay đúng hơn, bé căm ghét người đàn bà đã chiếm chỗ của mẹ bé trong căn nhà này, sau khi mẹ Lan mất, bé nghĩ như vậy. Bất cứ điều gì di Thanh nói ra, bé Lan đều muốn làm ngược lại, muốn tỏ cho di Thanh hiểu là bé công khai chống đối, và sẽ chống đối cho đến bao giờ di nản lòng bỏ cuộc, rời khỏi căn nhà này. Nhưng oái oăm, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Di Thanh đã sinh đứa con trai cho ba, và đã vĩnh viễn chiếm chỗ trong trái tim của ba. Bé Lan đã trở thành một kẻ ngoại cuộc. Bé luôn nghĩ như vậy.

Chợt nhiên, bé Lan nhớ lại khuôn mặt nghiêm nghị của mẹ mỗi khi bé có lỗi, bỗng bé òa khóc tức tưởi. Bé cảm thấy xấu hổ, biết mình có lỗi, thật sự có lỗi. Người du khách lúc nãy phản ứng rất đúng, bé không nên vứt bỏ cái vỏ chuối ra đường. Bé Lan bất ngờ vùng dậy, bước nhanh ra cửa, bé thập thò ngược mắt về phía dốc, người khách vẫn lặng lẽ leo dốc, như sợ người khách quay lại bắt gặp, bé chạy rất nhanh ra giữa đường, với ý định nhặt cái vỏ chuối. Bé Lan có cảm giác có tiếng nói cười, đùa nghịch của một đám trẻ trước mặt, bé đưa tay chụp lấy

vỏ chuối. Đột nhiên, bé nghe thấy một cái gì đó như cơn bão thổi mạnh, đang ào ào xô tới. Bé hét lên:

- Mẹ ơi! Cứu con với!

Khoảng 17 giờ 45, người tài xế lái xe trở về khách sạn, trên xe dò anh điều khiển có mấy chục hành khách, phần lớn là người nước ngoài. Anh nôn nóng mau trả khách về khách sạn, anh sẽ về nhà, lấy xe gắn máy chở con gái đi một vòng thành phố. Bé Hồng, con gái anh vẫn thích bố chở đi một vòng sau khi ăn cơm tối xong, rồi mới chịu ngồi vào bàn học. Từ ngày vợ bỏ anh đi theo người tình, anh dồn tất cả tình thương của anh cho bé Hồng. Dù thiếu vắng vợ, nhưng mỗi khi chở con đi trên những con đường quanh bờ hồ, nhất là khi Hồng nũng nịu, dựa đầu lên ngực anh, anh cảm thấy hạnh phúc mà anh đang có cũng đủ cho anh sống trọn kiếp người. Anh cúi xuống hôn lên má con.

Có lần, đôi mắt của bé Hồng tròn xoe ngược lên nhìn anh mỉm cười. Nó nhỏ nhẹ hỏi anh:

- Bao giờ thì mẹ về với cha con mình hở ba?

Anh như nghẹn ứ ở cổ và đau thắt ở tim, nhưng vẫn cố mỉm cười trả lời con .

- Khi nào xong công việc thì mẹ về.

Bé Hồng hình như vẫn chưa chịu thôi. Công việc gì quan trọng đến nỗi mẹ không về, hay mẹ không yêu thương cha con mình?

Anh lắc đầu, nói như để che dấu nước mắt:

- Không ! Mẹ rất yêu thương con. Chỉ có điều do ba thiếu trách nhiệm....Nhưng thôi, chuyện này khi lớn lên con sẽ hiểu.

Xe anh đang đổ dốc. Bất ngờ, trước mắt anh xuất hiện một đám trẻ khoảng bảy tám đứa, trai có, gái có, tuổi chừng 16, 17 đang đùa giỡn chạy túa ra giữa đường, ngay trước xe anh, chỉ cách có mấy thước. Rất nhanh trong đầu, anh biết không thể đạp thắng. Vì nếu thắng gấp xe nhất định sẽ lật, mấy chục hành khách trên xe bị đe dọa đến tính mạng. Anh bẻ tay lái rẽ về phía trái, nhắm thẳng vào đụn đất cao bên đường phía trước mặt. Ngay phút giây đó, từ trong căn nhà có giàn hoa thiên lý bỗng một đứa bé gái vọt ra. Anh không biết bé chạy ra làm gì, hình như cháu định lấy cái gì đó thì phải, anh chỉ đoán vậy. Anh hoàn toàn thụ động, không còn có sự chọn lựa nào khác.

Anh nghe tiếng thét thất thanh, và cảm nhận ngay được sức nặng của chiếc xe đang nghiêng lên một thân xác, một thân xác mềm nhũn, không giống với những lần anh đã vô tình cán chết một con thú rừng băng qua đường giữa đêm. Một cảm giác khác hẳn, trái tim anh tê cứng, thẳng thốt đến ngây dại. Sau khi xe chạm vào đụn đất bên đường, dừng hẳn lại. Anh không quan tâm đến những hành khách trên xe của anh mà hấp tấp mở cửa, bước xuống, đi ngược lại, đến bên xác nạn nhân. Anh không nhìn rõ mặt của đứa bé, chỉ thấy cánh tay phải của cháu vươn ra, cái vỏ chuối còn nguyên trên tay. Đứa bé gái, cũng bằng tuổi con gái anh đã hứng chịu hậu quả thay cho đám trai trẻ kia. Anh giận đám trẻ, nhưng anh vẫn cảm thấy mình có tội, một sinh mạng có thể bị kết liễu dưới tay anh. Sinh mạng của một con người là quan trọng, không gì đánh đổi được, dù anh không cố tình, dù anh đã cố gắng chọn lựa một cách thế ít tổn hại nhất.

Nhưng tại sao người này lại phải hứng chịu tai họa thay cho người kia? Ai cho anh quyền chọn lựa đó?

Khi Huy về tới gần nhà, bất ngờ một lúc Huy thoáng thấy một chiếc xe du lịch đang đổ dốc, một đám trẻ đang đùa nghịch chạy toáng ra đường, và từ trong nhà anh, bé Lan, con gái anh bất thần chạy vọt ra. Tim anh thất lại, như muôn ngưng đập. Bất ngờ chiếc xe quẹo về phía bé Lan, lướt qua trước mặt anh. Huy há hốc mồm, tê cứng không một phản ứng. Huy nghe tiếng thét và tiếng xao động chung quanh.

Chỉ mấy phút, Huy mặc kệ chiếc xe gần máy đổ xuống, Huy xông thẳng về phía đám đông quỳ sụp xuống bên xác con gái, ôm chầm lấy bé:

- Con gái của ba.. Tại sao? Tất cả do lỗi tại ba.

Huy gục xuống như một thân cây gãy đổ, vừa kịp đôi tay của vợ anh giăng ra. Khi nghe tiếng thét thất thanh, rồi tiếng ồn ào náo loạn, Vân hốt hoảng quay lại, anh chạy thật nhanh xuống dốc. Rẽ đám đông, anh thấy đứa bé gái mà anh đã tình cờ gặp mới mấy phút trước. Bé nằm sòng soãi trên vũng máu... Đặc biệt, cánh tay của bé vươn ra, trong lòng bàn tay vẫn còn nắm chặt lấy cái vỏ chuối. Anh run run nhìn rất lâu vào bàn tay của bé, và ngay lập tức anh hiểu lý do tại sao thảm kịch đã đến với bé. Anh ôm đầu đau xót, thầm trách phản ứng nửa vời của mình. Nếu như anh cúi xuống nhặt chiếc vỏ chuối thay vì lẳng lặng bỏ đi, thì mọi việc đã không xảy ra. Anh thật sự đã trở thành một kẻ sát nhân.

Ngay lúc đó, một chiếc cứu thương đỗ xích lại, những người cấp cứu đã gạt đám đông, bước vào, đặt bé Lan

lên xe cứu thương. Xe cấp cứu hú còi phóng đi. Trên hiện trường, những nhân viên của cơ quan điều tra đang tiến hành lập biên bản.

Vào khoảng hơn 10 giờ tối, dưới ánh sáng lù mù của những bóng đèn tròn, bám đầy bụi, dọc theo hành lang trước phòng giải phẫu của bệnh viện tỉnh. Trên những băng ghế dài, ngoài người cha và người mẹ kế của bé Lan, còn có Vân, người du khách, anh tài xế và đám thanh niên gồm bốn nam, bốn nữ. Họ là những chứng nhân của tai nạn hay ít ra họ là những người có liên quan đến tai nạn của bé Lan hồi chiều nơi khúc quanh của con dốc. Họ ngồi rải rác, hoặc đi qua đi lại, không ai nói chuyện với ai, ngoài đám thanh niên, những người còn lại chưa từng quen biết nhau. Họ đang chờ đợi kết quả cuộc giải phẫu đang tiến hành ở bên trong để biết về số phận của bé Lan. Bỗng có tiếng huyên náo, một phụ nữ tiều tụy, khuôn mặt như ngầy như đại, áo quần xốc xếch, tay chân múa may, miệng hát lảm nhảm không biết từ đâu đi thẳng vào hành lang. Đến trước mặt đám đông, ngừng hát, nhả mặt cười trước khi lên tiếng hỏi:

- Máy người có gặp con gái của tôi không?

Một cô gái trong đám trẻ nhanh nhẩu hỏi lại:

- Con gái đi là ai? Bạn ấy như thế nào?

Người phụ nữ chăm chú nhìn cô gái, ánh mắt hoang dã và vô cảm, làm cô gái hoảng sợ thụt lùi. Người phụ nữ đưa tay hươ hươ trước mặt đám đông:

- Các người là kẻ đồng lõa, một lũ sát nhân, đã nhẫn tâm giết chết con gái tôi.

Giọng người phụ nữ thấp xuống, thật nhỏ như không muốn ai nghe, bà ta muốn nói với chính mình:

- Sao con nỡ vứt bỏ giọt máu của con, tự hủy diệt con?

Mẹ sẵn sàng nuôi cháu mà... ai không nhận mặc họ.
Người phụ nữ ngờ nghệch bước nhanh đến bên cánh cửa,
ghé mắt qua lỗ khóa nhìn vào bên trong phòng giải phẫu
một cách chăm chú, tò mò. Một lát, nét mặt hết hoảng,
sợ hãi, ôm ngực quay lưng bỏ chạy như bị ma đuổi. Đám
đông nhìn theo ái ngại.

Không khí im lặng bao trùm. Thỉnh thoảng, đám đông
đang có mặt lại đưa mắt nhìn về phía cửa phòng giải
phẫu với ánh mắt thấp thỏm, lo âu, đáng vẻ giống như
những kẻ tội phạm trước giờ phiên tòa xét xử.

NGUYỄN VĂN NGỌC

Khi về hậu cứ

tròn hai tháng hành quân
đại đội về hậu cứ
mừng ta, vẫn sống nhăn
sau mấy lần đụng độ.

doanh trại bên này đường
xế bên kia, quán nhậu
bạn, mấy thằng độc thân
tối, kéo qua uống rượu.

này, cô chủ dễ thương
dọn thêm vài món nhắm
suốt đêm nay không chừng

bọn tôi say tới bến.

nào cạn, trăm phần trăm
và, tạm quên lửa đạn
hầm hố với mìn, chông
của mịt mù chiến trận.

lương mới lãnh còn nguyên
hãy cụng ly, chết bỏ
mai mốt lại lên rừng
biết có còn dịp nữa?

Núi Thấp

đi qua núi thấp, hồn tê điếng
đau tiếng chim kêu lạc ven rừng
thu cuối mùa thật hiếm hoi nắng
mà lòng ta đã ngợp gió đông

đi qua núi thấp, chiều xuống thấp
nhớ bạn xưa, nhớ cụm rừng xưa
tìm quanh, chỉ thấy ta và bóng
giữa tàn thu, đất ngập lá khô.

Đi qua núi thấp, ngõ đời cũ
trong những chiều lửa đạn điu linh
bạn bao đưa chết khi tuổi trẻ
còn ta sống sót làm bại binh.

đi qua núi thấp, đá chồng dựng

ngó như ai ngồi ôm mối sầu
vết thương quá khứ theo dáng tượng
bật máu chảy từ tim ta đau

đi qua núi thấp, mưa rơi tối
thú mất bấy hủ vọng truông xa
tưởng chừng ta cũng vừa lạc lối
đường hút sâu không biết đâu nhà.

MANG VIÊN LONG

Bóng ngựa qua sông

NĂM GIÁP THÂN, 1944...

Ba mươi ba tuổi, ông Thơ đã có hai đời vợ, cộng cả thảy là bốn đứa con- đứa thứ 5 của bà vợ sau đang còn nằm trong bụng mẹ.

Trong làng, gia đình ông thuộc hàng phú nông ; cha mẹ ảnh hưởng nho giáo nặng nên chỉ cho hai anh em ông đi học, còn người chị thì gả có chồng sớm năm mười bảy tuổi. Mẹ ông chưa chịu nhận đám, còn quyến luyến con, vả lại trong mắt bà, con bé Huyền còn nhỏ quá. Bà còn viện dẫn thêm cái khó khăn trong nhà không có người con gái đỡ đần sớm hôm với bà ; một mình làm không xuể, mà thuê mướn thì thêm phiền.

Lý lẽ thứ nhất, cha ông Thơ đọc ngay câu ca dao “*Con gái mười bảy, bẻ gãy sừng trâu*” – rồi cao giọng hỏi : “Bà còn nhớ hồi bà ưng tôi năm bao nhiêu tuổi không?”

Mẹ Thơ im lặng .

Việc thứ hai, ông giải quyết cũng nhanh chóng: “Gọi thằng Thơ về, cưới vợ cho nó. Vậy là bà có con gái, có người giúp việc trong nhà- nhất cử lưỡng tiện!”.

Mẹ Thơ không dấu được nỗi lo lắng, bà thở dài:

-Thằng Thơ vẫn còn đang đi học kia mà ?

-Học thì cứ việc học, cưới vợ thì cứ cưới, có hề gì đâu ? Bà không nghe có khối ông Tiến sĩ, Trạng Nguyên... trước khi đi thi đều đã có vợ con rồi sao ? Cha Thơ khăng khăng như vậy .

Mẹ Thơ im lặng .

Nhưng Thơ thì cương quyết phản đối. Thơ đang học năm thứ hai Ban Cao Đẳng ở College Qui Nhơn bị cha gọi về, sắm vai chú rể. Cô dâu là người ở thôn trên, vóc dáng khỏe mạnh, siêng năng làm việc, đã do cha mẹ ông chọn cho rồi ! Ngày làm đám cưới, ông Thơ đã lén trốn đi biệt, ba ngày sau cha ông cho người lùng tìm, mới bắt về được.

Lửa gần rơm thì phải cháy. Ông vẫn được tiếp tục đi học ở Qui Nhơn, vẫn đi về sống với người vợ xa lạ. Năm ông thi đậu xong bằng Displom, cũng là năm đưa con thứ hai của bà vợ trước ra đời !

Ông Thơ được bổ làm thông ngôn, thư ký ở Bàu Cạn-Biển Hồ. Một lần đến thanh tra, làm việc ở một sở trà, ông tình cờ gặp cô công nhân lựa trà xinh xắn, gương mặt bầu bĩnh, phúc hậu ; hỏi ra lại là người đồng hương.

Thế là ông lui tới sở trà hằng tuần, sau đó là hằng ngày, và sau cùng là đã cùng cô gái công nhân trắng trẻo dễ thương kia sống chung ngoài thị xã... Nhân vụ cãi vã với tên Giám đốc người Pháp để phản đối việc đối xử tàn tệ, vô nhân của tên chủ sở đồn điền cao su với đám phu mới tuyển- ông Thơ bỏ việc, dắt nhau về quê vợ sinh sống.

Ông làm nghề dạy học một thời gian, rồi chuyển xuống thị trấn, kinh doanh các loại thuốc cao đơn hoàn tán. Trên tấm carte visite, ông ghi : *“Đại lý cao đơn hoàn tán các nhà thuốc danh tiếng”*. Ông cần mẫn làm việc, giao thiệp rộng, nên chóng phát đạt.

Vợ ông- bà Diệu, đặt thêm mấy chiếc tủ kính thấp; buôn bán vải vóc, tơ lụa. Nhờ biết tiếng Pháp thông thạo, ông liên hệ với Công ty Rượu Societé Industriell et commercial de l’ Annam ở Phù Mỹ để làm đại lý- gọi tắt là Rượu SiCa.

Tuy bận việc kinh doanh, ông lại rất hâm mộ hát bội. Trong huyện, nơi nào có đám hát, là ông rủ bạn bè đến xem- dù phải đi xa hằng mười, mười lăm cây số. Ông bỏ tiền thuê vài chiếc xe kéo ; xế chiều ra đi, quá khuya mới về đến nhà... Từ việc đam mê hát bội, ông và đám bạn thân, có ý định thành lập một gánh hát riêng. Các gánh hát chọn lại, được bốn cô đào hát hay, nổi tiếng ; ông và đám bạn chia nhau đi chinh phục, rủ rê về cho gánh hát của mình. Ông Khanh “bắt bớ” với bà Thu, ông Bản theo đuổi bà Mộng, ông Vĩnh săn bắt bà Liễu, còn ông Thơ thì tỏ tình với bà Cầm.

Công việc làm ăn của gia đình ông Thơ ngày càng phát đạt. Ông mua thêm mấy cái nhà cùng đường phố. Mua

vài mẫu ruộng tốt gần nhà. Ông cho dỡ bỏ hai ngôi nhà cũ, gọi trên chục thợ giỏi về, xây lầu. Trong cái thị trấn nhỏ bé này, ngôi nhà lầu một tầng của ông là ngôi nhà đầu tiên... Nhiều người ở xa cũng tò mò đến xem !

Ngôi nhà lầu đang ở vào giai đoạn hoàn chỉnh, còn gánh hát bội cũng đang được quy tụ, mua sắm các thiết bị cần thiết ; thì ông Thơ ngã bệnh đột ngột.

Các loại thuốc cao đơn hoàn tán sẵn có đều được dùng, nhưng bệnh ông không thuyên giảm. Bà Diệu đang có thai tháng thứ sáu, buồn lo nhiều nên cũng bị động thai phải nằm yên một chỗ. Bà luôn bị ám ảnh bởi câu chuyện kể lại của gã xe kéo, lúc chở ông Thơ lên ga tìm mua thêm vài bao xi măng, trở về- đường vắng, giữa trưa, ông Thơ vô ý để tuột rơi một chiếc giày. Ngay lúc ấy có một thiếu nữ mặc áo quần trắng tinh đi đến, ông Thơ đã nhờ cô ta nhặt giúp. Sau đó, thiếu nữ biến mất. Ông Thơ trở về nhà, ngã bệnh. Bà đã bày lễ vật, đèn nhang, hoa quả ra trước sân nhà khẩn vái, nhưng vô hiệu. Bệnh tình của ông Thơ ngày càng nặng hơn.

Trong đám bạn ông, có ông Bản là người ở kế bên- sốt sắn đi rước giúp về một ông thầy thuốc Bắc. Không biết ông thầy này bắt mạch thế nào, uống xong thang thuốc thứ nhất, ông Thơ không còn nói năng được nữa ! Ông Thơ đã tắt thở ngay trong ngày hôm đó.

Cái chết đột ngột, sớm sửa năm ông mới vừa ba mươi ba tuổi, khiến nhiều người dị nghị, bàn tán. Có người cho là lỗi ở ông thầy –bất-đắc-đĩ. Ngu dốt mà đòi làm thầy. Có kẻ bảo, thế nào cũng có bàn tay nham hiểm bí mật bỏ thạch tín- mã tiền vào siêu thuốc. Lại có người tin là ông Thơ bị “cô bà” bắt đi... Dù là vì lý do gì đi nữa, ông Thơ

cũng đã chết. Bóng dáng ông sẽ không còn trên cõi đời này nữa. Bỏ lại người vợ trẻ đẹp, ba đứa con, và một sản nghiệp khá lớn...

oOo

Sau tháng mãn tang ông Thơ ba năm, bà Huyền – chị ông, đến thăm, ngộ ý “làm mối” bà Diệu cho một ông bác sĩ góa vợ, đang làm việc ở nhà thương Song Thanh.

Bà nói :

-Chị thấy em còn trẻ quá, buột em thủ tiết thờ chồng kể cũng tội, hơn nữa em cũng cần có người nương tựa sớm hôm về già- chị biết ông bác sĩ này rất tốt, nhân từ, có học thức... Người như vậy em có thể tin tưởng được, chỉ biết lấy phước nhà mà đóng thôi em à !

Bà Diệu hơi cúi đầu, tay vân vê nút áo- khẽ đáp :

-Cám ơn anh chị đã có ý lo cho em và các cháu, nhưng em chưa nghĩ đến...

-Bao giờ thì em nghĩ tới ?

-Thưa , em chưa biết ...

-Được rồi, em cứ suy nghĩ. Bao giờ đồng ý thì tin cho chị biết. Nói với em chuyện này là anh chị sợ em trẻ người, non da, gặp nhảm thẳng sở Khanh, đều giả, thì lại khổ cả mẹ con ! Ở đời, có nhiều cạm bẫy lắm , em sao có đủ kinh nghiệm mà tránh ?

Khoảng gần một năm sau thì ông Bản dày dạn, ngang nhiên, về sống chung trong gia đình bà Diệu. Ông bỏ bà vợ một mất con của một quan tuần phủ khi đã có hai con. Thuở trước, ông cưới con quan vì món tiền, ruộng đất hồi môn nhiều. Ông quan đã nghĩ hưu biết con mình

không đẹp, đã cho thêm ông Bản mấy mẫu điền thổ. Nay thì tiền hết, ruộng đất sung công ; ông trở mặt ruộng rẫy là chuyện thường tình. Ông tự xem như bản hợp đồng đã hết hạn . Và tình nghĩa vợ chồng như một món hàng có thể đổi thay tùy ý vậy.

Bà Diệu biết rõ gia cảnh, con người của ông, nhưng con chim đã chui vào bẫy, con cá đã cắn câu rồi: Bà đã trót có thai với ông ; biết tính sao cho yên ? Đứa con trong bụng bà là sợi dây oan trái vô hình đã buộc chặt đời bà với gã đàn ông lẳng giềng! Bà lại cảm thấy yếu đuối, cô thế; không thể tự mình phá vỡ màn lưới của chiếc bẫy được che đậy khéo bằng những lời đường mật ái ân ! Lý trí thường không thể thắng nổi tình cảm được ve vuốt nơi người đàn bà.

Ong Bản dần dần tóm thâu, di chuyển những tài sản kín đáo, có giá trị, của gia đình bà Diệu ! Ông thao thao về vớ vớ với bà về công việc “làm ăn lớn” là sản xuất xà phòng ; bán sỉ và lẻ, cho cả tỉnh, cả mấy tỉnh lân cận nữa. Tha hồ mà hốt bạc. Nhưng cả năm trời trôi qua, bà chưa hề thấy được một bánh xà phòng nào – mà tiền thì cứ bảo là đã bỏ vào lò đốt cháy ! Không ai biết là ông đã tiêu hủy tiền bạc như thế nào ?

Một buổi tối, sau lúc cãi vả to tiếng với bà Diệu- ông Bản đã đánh bà, té ngã, ngất xỉu ! Thì ra, ông đòi bà lột chiếc vòng vàng một lượng đang đeo ở tay Ngọc- con gái bà ; đưa cho ông ... đi mua củi về nấu xà phòng ! Bao nhiêu chiếc ghe chở củi xuôi dòng sông phía sau nhà đã được đốt đi, là bấy nhiêu mồ hôi, công sức, của vợ chồng bà trước đây đã biến thành từng đồng tro than trong mưu tính chi li của ông. Lòng người quả thật khó dò.

Bà Diệu đã sụt sùi khi nói với Ngọc :

-Con thương má, cho má mượn lại chiếc cong vàng đưa cho “nó”, nếu không có chắc “nó” đánh má chết mất !

Ngọc đưa tay cho mẹ. Tay bà Diệu run run gằng tháo chiếc vòng đang đeo trên tay con ; cả hai mẹ con đều chảy nước mắt. Ở tuổi mười hai, tuy Ngọc chưa hiểu thấu được nỗi đau của mẹ, nhưng nàng đã khóc vì những giọt nước mắt của mẹ chảy ràn rụa như không bao giờ dứt. Thăng Viên- em trai Ngọc, được sinh sau ngày ông Thơ mất ba tháng ; đã lên sáu, cười nói với chị: “cho má mượn mà cũng khóc, xấu hổ quá !”. Anh trai Ngọc được ông Bá vận động cho đi học ở trường Hòa Bình- cả tháng mới có dịp về thăm nhà một lần ; không hề biết chuyện gì đã xảy ra với mẹ mình, cho gia đình mình. Bà Diệu luôn dặn dò Ngọc, và cả thăng Viên nữa- không được kể chuyện “chú Bản” đánh mẹ, việc bà “mượn tạm” chiếc vòng vàng, vân vân... Bà không nỡ để cho Phúc biết, rồi buồn lo, rồi xao lãng việc học. Bà cam nhận chịu lấy một mình nỗi khổ đau vì lỡ lầm, vì phút giây yếu đuối sa ngã. Bà hiểu dần ra thâm ý của người chị chồng, có lẽ chị ấy đã nghe được đâu đó tin đồn về bà và ông Bản; nên đã đường đột mở ra cho bà một con đường- tránh sa lầy vào hố thẳm ! Bà Diệu còn nhớ như in nét mặt buồn buồn và lời nhắn gửi thâm tình sau cùng lúc ra về. “*Ờ đời, có nhiều cạm bẫy lắm em à !*” của người chị chồng phúc hậu.

Nỗi buồn đau cộng với sự ân hận dần dà khiến bà Diệu gầy ốm, xanh xao thấy rõ. Bà bị bệnh mất ngủ. Đường như một đêm, bà chỉ chợp mắt được một hai giờ lúc gần sáng. Làn da trắng hồng mịn màng thuở nào, đã trở màu

tái xám. Mái tóc mượt dài chấm lưng đã rụng, thưa dần, khô quăn như bị phơi nắng. Cả người bà như một trái mướp già khô khốc, treo lủng lẳng trên giàn đã khô rụi lá.

Một năm sau, bà Diệu chết vì bệnh lao ; ở vào tuổi ba mươi chín ! Đó là ngày 27 tháng 10 năm 1952. Đêm 26, trời mưa bão, nước tràn qua các ngã đường thị trấn; lạnh lẽo và hoang vắng. Cuộc đời bà đã chấm dứt, ra đi, cũng lạnh lẽo và vắng lặng như thế !

Phúc đã nghỉ học, từ Hòa Bình trở về, trước lúc mẹ mất một tháng. Nay thì ba anh em đùm bọc nhau sống, quên dần cái quá khứ vàng son êm ấm ; để lo cho từng bữa ăn độn củ, mà còn thiếu trước hụt sau. Chiến tranh đã làm cho cuộc đời khốn khổ, càng thêm khốn khổ. Cái thị trấn nhỏ bé hoang vắng, càng thêm hoang vắng. Con người còn lại là những cái bóng thấp thoáng- vội vã, lầm lũi, cô độc về chiều... Cuộc đời như đang khép dần lại, cách biệt.

Sân xi măng của ngôi nhà lầu một tầng thuở trước đã bị đập phá bởi lệnh “tiêu thổ kháng chiến” ; nay là sân phơi lúa, sân họp thiếu nhi, sân trải chiếu nằm chơi ngắm trăng của chị em Ngọc những đêm Rằm thanh vắng không nghe tiếng máy bay, không nghe tiếng keng báo động vang lên dồn dập từ xóm dưới...

Bà Diệu chết, để lại đôi bầu của gian hàng xén đã vơi gần hết. Ngọc bày cả ra trên một chiếc giường tre, trước mặt nhà, bên lề đường hai bên phủ ngập cỏ- để ai qua lại cần món gì thì bán. Bán đi mà không mua vào. Phúc thì ra đi từ canh ba, với một ba lô chứa cân xách tay bằng sắt, lãnh từ một lò rèn sản xuất ở Đập Đá- đi đến các

chợ trong huyện bán lại kiếm ít đồng lời. Phúc thường nói vui với các bạn học cũ ở Hòa Bình có dịp ghé thăm, rằng – “Chúng quanh tất cả mọi người đều khổ cả, nên mình cũng chẳng biết khổ là gì. Đâu có cái sướng nào trong thời buổi bom đạn, chiến tranh ?”.

Công việc của Viên hằng ngày là xách rổ đi dạo, lang thang trong các khu vườn hoang, hay dọc theo bờ sông, để hái rau dền, rau má. Những tháng nước sông cạn, nó lội qua sông, xuống ruộng bắt cua, mò cá ! Nó cũng sắm được một chiếc cần câu, nhưng chỉ bắt được những con cá rô, cá trắng ngừ nghếch, tham mỗi nhỏ xiu chỉ vừa một miếng ăn !

Từ ngày Nga- em cùng mẹ khác cha với Viên được ông Bản đưa về An Thuận gởi cho cha mẹ ông- Viên chỉ biết chơi với chị Ngọc, hay lăm lủi một mình. Ông Bản ít bén mảng đến. Lâu lâu, ông thọt vào, nói lung tung đủ thứ chuyện, rồi biến mất. Phúc đã dần biết rõ hết mọi việc, nhưng vẫn giữ im lặng. Lạnh lùng . Hận thù có ích lợi gì đâu- khi mọi chuyện đã trôi qua, mẹ mình đã chết ? Điều quan yếu là làm thế nào để ngăn chặn cái xấu ác xảy ra- nhưng Phúc đã bất lực. Anh tự nhủ với mình nhiều lần như vậy. Trước mắt là phải sống...

Tin ông Bản bị sập một bẫy chông sắt phía sau vườn nhà ông ở An Thuận đến tai anh em Phúc quá muộn : Ông đã bị những thanh chông sắt nhọn hoắt gổ sét đâm thủng hai bàn chân, xuyên lên đùi; bị nhiễm trùng, và chết ngay ngày hôm sau. Một bóng ngựa nữa đã qua sông...

Quê nhà 27/10/1985

HẢI PHƯƠNG

Ta hành lý gửi lòng trai tang bỗng

Biết đâu
yêu gửi sân ga
bon bon dấu bụi
đường tà vệt ngang.

Ta đi
chiều bước lang thang
co ro phố quạnh
hai hàng cây so.

Con đường xưa
gió dẫn đo
em bay tà áo
lòng tơ
vương thăm.

Bãi khuya
đường sắt ga nằm
song song bến đợi
người trăm năm
về.

Toa đầy
nặng chuyến tình quê
đêm cô lẻ nhớ
ngày mê mệt dài.

Con tàu
chở những sớm mai
ta hành lý gửi
lòng trai tang bỗng.

*Tháng hai 2004
Khi qua ga Nha Trang*

Khi qua Cà Ná năm hai ngàn

Qua đây
dấu bụi âm âm
trong hơi thở trộn
vết tằm tích
người.

Hoàng hôn
sững đứng
nhão nhừ
rừng cây trụi lá
đá cười
nhe răng.

Chiếc xe
chuyển bánh tiền thân
vòng ôm nhật nguyệt
em gần gũi
ta.

Phúc âm gió Mũi Kê Gà

Tang nghi quán thơ rất dĩ ảo tưởng nghiệp thiên tài
điều luân vũ nghe xanh xao trời cỏ mộ
bước em đi nhịp hồng nhan là lượt lên ngai
ta kẻ lữ đứng ngoài hiên trí nhớ
mái nhà xưa thêm ký ức mở then cài.

Vòng tay em gieo mầm cô đơn những sợi tơ êm hư ảo
thơ ta giấu một đời soi bóng núi Lâm Viên trên thềm vai
em nấn ná
như màu hoa cũ ẩn tàng hương nhụy rã
mưa cuộn chảy chứa chan giòng lệ lụy
ta trôi theo cuồng lũ rác lưu đầy
cảm âm trước giờ phục sinh gió
thả thương tích ngày tháng tư cớ
hồn cổ thấp nín cung ngang
tiếng đàn thiên thu máu xương cọ vỡ.

Thơ ta cúi xuống những đường cong như thuyền
thuyền ơi có phải thuyền là bến
ta ơi ta là ai mà còn ở phía bên kia bờ chưa đến
ta như con chữ vừa mới ra ràng bay lạc kiếp
lạc rừng lạc ngựa lạc người
chưa kịp nhấp môi em ly rượu tồn lưu cạn hơi thở tối hối
hả phả vào bình minh lạnh những đường cong mỏng như
trăng non.

Ngồi đợi biển chỗ ngồi bữa trước chỗ con còng lao xao
phủ lấp đầy bóng tối thêm bãi hoang con sóng trắng bọt
phù kiêu tan vỡ với âm bản phiên đời vụn nhỏ lòng tay
chằng chịt nỗi nhớ ngâm nước lâu ngày úng thúi hư vô.

Đêm ánh ả như món nữ trang thời chiến tranh tròng vào
đỉnh núi ấu thời trái bom nổ chậm lấp lánh những vì sao
mới mọc tỏa tinh lực phát quang tổn thương rực rỡ.

Gió thốc tháo thổi tung hạt mầm phúc âm
di sản cuồng nhiệt cộm lên mặc cảm vĩ đại khiêu khích
bùng nổ
chờ đón phía bên kia tuyệt vọng mở ra con đường rộng
rãi ngọt lịm như thứ lửa đối tự sát hứng thú ngưỡng mộ.

Nhật nguyệt mang mang ngày đêm rót vào bầu trời hồi
âm đầy mây bay trên tóc em và nắng mật thơm tư lự
buổi sáng tĩnh lặng tỉnh khô hồi tưởng và hiện thực bề
bộn pha trộn khoảng cách đêm Giáng Sinh ở Night Club
đến nhà em mười bảy Pasteur Đà Lạt ở phía bên kia Sở
Địa Dư Quốc Gia một chỗ để ở một chỗ để đi về một
chỗ để ra đi một chỗ để ra đi mãi mãi khoảng cách từ
nhà thờ Con Gà đến mũi Kê Gà ngọn hải đăng gió và
khoảng cách từ ta đến em rất đậm trường.

Ngày trở lại Lâm Viên địa chỉ cư trú mái nhà xưa thỏ
ngơi em mù sương và nắng mật thơm đất trời dĩ vãng
phúc âm gió mũi Kê Gà.

Tháng ba, 2004

Khi đi ngang qua Mũi Kê Gà

Chỗ ta về

em cỗi lạ dung thân

Ta ghé đời chơi vài ba bữa
bữa hôm trước bữa hôm qua là mấy bữa
bữa hôm nay là ba bữa hoang đàng
rừng vào thu con chim hót ra rằng
ta làm thơ bỏ quên quê hương
đêm tựa mình lá biếc ứa lòng tơ xanh chan chứa
chỗ ta ở em biển không vô lượng
chỗ ta về em cỗi lạ dung thân.

Buổi sáng rừng nguyên khai thức dậy
thở ngời em rực rỡ nhánh môi thềm
nắng cổ tích mưa tiền thân không biết mấy
triền vực em phơi mở gió soi hồn.

Buổi sáng sân cỏ thức dậy lao xao như biển vỗ
sóng tản bộ tập thở hít ứa lòng tơ xanh ràn rụa
rớt bầu trời mây lang thang mềm mại ngày
nắng khỏa thân một thiên thu cô đơn ký gởi
trên tóc em mái hiên nhà con chữ cong vòng tay
chảy dài như những giòng sông hờ hang xao lòng đợi
con thuyền lạc lìa khuya mệnh mang bến khuya
nguồn lao lung hát lời đá mỗi
mặt rừng hoang vu con suối nhỏ nằm im
lặng nhìn lá biếc đêm tựa mình han hổi
gió phiêu du về đậu lại vai thon
ta ghé đời chơi vài ba bữa
thả ta ra mua vui trong chiến tranh
lót thân cảm xúc thơ thấm thức tới
khi nào mỗi vó quý chân bon

chỗ ta ở biển tâm không vời vợi
chỗ ta về em cõi lạ dung thân.

Lá biếc đêm tựa mình ứa lòng tơ xanh hoang dại
vào cuộc hoá sinh phiêu hốt cung bậc mê sảng tiếng
dương cầm gió
trỗi dậy ký ức rộn rã nhịp phù điêu rưng rức náo nhiệt
ngưỡng mộ thời gian không gian vũ trụ kết dính
nhân sắc em ly dị với những vì sao lẻ loi.

Đường bay của những vì sao lẻ loi
xé rách bầu trời mù
buông gieo mật khẩu xuống luống cày hoang hôn bữa
trước
mọc đôi chân dĩ vãng bước đi về
đêm tựa mình thoát hiểm lá biếc ứa lòng tơ xanh dị
chứng ngập chìm
nếp gấp càn khôn ẩn mật tượng hình.

Đại dương phồn thịnh hàng tỷ đợt mầm bung nở ra
từ thân thể em di chúc của đất
kết nụ mùa màng hoa trái thơm tho độ lượng
chỗ ta ở biển tâm không vời vợi
chỗ ta về em cõi lạ dung thân.

*Khi ở San Jose
tháng tám 2004*

LÊ VĂN THIÊN

Chuyện Đời Vu Vơ

CHƯA ĐẾN NĂM MƯƠI TUỔI, NHƯNG CẶP THU Trang – Phú đã bước qua sống theo kiểu những người về hưu. Các con tốt nghiệp, có việc làm ổn định, đều ở xa. Hai bậc cha mẹ thấy rằng mình đã lên lão, giờ có quyền nghỉ ngơi, sống ung dung, bù đắp cho mấy chục năm bon chen vất vả trong chốn thương trường sôi động, bụi bặm. Quan niệm sống của anh chị có điểm giống nhau: không coi trọng vật chất, không mong leo lên bậc đại phú, tuân theo phương sách mềm và thoág của người xưa: biết đủ là đủ. Thế là từ đây người ta thấy Phú làm việc ba ngày một tuần, bỏ mặc tiệm đồ điện cho thằng cháu trai. Thu Trang thường góp mặt trong các cuộc hội hè ồn ào, linh đình; tham dự những chuyến du lịch dài ngày với đám bạn mới, giao cái tiệm bán quần áo may sẵn cho đứa cháu gái trông coi.

Từ đây họ thay đổi, điều chỉnh lại cách sinh hoạt trong gia đình; điều chỉnh luôn hai cặp kính họ mang trên sống mũi, thay màu kính, sửa cách ngắm nhìn cảnh vật, đánh giá con người... Thu Trang thích nghi với môi trường mới thật nhanh, mạnh mẽ. Chị có thêm nhiều bạn, phần đông thuộc giới thượng lưu, chị gọi đó là những “mặt trời tỉnh lẻ”. Chị khoe: Một số họ là giám đốc hoặc cựu giám đốc, chủ tịch hoặc cựu chủ tịch, nhưng đa số không nghề nghiệp, từ nhỏ đến giờ chẳng cần làm gì, bởi đó là các cô chiêu cậu ấm, sinh ra trong bọc điều! Chị hãnh diện khi được họ kết nạp vào hàng ngũ. Phú nhận xét: ‘Tốt lắm.

Tất cả đều sạch sẽ, sáng trưng!”. Anh không hiểu bằng cách nào Thu Trang móc nối được với bấy công sắc sỡ này. Và anh chăm chú theo dõi họ bằng đôi mắt tinh nghịch, tò mò. “Tốt thôi. Miễn đừng làm gì hao tài tốn của là được!”.

Đoàn người hào nhoáng ấy đam mê sống hay hăm hở giết thời gian? Cả hai. Sẵn tiền, sẵn xe, sẵn ngày dài tháng rộng, họ tổ chức những cuộc ngao du, lúc xa lúc gần, kế tiếp nhau. Sau du lịch là cái khoản “tâm linh”. Họ lui tới cầu cúng ở hàng trăm đền chùa am miếu. Đi xin nước thánh ở suối Tiên, tắm làm phép chữa mập ở suối nước nóng xứ Thượng... Trước, Thu Trang không biết lễ bái là gì. Nay, mới hơn năm, chị đã có dáng của một tín đồ thuần thành. Chị thỉnh về một tượng Phật Bà lớn, đặt trang trọng trên tủ thờ. Rồi mua mấy chồng sách giáo lý, có đến ba bốn chục cuốn, về đọc miệt mài. Chị nói với chồng: “Tôi đã đến lễ ở 82 chùa của 26 tỉnh”. Phú không ngạc nhiên về con số chùa khá lớn ấy, mà về tiếng “tôi”. Từ đó, Thu Trang bỏ hẳn tiếng “em” nhẹ nhàng quen thuộc. Đồng thời, chị bước vào nấc thang thứ nhất của hành trình tu tại gia: mỗi tháng ăn chay bốn ngày. Tiếp đến, trong lúc Phú vẫn còn bần thần, ngỡ ngác trước diễn biến mau lẹ của sự đổi đời của vợ thì, mười tháng sau, Thu Trang bước ngay vào nấc thứ nhì: nâng thời gian ăn chay lên gấp đôi. Vậy là trong nhà, từ trên xuống dưới, các trang thờ mọc lên lô nhô, đèn dóm sáng choang, khói nhang nghi ngút. Rồi một ngày, như điều tất nhiên không chờ cũng tới, Thu Trang bắt đầu thuyết giảng triết lý nhà Phật với Phú... Phú trầm tĩnh và biết điều. Xưa nay anh không hề to tiếng, cãi vã với ai. Hầu như anh không biết nổi giận. Nên anh bình thản

ngồi nghe, không phản đối. Phú chỉ thấy buồn cười. Thu Trang quên mất, mấy chục năm qua, không ngày nào anh không đọc sách báo, còn chị ngược lại. Ban đầu Phú cười thầm. Đến một hôm, không kiềm nén được, anh bật cười lớn. Thu Trang giận tím mặt:

-Anh coi thường tôi! Tôi muốn anh nhìn thấy con đường sáng... Tôi nói khô cả họng mà chẳng được tích sự gì!... Cứ sống kiểu như anh rồi sẽ...

Phú nói, hoà nhã:

-Mỗi người một tánh, một ý, em ạ. Anh là loại phàm ăn, phàm ngủ không thích hợp với...

Thu Trang ngắt ngang:

-Chúng ta giống nhau, ai cũng có thể trở thành người cao quý... nay, bước vào giai đoạn xế chiều của cuộc đời, ta phải nghĩ đến phần hồn của mình.

-Anh sống như bà con chung quanh đây, tôn kính cha mẹ ông bà, thờ cúng tổ tiên.

-Thờ phụng sơ sài, không giáo lý, không kinh kệ, đấy chưa phải là đạo.

Phú xuống giọng hơn nữa:

-Anh không muốn nổi trội, chỉ thích nằm trong số đông thầm lặng.

Thu Trang hỏi, gằng từng tiếng:

-Anh có biết cái đám đông vô đạo đó rồi sẽ về đâu không?

-Biết, biết chớ... Nếu trên đời có sáu trăm triệu phật tử thì còn có hơn năm tỉ người không sống trong số ấy. Dĩ nhiên số người đông đảo này sẽ không được lên Niết bàn. Anh nằm chung với họ, họ ở đâu anh ở đó.

Thu Trang giận run. Đột nhiên, một ý nghĩ nghịch ngợm nảy ra trong trí Phú. Như là một chuyện đùa cợt không

đúng chỗ, chẳng hiểu sao nó lại hiện ra vào lúc này.

-Anh hỏi một câu, đơn giản thôi, nếu em đáp được anh sẽ chiều theo mọi ý muốn của em.

Thu Trang không nói gì, mặt vẫn còn nguyên vẻ giận dữ:

-Được không?

-Đánh đố nhau à? Nói đi.

Ở Ấn Độ có bao nhiêu người theo đạo Phật?

Thu Trang hơi bối rối:

-Đông lắm, hai phần ba số dân.

Phú cười, thích thú.

-Không đúng. Rất nhiều người cũng nghĩ như em.

-Sai à?

Thu Trang tiu nghỉu. Phú nói:

-Đùa em chút thôi, anh chỉ muốn nói rằng, em cứ làm những gì em thích. Còn anh, để anh nghĩ lại... Năm, mười năm nữa có thể anh sẽ quy y, nhưng giờ thì chưa.

-Chờ nốc hết bia của các hãng lớn anh mới tu chứ gì?

-Say sưa bết nhè là xấu, uống bia không xấu. Mong cho mọi người được thường xuyên uống bia... Em mặt sát nữa đi, anh không giận đâu. Nhưng em đừng rao giảng những điều cao siêu với anh trong khi chuyện nhỏ em còn chưa biết, chỉ có trên dưới một phần trăm người Ấn Độ theo Phật giáo.

Không thù ghét nhau, nhưng họ quay lưng lại với nhau. Quay lưng rồi bước đi, mỗi người một hướng, mỗi ngày một xa.

Không có vợ con giám sát, không bị sợi dây gia đình ràng buộc, Phú mặc tình dọc ngang, như chim sổ lồng, như áng mây thanh thoi trong bầu trời, cho đến ngày gặp Ngân.

oOo

Nhận được tin nhắn của Ngân: “Đông lên gấp, Phú cần gấp”, Đông đón xe đò đi Chợ Cũ ngay. Nhà số 61 đường Hùng Vương. Một địa chỉ mới. Đó là nhà Ngân. Phú sống chung với Ngân vừa tròn hai năm. Đông đoán, chắc bệnh Phú biến chuyển xấu nên mới có lời nhắn này. Mười năm rồi Đông không đến Chợ Cũ. Và cũng đã lâu anh chưa gặp Ngân, phải trên hai mươi năm. Lần sau cùng, Đông gặp Ngân và Thái (chồng trước của Ngân) trong một quán phở ở Tân Quy. Lúc đó ai cũng còn lặn lội trong cuộc mưu sinh, nhưng ai cũng trẻ.

Đến nơi, Đông mừng thấy Phú còn khỏe, dù anh vẫn nằm dài, chưa rời khỏi giường. “Anh ấy đã nằm bảy tháng” Ngân nói. “Bảy tháng thấm gì, bệnh này còn phải nằm lâu”. Đông nghĩ nhưng không nói. Ngân khác trước nhiều, nếu gặp ngoài phố chắc Đông không nhận ra. Chị vẫn vui vẻ, nói năng nhỏ nhẹ như xưa. “Ngân đáng thương, mối tình lỡ này khá đẹp, mà hồi kết hơi buồn”. Thuở nhỏ, Phú – Đông học cùng lớp ở trường trung học huyện. Ngân cũng học tại đó nhưng nhỏ hơn hai lớp. Phú gặp lại Ngân ở đâu, anh chị về sống chung lúc nào, Đông không biết. Anh chỉ biết, Thu Trang vẫn là vợ chồng trên mặt giấy tờ. Hai người chưa công bố chuyện để bỏ, ly dị. Vậy mà bây giờ Phú lại nằm đây (sau một trận bệnh nặng, giống như tai biến mạch máu não), xa quê, không vợ con, biến người tình thành y tá... “Không nói được nhưng Phú vẫn sáng suốt hiểu tốt”. Ngân đưa cho Đông cuốn vở và cây bút. Bút đàm.

-Mình xui. Đông viết ra đây, mình đọc và giữ làm kỷ niệm.

-Thấy Phú khỏe, mừng. Cố uống thuốc sẽ mau mạnh.

-Nghĩ lại, mình không hiểu tại sao thế này... Sao Thu Trang...

-Chớ dằn vặt mình. Tâm tính người ta như thời tiết, lúc mưa lúc nắng... Rất ít gia đình hoàn hảo, nhà này có trục trặc nhỏ, nhà kia gặp trở ngại lớn.

-Chừng nào Đông về?

-Chiều nay, vì mai mình bận đưa Phụng đi tái khám.

-Mình sẽ không còn đứng dậy được nữa?

-Sẽ mạnh, đừng lo... bệnh này nhiều người qua khỏi... Cần kiên nhẫn, giữ cho đầu óc thanh thoi, không buồn rầu.

-Trời bất công. Mình luôn yêu thương giúp đỡ mọi người, chưa hề hại ai... Có Trời không?

-Có Trời, chớ nghi ngờ điều này. Nếu không con người dễ sa ngã, dễ sinh tật và sẽ mất phương hướng, chẳng biết phải dựa vào đâu lúc gặp bất trắc, hoạn nạn.

-Nếu còn chột vật, thiếu thốn, chắc mình và Trang chưa chia tay?

-Cái này còn phải xem lại, nhưng chẳng ai bảo nghèo khổ là tốt và không nên giàu sang.

-Đông nghĩ gì về mình?

-Nghĩ à? Tại sao phải vậy? Mình không quen nghĩ ngợi lan man.

-Gần đây Đông có gặp Trang?

-Không.

-Nếu Trang đến đây mình nên nói gì?

-Cám ơn và bắt tay.

-Đông cho mình vài lời khuyên.

-Có cần không? Phứ đừng bận tâm về ý kiến của người khác... Mỗi người có một cảnh đời, một số phận, chẳng ai giống ai, làm sao khuyên.

-Vậy thì nói một câu gì đó cũng được.

-Cứng cổ, đừng lùi bước... như bọn trẻ thường hô trong các cuộc thi: cố lên!

-Hôm trước Ngân cũng nói với mình như vậy, cố lên.

-Thỉnh thoảng trí óc ta cũng cần tiêm thuốc bổ.

-Hãy nói về Phụng và hai cháu

Để Phú thấy rằng người khác cũng gặp nhiều trắc trở trong cuộc sống, không oán trách số mạng, có thêm nghị lực chống chọi với bệnh tật, Đồng kể rõ những mặt “chưa được” của nhà mình.

-Gần đây Phụng không khoẻ, bà ấy bị loét dạ dày. Thuốc thang liên tục nhưng chỉ thuyên giảm, chưa dứt hẳn, nay trông khá hom hem. Cô bé Anh Tú thi đại học ba lần không đậu, phải tấp vào cao đẳng văn hoá. Nó thừa ý chí nhưng thiếu thông minh. Thăng cu Nguyên sợ thi cử, tốt nghiệp trung học xong nó xin học nghề điện trong một tiệm tư nhân gần nhà, sẽ học hai năm, đóng tiền thầy bốn chỉ vàng.

-Đấy là phần mờ, còn phần sáng?

-Chính trầm đây! Trầm khoẻ như voi, làm ăn ngon lành... Không nợ nần, không tù tội, không đau ốm là hạnh phúc chớ gì? Trầm ba không.

-Có phải mình không chịu tu tỉnh nên thánh thần trừng phạt?

-Đừng nghĩ vậy. Ta chẳng biết phải giải thích thế nào, nhưng nhất định không đúng.

Phú nhét cuốn vở xuống gối, nằm yên, mở to mắt nhìn lên trần nhà, gương mặt như được tráng lên một lớp sáp trắng đục.

oOo

Trong bữa ăn trưa, Ngân kể cho Đông nghe cuộc tình muộn của mình: “Một chiều, giặc xâm, em đi mua báo, tình cờ gặp Chiêu, con bạn thân. Nó rủ: “Khỉ già, đi ăn cưới!”. Em hỏi: “Cưới ai?”. Nó nói: “Cứ đi rồi biết”. Em từ chối: “Chẳng được mời, không chuẩn bị gì đi sao được” Nó vẫn ép: “Mặc sao cũng xong, người nhà cả”.

Chiêu chở em về thay đồ, quét sơ tí son lên môi rồi đi, chỉ mất hai chục phút. Tới nơi, thấy đây là một vụ học làm sang. Bà chị Chiêu không giàu nhưng tổ chức đám cưới cho cậu con trai trong nhà hàng lớn nhất thị xã. Em khen: “số một!”. Chiêu cười: “Đã tính cẩn thận, chắc chắn không lỗ, Chơi cho mát trời!”. Em được xếp vào một bàn có sẵn năm người, còn trống một ghế. Chỗ này ngồi sát bên Phú. Một tình cờ khổng lồ, kỳ quặc! Tan tiệc, gần mười giờ, Phú đưa em về. Em mời Phú vào nhà, uống trà, hàn huyên. Đến quá nửa đêm, anh ấy có vẻ ngấm rượu, mệt, đi không vững, nên ở lại ngủ. Thế là, đi mua báo nhưng em lại mang về một gã đàn ông! Phú say, ngủ ngay trong phòng khách. Sáng ra, em đi mua phở về đãi bạn, nhưng Phú không dậy, em mời cơm, Ăn xong, Phú đọc báo, xem ti vi. Thế đấy! Rồi tối đến, khách lại yên vị như cũ, chẳng nói chuyện về! Sau bữa cơm tối Phú tỉnh rồi. Anh ấy bắt đầu tán tỉnh, nói liên hồi, đủ loại chuyện, miệng lưỡi dẻo quẹo: ‘Em cô độc, còn anh một mình! Anh say em, anh say em!’ Có điều lạ: Phú lảng xảng như vậy nhưng em không bực lại thích bởi thấy mình chưa hẳn là “khỉ già”... Em ngay thơ, đùa với lửa? Không hẳn như thế. Chẳng qua là em cô đơn quá lâu. Từ ngày chia tay Thái, đã bảy năm, em sống một mình!”.

Im lặng một lúc, Ngân lại thì thầm: “Nay rơi vào cảnh

này, em cũng không trách Phú. Rõ ràng Phú đâu muốn vậy. Em cũng không oán giận số phận, chỉ nghĩ là đường như lắm khi mình lơ mơ, hời hợt, lạc lòng”.

Trên đường ra bến xe, Đông loay hoay trong mớ ý nghĩ hỗn độn: Cuộc tình Ngân –Phú sẽ kết thúc thế nào? Liệu Phú có mạnh mẽ trở lại? Thu Trang và các con không đến thăm Phú, họ nghĩ gì? Sự sung túc có lỗi trong vụ tan vỡ của vợ chồng Thu Trang hay không? Nhiều quá, rắc rối quá. Chắc chẳng ai giải quyết, trả lời thoả đáng cho các câu hỏi này... Nhưng có một điều Đông thấy rõ, đó là cảm giác nhẹ nhàng, thư thái khi ra khỏi nhà Ngân. Và anh nhớ câu nói đùa: khi đi đưa đám ma người ta thường phấn chấn, vì thấy mình không phải là kẻ nằm trong quan tài./.

CAO VỊ KHANH

vì em, lục bát sứt sùi

vì em, lục bát cử bụi ngùi ... tui

đạo ngộ giữa đường

chào em con mắt người đứng
con tim ngoan cố rưng rưng người tình
con đường trở chứng điêu linh
tình in như có mà hình như không

cút côi

thôi em, ngày tháng rêu xanh
buồn tôi bất rể thâm căn đã đành
từ em bỏ Tấn sang Tần
tình tôi ở vậy chịu phần cút côi

tình tang

gở tờ lịch chót, không vui
tháng cuối năm tháng rồi nùi ruột gan
tháng chạp tôi tháng chạy tang
sáng lo liệm sáng, chiều nhập quan chiều

đồng hồ

cây kim nhích mặt đồng hồ
con tim nhích giữa hư vô, một mình
cây kim nhích điệu vô tình
con tim nhích kiểu thất tình, chung thân

cõi trong

ơi nhân gian, cõi vô cùng
trống trơn cõi có, bít bùng cõi không
trong ta cõi đặc chập chùng
trong em, khe hở, cõi chung, nảo nùng

vị tình

giùm anh nếm chút miếng ngon
so đôi đũa lẻ môi còn rượng môi
miếng buồn trộn với miếng vui
chấm thêm miếng nhớ nuốt trôi vị tình

yêu chết

mốt mai mất lệ có đầy
con tim xây xát có trầy trụa yêu
ruột đau có đứt chín chiều
người ơi nối sợi tơ điều, buộc thêm

thư giãn

ví dầu thư giãn, thảng dư
gặp nhau trong cõi cộng trừ tử sinh
thì xin chia cái thành linh
để trăm năm khỏi giựt mình, tủi thân

tính số

chúa nhật này nắng hay mưa
mà mưa hay nắng cũng thừa nhớ thương
trăm năm dài một đoạn trường
cả đời ngắn hột một hường nhan em

mùa mưa

sáng mưa lớn, trưa lâm râm
trong tôi rất một cơn dầm nhớ em
mưa luôn theo gió, kim châm
mũi nào cũng nhắm hồng tâm, phóng nhâu

lập đông

5 giờ. Chiều xuống lập đông
Đứng im nhả khói nghe lòng thiên di
Bên kia người bước chân đi
Ơ đây mùa tới lạnh ghì thân tôi.

mặt tượng

5 giờ. Chiều vội khuya lơ
người đi vội tới người chờ vội trông
ngồi chia với tượng, nỗi lòng
mặt tôi với mặt tượng đồng, y chang

hôn luôn

5 giờ. Chiều gỡ tay ôm
vòng eo mới lỏng lệ trộm trộm tuôn
nụ hôn chưa ngấm, đã buồn
sầu tôi đã thấm lạnh luôn môi em

tết nhứt

1. đầu năm ra quán ngồi chơi
cái bàn cái ghế sợ xui không chào
ly cà-phê nguội hồi nào
mà người ngồi đó ngậm sầu lạnh tanh
cà-phê miếng đắng linh tinh
tình buồn miếng đắng điều linh một đời

2. mừng một ra quán ngồi chờ
ngó lơ mơ thấy lơ mờ... in như
mừng hai ra quán ngồi thờ
ngó ngơ ngẩn thấy ngợ ngờ ... giống y
mừng ba ra quán ngồi lì
tết qua lảng nhách nói gì... tôi, em

niệm tình

này anh, mấy ngọn đèn cây
đốt lên thấp sáng nổi hoài niệm nhau
cuộc tình tắt lịm khi nào
mà hơi lửa khói còn bào hao em
dài theo cuối vết lưng chìm
còn nguyên dấu cắn môi ghìem nổi đau
một tình được mấy âm hao
mà trăm thúc bách còn lao xao đời

TRẦN BANG THẠCH

TÔI ĐI HỌC

BUỔI HỌC ĐẦU TIÊN CHẤM DỨT. NGƯỜI THẦY dạy là một nữ giáo sư còn thật trẻ, có lẽ chưa quá ba mươi. Đúng ra là giáo sư Susan Smith dùng hai tiết học vừa qua để làm một orientation, vừa làm quen với sinh viên, vừa giới thiệu giảng khóa Kinh Tế Nhập Môn mà bà phụ trách. Bây giờ thì tôi mới có dịp nhìn ngắm chung quanh. Tôi đã đến đây nhiều lần lắm rồi. Trường đại học này đâu có lạ gì với tôi. Ba đưa con tôi đi học và tốt nghiệp ở đó. Tôi cũng đã có mặt để tham dự lễ tốt nghiệp của các con, các cháu của mình, hay của các bạn bè, thân hữu. Vợ tôi còn có cái máu ghiền được nhìn ngắm những tân khoa với mũ áo chỉnh tề, mặt mày rạng rỡ. Nàng nói tất cả những tương lai, những hy vọng, những niềm vui đang hiển hiện ngay trước mắt mình, thấy thích làm sao! Như vậy ít nhất là tôi đã có mặt nơi đây cả chục lần hơn, thế mà hôm nay tôi thấy mọi vật hình như đã đánh phấn tô son để thành những thực thể hoàn toàn mới, xinh như một cô gái đang thì. Nói như Thanh Tịnh: Hôm nay tôi đi học.

Toà cao ốc như một chiếc hộp khổng lồ trùm úp lên hàng trăm ngọn cây xanh trong khuôn viên trường đại học. Mấy mươi toà nhà thấp hơn ẩn hiện giữa những lá, những hoa trên vuông đất rộng nhiều trăm mẫu. Đứng trên tầng lầu cao nhất của đại giảng đường Holman, qua khung cửa kính tôi thấy bạt ngàn màu xanh của lá. Tôi

cũng thấy màu nắng thật nhạt, thật ngọt ngào trên những dãy mây thấp. Màu chiều cũng lãng đãng quanh đây. Ngoài kia gió chiều chắc cũng đang mơn man từng cánh lá. Các sinh viên lũ lượt rời khỏi giảng đường. Bà giáo sư trẻ đang sắp xếp các giấy tờ, thu gọn các âm bản và máy chiếu. Tôi muốn đứng lại đây, một mình, giữa cái giảng đường rộng mênh mông, cao ngều nghệu như trên mấy tầng trời này. Tôi đang đứng trên màu xanh của lá. Lá. Lá. Lá. Nhìn đâu cũng thấy lá. Những dãy mây mỏng trôi chậm chậm trên đầu cho tôi cái cảm tưởng tôi cũng đang thông thả bước đi trên tấm thảm xanh của một tương lai mới chớm, một hy vọng mới hình thành. Có thật vậy sao? Có thật tôi đã trở lại giảng đường đại học ngày đầu tiên hôm nay? Có cái gì nghe quen thuộc, gần gũi quá mà cũng xa xôi quá. Ba mươi năm, một giấc mộng dài đang trở thành sự thật: Tôi đang tiếp nối những bước đi dang dở từ lứa tuổi thanh xuân. Ba mươi năm trước, tôi đã giã từ trường lớp, giã từ thầy, bạn, bước ra khỏi chiếc cổng xi măng màu gạch cua của một trường đại học nằm trên đường Cộng Hòa, đối diện với Tổng Nha Cảnh Sát Đô Thành, để “vào nơi gió cát”. Từ chiếc cổng vàng thếp, lỗ chỗ nhiều vết đạn, con đường trải đá xanh với hai hàng công gia sự, da dẻ sần sùi dẫn vào dãy nhà trệt lợp ngói âm dương dùng làm cầu lạc bộ và các phòng sinh hoạt sinh viên, rồi tới giảng đường SPCN như một quả đồi con nổi lên giữa những gian nhà thấp. Trong cái giảng đường khổng lồ này hàng ngàn con người ngồi chen chúc trên các băng ghế được xếp thoải thoải hình tròn ốc từ nền cho tới gần chạm trần nhà. Con đường trải đá xanh đó tôi đã tới tới lui lui hơn ba năm trời. Những buồn vui đã thật đầy như những chồng bài vở quay ronéo

dày cộm. Hơn ba năm tôi nhìn cuộc chiến đang mỗi ngày một đến gần. Tôi nghe người ta hát *Tôi có người yêu chết trận Pleime*. Tôi nhìn tôi muôn ngàn vất vả qua những kỳ thi, nhìn người-lính-tôi đang chực chờ ngoài cửa lớp, chỉ chờ một sơ xẩy của người-sinh-viên-tôi là xông vào, cuốn tôi đi theo chiều gió. Tôi nhìn em xanh xao vàng vố trong chiếc áo blouse trắng rộng thùng thình nơi phòng thí nghiệm sinh hóa. Tôi nhìn bạn bè tôi lãng xảng với những cuộc xuống đường, bãi khóa, những đả đảo, hoan hô, những hơi cay và nước mắt. Những biến động dập dồn trên cả nước đâu có dừng lại trước một cánh cổng trường nào đâu. Cho nên, giữa năm học cuối tôi đã bỏ lại tất cả để lăn vào cuộc chiến, rồi chui vào tù; như một định mệnh đã an bày. Cái huyệt hẫng này phải đợi đến hai mươi năm nơi xứ người, phải đợi đến hôm nay mới được tiếp nối.

Chiều nay, đứng trên tầng cao của đại giảng đường Holman tôi thấy con đường trải đá xanh với hai hàng công già nua của ba mươi năm cũ hình như đang lập lờ uốn lượn bên ngòi vuông cửa sổ. Và ở cuối tầm mắt, chỗ vòm cây xanh giáp với xa lộ liên bang I 45, tôi bỗng thấy một chàng thanh niên đang đứng dưới vòm cong của chiếc cổng mang nhiều thương tích màu gạch cua. Chàng thanh niên dừng lại một chút rồi theo con đường trải đá xanh bước vào cái giảng đường to như một quả đồi non.

“ Xin lỗi, tôi...tôi có thể nói chuyện với ông vài giây được không?”

Có lẽ bà giáo sư đã đứng sau lưng tôi từ hồi nào. Tôi không nghe tiếng bước chân của bà, nhưng hình như một

hai phút trước tôi có ngửi được một mùi hương lạ.

“Dạ, kính chào bà. Xin bà cứ tự nhiên. Tôi là Nguyễn, thưa bà Smith.”

“Có lẽ tôi hơi đường đột nhưng xin hỏi ông Nguyễn: ông có làm sao không? Ông vẫn bình thường chứ? Hay là ông đang chờ người đến đón về? Tôi có thể giúp gì được cho ông không, ông Nguyễn?”

“Dạ cảm ơn bà, bà Smith. Tôi không sao đâu. Xin bà yên tâm. Tôi cũng không chờ ai cả. Thành thật cảm ơn bà đã quan tâm.”

“Ông Nguyễn à, ông thấy đó: trời đã tối rồi, mọi người đã rời khỏi giảng đường. Còn ông thì vẫn đứng đây, nhìn bên ngoài cửa sổ.”

“Thưa bà, hôm nay là ngày đầu của một niên học mới. Là ngày đầu, là ngày đầu. Thưa bà”

“Điều này thì tôi biết. Điều tôi không biết là việc ông chưa chịu rời khỏi nơi đây.”

“Thưa bà, tôi muốn sống thêm những khắc giây của ngày hôm nay tại đây, ngày đầu tiên tôi trở lại giảng đường.”

“Chắc ông Nguyễn cũng đã thấy trong số hàng trăm sinh viên vừa ra khỏi lớp, nhiều người cũng đã lớn tuổi, cũng có người ngày đầu tiên tiếp tục những gì đã bỏ dở, như ông. Và họ đã ra về hết rồi, tôi cũng phải rời nơi đây. Chỉ còn ông là nán lại. Điều này thì thật sự tôi không hiểu. Có lẽ mình còn nhiều dịp khác để trò chuyện thêm. Chúc ông Nguyễn một buổi tối an lành.”

“Tôi cũng kính chúc bà như vậy. Kính chào bà Smith.”

Bà giáo trẻ này làm sao hiểu được một trang đời đầy ắp chữ nghĩa đã bị tức tuổi xếp lại, đóng lại trong suốt ba mươi năm. Bà cũng không thể hiểu được cái mộng ước

đã được ấp ủ hai mươi năm nơi xứ người. Hôm na, chính ngày hôm nay, tất cả là sự thực. Trang đời cũ đang được mở ra. Những ước vọng đang hình thành. Phải, bà Smith và mọi người thân mến, tôi muốn đứng đây thêm một chút nữa để thấy bước chân hụt hẫng năm xưa đang lặn về lối cũ, muốn nghe hoài tiếng sỏi lạo xạo dưới chân, nghe tiếng trái còng khô rơi nhẹ nhàng trên sân cỏ. Hình như tôi nghe được cả tiếng lào xào của bút giấy, tiếng rào rạo của phấn trắng bảng đen và tiếng vélo bình bịch của em ngoài cửa lớp. Những điều này bà giáo trẻ Smith làm sao nghe được, có phải không? Tại nước Mỹ này việc đi học đâu có khó khăn gì, cho nên bà giáo trẻ của tôi sẽ vô cùng ngạc nhiên nếu biết rằng để có được ngày hôm nay, tôi phải có hàng hai mươi năm để chuẩn bị thực hiện ước mơ này.

Hai mươi năm trước, vợ chồng chúng tôi đến đây với đôi bàn tay rỗng và bốn đứa con, đứa lớn nhất 11 tuổi, đứa nhỏ nhất chỉ mới bập bẹ mấy tiếng ba ba. Trước mắt, chúng tôi phải tạo dựng lại tất cả; ưu tiên là một mái ấm gia đình với đàn con đủ ăn, đủ mặc, đủ học hành. Tình yêu thương, sự giáo dục dạy dỗ từ cha mẹ cũng phải đủ. Những ưu tiên căn bản này có tính tương đối nên từ buổi đầu chúng tôi thực hiện không khó lắm. Cái khó là tìm nơi cư ngụ bình thường tại một khu xóm an ninh và có một học khu tốt. Chúng tôi chỉ cần những tiện nghi tối thiểu, một phương tiện di chuyển an toàn để công ăn việc làm được trôi chảy. Xe mới, nhà to,... cho đến nay chúng tôi cũng chưa hề nghĩ đến nói chi lúc chân ướt chân ráo đến thành phố này. Phương án thực hiện của chúng tôi rất gọn: vợ tôi ở nhà săn sóc con cái, chăm lo

nhà cửa, giặt giũ, nấu nướng. Thuở đó, khoảng năm tám mươi, tìm việc không khó, nên dù chỉ nhờ lờm bờm vài tiếng Anh, không tay nghề, không một chút kinh nghiệm, tôi vẫn được may mắn nhận vào làm việc cho một nhà máy sản xuất các sản phẩm nông nghiệp với đồng lương khá, đủ để chi phí hàng tháng trong gia đình. Đó là công việc ngoài trời, nặng nhọc, dầm mưa dãi nắng, với mỏ lết dài cả thước tây, với búa kiềm nặng trình trịch, bù loong, đinh ốc. Chủ cả thì bất công, cai kiết thì kỳ thị, khó khăn, mặt mày lúc nào cũng nhăn nhăn nhó nhó, lúc nào ngồi buồn vì chuyện nhà cửa vợ con thì đào bới việc cho người ta làm, bất kể là nắng cháy da hay trời đang mưa ngập đất; các đồng nghiệp thì ma cũ hiếp ma mới, ức hiếp, đùa việc, ganh tị, tham lam, ích kỷ, nói năng tục tĩu, chửi thề chửi bọng lung tung, cần sa ma túy gần như là công khai ngay khi làm việc...Bước vào cái thế giới trăm phần trăm lao động chân tay này thẳng tôi trung niên mũi tẹt da vàng phải chân tay lao động hai trăm phần trăm để được tự chìm lấp, đủ để được có mặt hàng ngày bên những bao bịt nặng hàng trăm kí lô, để được thường xuyên chui dưới gầm những toa xe lửa nối những ống cao su thật nặng với những hệ thống ống đồng chảy vào các bồn chứa có dung tích cả chục ngàn tấn dung dịch đủ loại, từ đường mía, đến đủ thứ át-xít, đủ loại mỡ đặc, mỡ lỏng, u-rê, phân bón.... Tôi cũng phải luyện cái mũi cho quen dần với đủ thứ mùi vị khó ngửi của các hóa chất này, phải luyện đôi mắt quen với tiếng rầm rầm của hàng chục cái máy vĩ đại nổ cùng một lúc, luyện cái cổ thật cứng để giờ phút nào cũng đội trên đầu cái nón an toàn vừa nặng vừa khó chịu với miếng faceshield bằng mũ trong, che hết mặt mũi.

Nhiều đêm khuya khoắt, một mình đứng giữa những bộn bề công việc, giữa những dãy xe lửa im lìm, đen ngòm, dài thườn thượt, dưới những cơn mưa nặng hạt, những luồng gió lạnh cắt da, tôi thấy mình bỗng rơi nước mắt. Rồi liền đó, cũng chính tôi, tôi tự nhủ mình: sông có khúc, người có lúc. Chính đó là những lúc tôi biết tôi sẽ phải làm gì. Trước hết là phải quên cái thân tôi hiện tại trong lòng mưa u ám, đen kịt đêm nay và hãy nghĩ rằng ngày mai chắc chắn mặt trời sẽ lên chói chan từ phương đông. Ngày mai sẽ là một ngày mới, một ngày hoàn toàn mới. Và tôi, phải, chính tôi cùng với vợ con tôi tay trong tay cùng đi về hướng mặt trời mọc, cùng ngược mặt chào đón một bình minh chan hòa hương sắc.

Nói và nghĩ thì không khó, nhưng làm thì thật chẳng dễ gì. Con đường dài thăm thẳm hai mươi năm đó vợ chồng con cái chúng tôi cùng dắt nhau qua suối qua sông, lên non xuống biển, vượt ghềnh vượt thác; nhiều khi ngụp lặn trong vũng lầy, té ngã liên miên trên đoạn đường nhân sinh thương khó. Cũng có lúc chúng tôi được tạm dừng chân nghỉ bên đường, để uống một chén trà sen, hân hoan nhìn ngắm ngàn ngàn hoa cỏ nở quanh mình, để nghe chim hót, quyên ca trên từng nhánh đời rộn rã. Chúng tôi biết muôn vàn tầng tiu đoá hoa hạnh phúc lúc nào cũng rực rỡ trong căn nhà nhỏ gọn này; cho dù bên ngoài khung cửa âm vang mưa sa, bão chớp. Chúng tôi vui muốn khóc những lần thấy hoa sứ hoa mai cứ thay phiên nở rộ trên các báo cáo học lực, trên các phiếu điểm của các con. Vợ chồng chúng tôi ôm nhau mà không nói được lời nào khi thấy hoa quỳnh, hoa ngâu

khoe màu rực rỡ trên các bằng cấp trung học, đại học mà các con lần lượt mang về nhà. Vợ tôi đã phải úp mặt vào lòng đôi bàn tay để che dấu niềm hân hoan và nỗi xúc động trong lúc trên khán đài đưa con trai đầu lòng với áo chùng mũ rộng đang chứng chạc đại diện các tân khoa cao học nói lời cảm tưởng giữa một hội trường to như cái sân vận động. Tiếng vỗ tay rào rào sau đó làm tim chúng tôi muốn ngưng đập. Đêm đó vợ tôi viết vội mấy chữ gửi về quê hương cho cha mẹ chồng: *“Chúng con cảm ơn Bà Má đã cho chúng con những đứa cháu nội chăm ngoan của ba má”*.

Bà Smith kết thúc bài giảng Đặc Điểm Chung Của Thương Trường Thế Giới bằng câu nói của nhà kinh tế Mỹ Pete Hutchinson: “Quốc gia nào có mạng lưới thương mại rộng, dày và chắc sẽ là một tân đế quốc”. Rồi như thường lệ, bà giáo trẻ Smith chờ câu hỏi về bài học vừa rồi. Sau đó, cũng như thường lệ, mọi người lục tục đứng lên rời khỏi chỗ ngồi. Người có tuổi không thích chen chúc nên từ ba tháng nay, tôi luôn là người rời khỏi giảng đường sau cùng. Hôm nay cũng như ngày đầu tiên khóa học, bà Smith vẫn còn ở nán lại trong phòng học. Tôi thì không còn cái háo hức, cái xúc động của ngày đầu trở lại trường ba tháng trước. Tôi ngồi nán lại vì không có gì để gấp rút. Bà giáo Smith đóng lại cái laptop, cuộn lại sợi dây điện, rồi đi về phía tôi, phía cuối giảng đường. Một mùi hương đã thành quen thuộc sau ba tháng học môn Kinh Tế Nhập Môn với bà Smith.

“Chào ông Nguyễn. Mạnh giỏi chứ? Mãn khóa học rồi,

mình có thể chuyện trò một chút được không?”

Chắc chắn rồi. Tại sao không, thưa bà.”

“Qua các buổi hội luận và các bài làm của ông, tôi thấy ông rất hiểu biết về các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, điện toán,... Xin phép được khen ông một lời: ông là một sinh viên xuất sắc. Các đồng nghiệp của tôi cũng có cùng ý nghĩ này về ông. Chúng tôi khâm phục những cố gắng của ông, ông Nguyễn ạ.”

“Xin cảm ơn tất cả quý vị.”

Rồi sau đó thầy trò chúng tôi không nói gì thêm về chuyện học hành, mà nói về trận động đất khủng khiếp mới đây ở Thổ Nhĩ Kỳ, nói về cơn bão nhiệt đới Bret đang ở ngoài khơi Vịnh Mễ Tây Cơ, chỉ còn cách bờ biển Galveston hơn trăm dặm. Đây là những câu chuyện nói cho qua lề, để tránh nói một chuyện khác.

Điều tôi muốn nói với bà Smith hay bất cứ một giáo sư nào của tôi là: Thành quả bước đầu tôi có được sau ba tháng trở lại trường là hậu quả của những chuỗi sự kiện, là cố gắng của nhiều người. Bắt đầu phải kể là nỗi ám ức của một người trẻ tuổi bị đứt ngang sự học giữa chừng, lòng dạ lúc nào cũng muốn trở lại trường, không năm nầy thì vài năm nữa, mười năm, hai mươi năm nữa... có sao đâu. Kế đến là không thể không nói tới thời gian chuẩn bị: Trước khi nghĩ tới mình, chúng tôi phải tận lực lo cho đàn con có đầy đủ vốn liếng vào đời bằng đôi chân vững, bằng trí khôn và bằng nhân cách. Các con được như vậy thì sự ra đi của chúng tôi hai mươi năm trước mới có thêm ý nghĩa, và sự nhọc nhằn của vợ chồng chúng tôi là không phí phạm chút nào. Cần có thời

gian chuẩn bị để tôi, một hảo hán về chiều, tự luyện cho mình thêm nhiều thành công lực cho trận thư hùng cuối đời sắp tới, dù có chậm nhưng không được thua. Ba mươi năm rồi trường tôi đã quên hết những gì đã học. Những giây phút rảnh rỗi hiếm quý tôi phải học lại tất cả, học từ sách vở, báo chí, từ các phương tiện truyền thông, và nhất là học từ các con tôi. Lúc các con còn nhỏ tôi nắm tay dắt từng đứa đi lên. Rồi đứa lớn đu đưa nhỏ. Lúc tôi già các con đã quay trở lại nắm tay tôi cho tôi tiếp tục đi tới. Vợ tôi thì ít khi đu đưa tôi đi nhưng đã nhiều lần nâng tôi dậy mỗi khi tôi té ngã. Có cần nhắc tới không những cái mặt quạu đeo, khó khăn, nhăn nhó, kỳ thị, sở sàng, tục tằn của mấy người cai Mỹ trắng, Mỹ đen, Mỹ vàng nơi nhà máy đã vô hình chung góp phần không nhỏ cho việc trở lại trường của tôi?

Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với bà giáo Smith sau lời khen tặng của bà. Tôi còn muốn nói với bà là tôi đang rảo bước trên con đường trải đá xanh với hai hàng công gia nua trong khuôn viên một đại học trên đường Cộng Hòa, tôi đang nghe tiếng vélo bình bịch của người tình áo blouse trắng ở cuối dãy hành lang, nơi phòng thí nghiệm sinh hóa.

Mà thôi. Tôi không muốn phải nghe lại câu nói của bà Smith ngày đầu niên học ba tháng trước: *“Điều này thì thật sự tôi không hiểu!”*

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

Như qua Sông Dịch

Mưa chiều, ghé quán ngồi nghe nhạc.
Quán vắng, nhạc buồn sầu miên man:
*"Ai bước chân đi ngoài mưa gió
Nghe dường như tiếng thu đang tàn".(*)*

Guốc ai gõ nhịp trên hè vắng.
Từng bước rơi đều qua lối mơ.
Nửa chiều vàng vọt mưa và nắng.
Ta nghe chừng đâu đó một hơi thơ.

Cô bé ơi ! chầm giùm ta điệu thuốc.
Cho cõi lòng bớt lạnh lúc chia xa.
Ta cũng muốn ngồi đây cho hết kiếp.
Ngặt đường đời thì rộng đến bao la.

Ta bỏ đi giữa trời mưa gió.
Từng giọt rơi buồn trên bến sông.
Như tráng sĩ một lần qua sông Dịch.
Biết có còn trở lại hay không ?!

Bến sông vắng, lòng người cũng vắng.
Khách giang hồ chọn kiếp phù vân.
Cô lái ơi ! chớ giùm ta qua đó.
Nơi cuối trời, nơi cuối nẻo băng khuâng..!

(*) Văn Cao

Mười năm nợ nần

Chiều nghe loáng thoáng màu thu.
Lá xanh nín,
lá vàng du trên cành.
Ta ngồi tiếc lá màu xanh.
Nhớ xưa trót lỗ tành hanh với người.
Ruột gan bày hết ra ngoài.
Nợ nần nhau biết có đòi được không ?!
Giữa trời,
giữa đất,
mênh mông.
Giữa ta,
em vẫn còn trong tâm hành.

Giữa ta,
còn chút bàng hoàng.
Giữa em,
còn chút lỗ làng duyên xưa.
Giữa đời,
còn chút mộng mơ,
rớt trên nỗi nhớ ta vừa mới nhen.
Giữa đêm,
lẳng lặng trước đèn.
Giữa đêm,
lẳng lặng hồn len vào hồn.
Mười năm,
Trời !
Nợ vẫn còn.
Mười năm,
ta đã thấm đòn rồi em !

Đò Sông Hương

Lang thang
chiều phố đông người
mím môi
nén một nụ cười xót xa
cầu Gia Hội
chợ Đông Ba
phố quen
người lạ
chiều qua lạnh lùng

Mưa còn rơi
buốt dòng sông
lênh đênh
một chiếc đò không mái chèo
đò em tôi lén gieo neo
giữa khoang
một chiếc đèn leo lét buồn.

Arlington, 6 - 2004

Lầu Hoàng Hạc (*)

Người xưa cỡi hạc vàng đi
Lầu vàng trở bóng đất này buồn hiu
Người đi rồi, có về đâu ?!
Chỉ còn mây trắng trên đầu lang thang
Cội già soi bóng Hán Dương
Bãi Anh Vũ cỏ ngát hương bên dòng
Quê nhà đâu nhỉ ? ngùi trông

Chiều nhìn khói sóng, nghe lòng quặn đau !

(*) Dựa ý bài thơ Hoàng Hạc Lâu
của Thôi Hạo, đời Đường

Hoàng Hạc Lâu
(*Thôi Hạo*)

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tinh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu [.]*

Arlington, 7-2004
nhonducnguyen@aol.com

NGUYỄN LỆ UYÊN

Thở dài

MỖI NĂM CÔ CHỈ GỬI CHO ANH MỘT LÁ THƯ. Lúc thì dài lê thê. Nhưng có khi lại chỉ vồn vện một chữ “thôi”. Năm nay khác hơn, cô cất một bài thơ in ở báo nào đó, gửi anh. Những câu thơ lạnh lùng, run rẩy cứ như thời gian trôi lướt thướt trước mắt anh.

“ Mái tóc nào kia chớm bạc

Không! Không! Không phải em đâu”

(NTHN)

Ở dưới câu thơ cô còn viết thêm bằng bút bi màu mực xanh “*có mong gặp lại?*”. Cái dấu hỏi ấy đập vào mắt như một nỗi cô đơn bị co rúm lại, méo mó, dị dạng. Chưa hết cô còn gạch chân thật đậm. Nét gạch nom như vết dao cứa nhẹ lên da thịt.

Hai mươi một năm rồi, cô và anh chia tay nhau mà không vì một lý do nào cả. Nó diễn ra một cách nhẹ nhàng như thể hết ngày rồi lại tới đêm. Như khi đói phải ăn, khát phải uống. Không hiểu tại sao cô và anh lại phải làm vậy, kể cả những người hay thóc mách chuyện riêng tư. Nếu như hai người không chia tay nhau. Và nếu như hai người lấy nhau thì mối tình ấy sẽ đẹp biết bao, có hậu biết bao. Rồi họ sẽ có con với nhau. Con cái họ bây giờ cũng đã lớn. Không chừng cô và anh đã trở thành ông bà nội, ông bà ngoại rồi cũng nên.. Nhưng tiếc thay, niềm hạnh phúc ấy, niềm hạnh phúc mong manh đã vượt khỏi tầm tay. Cả hai như thể con cá chém quẫy mạnh đuôi phóng vọt qua khỏi miệng hồ bông súng thơ mộng.

Những bông hoa, những cánh bướm ảo diệu ban đầu hóa ra lại xơ xác về sau đến thảm hại, để mỗi năm một lần, họ phải sụt sùi kiểu “mưa ngâu”, như để tự dằn vặt, đau khổ và hoài nhớ nhau. Rồi sau đó, mỗi người bị cuộc sống cuốn hút, tạm nguôi ngoai, tạm quên đi. Chuyện xưa chỉ còn là vết sẹo mỏng, được đặt tiếp vào bộ nhớ, chờ đúng kỳ vào năm tới.

Buổi tối, anh ôm mừng màn lên sân thượng, nằm nghe gió thổi dài sườn sượt, loại gió từ đại dương thổi về mang theo mùi muối biển, mùi vảy cá, san hô và rong tảo. Trời đầy sao. Sao lấp lóa, nối dài với đèn thuyền đánh cá ngoài khơi tạo thành một vành cong, sáng trắng. Đêm cũng thổi dài, kéo thành một vạc mỏng như dải lụa bạc bồng bồng, trôi về phương nam, nơi cô đang soi mình trong gương, đang ngó mong xuống cây mận góc sân, hay cô cũng lên sân thượng ngóng về phía chòm sao Đại Hùng?

oOo

Ngày ấy cô là một sinh viên mới ra trường. Cô thông minh và đẹp. Đẹp đến nỗi ngay cả người cùng giới cũng bị cuốn hút về phía cô. Vẻ đẹp của một thổi nam châm, hòa trộn giữa sự thuần khiết và nhục cảm, giữa hư và thực, giữa mộng mị ma quỷ và thanh thoát diệu kỳ. Đồng nghiệp nam ví cô là một đóa hoa gai. Còn anh, khi đã thật hiểu rõ về nhau, anh mới khám phá ra rằng đó là một đóa hoa gai rất dịu dàng, như thể gai lông chông miết nhẹ trên da thịt, gây một cảm giác nhột nhột vừa kích thích tất cả mọi dây thần kinh xúc cảm.

Còn theo sự nhìn nhận của những người khác, thì cô là nhân vật đặc biệt kỳ quặc!

Ngày đầu tiên cô đến nhận nhiệm sở, đang giữa mùa khô hanh, trời nắng chang chang, bỗng nhiên đổ xuống cơn mưa rào thật dữ dội. Éch nhái kêu ran mặt đồng trắng nước tựa một đàn kèn đồng, bất ngờ trỗi lên khúc hoan ca. Cô bước qua cổng trường với tóc tai, áo quần bám đầy bụi đỏ. Cô bước mà không hề chạm đất, chung quanh tỏa ra mùi hương bông bưởi, bông trầm lênh bênh trong lớp sóng mờ hôi dập dềnh như sóng cuốn.

Các vị phụ huynh còn kể thêm rằng họ thấy cô ở bến xe thị xã, loay hoay hỏi thăm đường đến trường với tâm trạng nửa chạy trốn, nửa tìm kiếm vật gì vừa mới đánh rơi. Họ nghĩ cô là người yêu, thậm chí là tình nhân một viên chức cao cấp nào đó trong quận lỵ. Họ không hề nghĩ cô là cô giáo, một nữ giáo sư trung học sẽ gây nhiều chú ý và tranh cãi sau này. Họ khuyên cô đợi tắt ráng, tránh đi đường bộ có thể gặp mìn bẫy, cũng có thể gặp quân hai bên đánh nhau. Cô nhỏ nhẹ cảm ơn rồi biến mất. Cuối cùng một số ít trong bọn họ nhìn thấy cô như một kẻ nhàn du trên đoạn đường dài mười chín cây số, bị bấm vằm, cày xới như đất vỡ hoang. Họ còn nhìn thấy cô đứng đỉnh theo sau chiếc xe bò, rồi lắc lư trên đó cùng bọn trẻ con áo quần xốc xếch, tóc tai vàng hoe ám đầy khói đồng, phân bò và bùn non.

Đám trẻ về đến nhà, tháo bò ra khỏi gọng xe với tâm trạng phấn kích lạ đời. Chúng hát vang dưới lạch sâu, trần truồng ngâm mình trong dòng nước đỏ quạch. Cha mẹ chúng hết sức ngạc nhiên vì chưa bao giờ ở miệt đồng này nghe lũ trẻ con hát, mà toàn là những bài hát lạ, khó hiểu: “Pheè ...dấấc... cờ... Pheè ...dấấc...cờ... Đoóc meê... vuu...”. Họ đồn đại thêm rằng, có một bà tiên bay xuống giữa đồng, ngoắt lũ trẻ lại, giỡn chơi với

chúng, dạy cho chúng ngôn ngữ của thế giới tiên, làm cho chúng bị mê lú, không còn thiết gì đến chuyện giúp cha mẹ chở phân khô ra đồng như trước kia nữa. Cha mẹ chúng vô cùng đau khổ.

Ấn tượng khó quên đối với cô ngày đầu tiên nhận nhiệm sở mới, là ông tùy phái và con trâu. Ông gầy nhom, ngồi khuất sau chiếc bàn gỗ to xù xì. Lúc cô đặt tờ sự vụ lệnh lên bàn và tự giới thiệu về mình, ông giật nảy người, nhìn cô đăm đăm và có vẻ như phút chốc trẻ lại đến hơn chục tuổi, mặc dầu ông đã ngoài bốn mươi và có đến ba bà vợ cùng chung sống trong một căn nhà rất thân thiện, hòa bình. Cô thấy ông cứ vẩn vơ tờ sự vụ lệnh, tâm thần lơ đãng, như thể trong đêm tối ông vượt ve thân thể vợ mà sợ nhầm lẫn. Cô thấy tất cả. Hiểu tất cả. Nhưng cô phớt lờ. Không buồn. Không giận.

Trong khi chờ trình diện ông giám học, bất thần cô thấy con trâu thò đầu vào cửa sổ, cách chỗ cô đứng chừng hơn sải tay. Hai chiếc sừng nhọn, cong vút lúc lắc trên chiếc đầu dài, tỏ vẻ thân thiện, như có vẻ chào đón cô. Tim cô đập thình thịch theo nhịp chày giã gạo, dù rằng hồi nhỏ cô cũng đã từng chăn trâu, cưỡi trâu. Cô lùi lại theo bản năng tự nhiên. Con trâu cũng rút đầu ra khỏi cửa sổ như tỏ vẻ thất vọng, như giữa nó và cô chưa có sự đồng cảm. Khắp gian phòng rộng, tự nhiên bay ra mùi hương lạ tựa như hương bông lài bị nhốt lâu ngày, rất lâu trong chai. Cô nghe ông giám học hắc hơi liên mấy cái, ở phía sau vách ngăn.

Như vậy ngay từ ngày đầu đến trường mới, không có những bó hồng đỏ thắm. Cũng không có tiếng ly cốc chạm lan canh, sóng sánh màu rượu vang hổ phách như con Liên nói ngay sau ngày thi tốt nghiệp. Sự tưởng

tượng rất hào phóng này chỉ đủ khả năng giúp cho từng đứa tạm quên đi chốc lát thứ tình cảm bị rịn, trong vắt như pha lê suốt bốn năm học chung lớp. Đứa nào cũng lên gân để tự đánh lừa mình, vì chúng nó biết rất rõ, rằng sẽ không còn có dịp nương nhờ nhau, giúp nhau. Không còn những chuỗi cười hồn nhiên vang động sân trường, mà sẽ chỉ có khóc thầm, nhớ nhung. Chỉ còn cười bằng mắt, bằng tai.

Mọi việc diễn ra y chang như một thứ định mệnh được báo trước. Buổi gặp mặt cuối cùng trước ngày nhận nhiệm sở, buồn còn hơn đám ma. Nước uống, trái cây, bánh kẹo... bày la liệt trên bàn nhưng chẳng ai đụng tới. Nước mắt giọt vắn giọt dài. Từng tốp nhỏ túm tụm lại thăm thì, nom giống những tín đồ Hồi giáo đang đọc kinh Coran. Những tiếng rì rầm ấy kéo dài tựa như những sợi bún thiêu. Không khí thật ẩm đậm. Họ cố giữ chút gì còn lại, thật thiêng liêng, mà nếu như làm khác đi sẽ vỡ tan tành.

Ngay buổi tối hôm đó, Oanh đến nhà cô. Nó ném bọc giấy to tướng lên bàn rồi ôm chầm lấy cô khóc nức nở. Cô để cho nó khóc trên vai mình, để cho nước mắt nó chảy tự do xuống đầu núp vú bên trái nghe mặn rất niềm-hạnh-phúc-đáng-cay.

“ Suốt đời tao không quên ơn mày. Cầu mong Chúa luôn che chở mày” – Oanh nói bằng cái giọng phô diễn tất cả tim gan, đến nỗi cô cảm thấy như mình cũng tan dần vào thân thể nó.

Cô đẩy Oanh ra:

“ Thôi, dẹp chuyện đó đi” – Cô la lên mà không biết là la mình hay la nó.

“ Gia đình tao rất có lỗi với mày” – Oanh lại nức nở.

“Đồ con khỉ. Cứ lảm nhảm như con mụ điên”.

Điều Oanh gọi là mang ơn, chẳng qua là việc cô tự ý đổi nhiệm sở cô chọn trong thành phố cho nó để nhận ngôi trường ở đâu đó xa lắc, tìm hoài trên bản đồ không hề thấy. Cô làm vậy vì cô và Oanh rất thân nhau, vì Oanh còn bà mẹ già tối mắt, còn cả một đàn em lít nhít ở sau. Ba nó phải làm cật lực mới đủ nuôi sống tám miệng ăn. Còn cô thì không phải lo nghĩ gì. Cô là con út. Gia đình khá sung túc.

Nhưng hỡi ơi, giờ này đây cô không còn bên cạnh nó. Không có nó. Không có con Liên. Không có lũ bạn để cười đùa, chọc phá, hờn giận và làm lành... Cô một mình, đang ở giữa cánh đồng nước mênh mông. Hãy tưởng tượng rằng, chính lúc này con Oanh đang đứng dưới tán lá bần, sát mép đìa, phía đầu sân chơi bên kia, trong cái thị trấn nhỏ xíu bằng lòng bàn tay, xa tít, cách trở đò sông mà nghĩ về mẹ nó thì sao nhỉ? Chắc nó sẽ khóc ngất, ngã quỵ và rơi tòm xuống ao? Chắc là sẽ có vài ba ngày trong tuần nó rớt xuống ao như vậy giữa đám bần non, khi nó tưởng tượng mẹ nó mò mẫn lật từng cọng rau muống, mò mẫn ra phía vò nước, rồi chấp chới, ngã bổ nhào trên nền gạch tàu đỏ hoét? Tới khi lũ em nó đi học về thì bà chỉ còn thoi thóp thở. Và khi ba nó đi làm về thì bà đã qua đời! Cô bỗng rùng mình. Toàn thân cô lạnh ngắt. Không hiểu sao cô lại nảy ra những ý nghĩ xằng bậy và vô cùng độc ác một cách có ý thức như vậy?

Buổi chiều, có giờ trống giữa buổi, cô tha thần ngoài sân trường, rồi đứng dưới tán lá bần, sát mép đìa chạy dài từ đầu sân đến cuối sân. Nhưng cô không nghĩ gì về Oanh, về mẹ Oanh và bọn con Liên. Cô chỉ đắm đắm ngó đắm

cặt bần tách khỏi mặt nước, chĩa thẳng lên như gươm giáo thủy binh. Mùi bùn non hăng hắc bốc lên. Mùi khói đốt đồng thoảng qua. Rồi mùi phân trâu, mùi nước tiểu ngai ngái trộn lại, quẩn chặt những tia nắng xói xiên, rùng rục. Cái nóng oi nồng giữa tháng Ba làm cho mấy con cá rô thỉnh thoảng phải quẫy nước nhoi lên, đung cả vào những tàu lá bông súng nằm soãi trên mặt đĩa. Nước xao động, làm vỡ những tia nắng màu lửa chói rục. Nhưng tất cả có vẻ không làm xao động một thứ tình cảm nào trong cô. Mọi thứ đều bắt đầu mòn lĩn dần, đều bắt đầu quen thuộc dần. Cô cũng quen dần với những ý nghĩ rằng cô là một cô gái kỳ quặc. Rằng cô phách lối kêu căng. Rằng cô tự phụ về nhan sắc, về trình độ. Nói chung họ liệt cô vào loại khó ưa, thứ dở hơi, gàn bướng. Tốt nghiệp hạng ưu, chọn được trường tốt trong thành phố, không chịu lại chui đầu về cái xó xỉnh tối tăm này. Rồi dám cãi lại ông hiệu trưởng về chuyện giờ giấc, tranh luận với ông giám học về chuyên môn. Nhưng nguy hiểm nhất và xác láo nhất là việc chê bai ngay trước mặt ông thiếu tá quận trưởng về cái đảng cô gọi là “Đảng Đánh Trống Thối Kèn”, mà nếu như cô không có nhan sắc đến nỗi ông quận trưởng hay thường xuyên lấy cơ tới thăm trường, cha cô không có thế lực về tiền bạc thì không rõ số phận cô sẽ ra sao ở nơi thị trấn nhỏ heo hút này, nơi không phân biệt được ai là Việt Cộng, ai là Quốc Gia? Tất cả những sự thể mà cô lần lượt mang tới được giới trí thức trong thị trấn nhờ vào Tam Đoạn Luận của Socrates để lý giải, lời cả Nietzsche, cả Freud để đưa cô lên bàn mổ. Vô hình chung, các cụ tổ của các trường phái triết học phương tây cứ choảng nhau côm cốp. Lúc thì ở hành lang, khi thì trong phòng hội đồng,

quán nước... bất phân thắng bại. Dĩ nhiên là không có mặt cô những lúc đó.

Chỉ có đám học trò là tỏ ra vô tư, thân thiện, vì có đứa suýt soát bằng tuổi cô, dù rằng chúng chỉ mới lớp Đệ Nhị. Cũng có đứa ngổ ngáo, đặt cho cô biệt danh “Bà Chằng Lửa”, bởi cô thường hay truy bài chúng, những đứa con nhà giàu trong thị trấn, con các quan chức trong quận, coi đồng tiền như cỏ rác, sự học là chuyện thứ yếu: “nhỏ không học lớn làm đại úy”.

Duy nhất trong số các đồng nghiệp, có anh chàng dạy môn quốc văn là thân thiện, không thêm quan tâm đến bất cứ việc gì, của ai ngoài những trang sách. Sách của anh ta nhiều vô thiên lủng. Sau những giờ dạy, anh ta chỉ có sách là bạn bè tâm tình. Lúc nào cũng có thể đọc và ghi chép được, nhai chữ nghĩa rào rào như một nghiến tre trên kèo gỗ. Anh chàng người cao to. Đen trùi trùi như ông hộ pháp. Cầm vuông. Mày rậm. Tướng mạo dữ dằn. Học trò lần đầu gặp anh, đứa nào cũng sợ, tưởng có thể đá ra quần ngay. Nhưng anh chàng lại có những thứ rất trái khoáy với vẻ dữ tợn ngoại hình: tính tình và nụ cười rất con nít.

Một lần có giờ trống, cô vừa đặt chân vào phòng hội đồng đã thấy anh ngồi bất động với quyển sách nhỏ nằm lọt thỏm trong đôi bàn tay to bè, mải mê lật từng trang sách. Cô nghĩ, không phải anh đọc bằng mắt mà nhai nuốt từng con chữ như thủy thủ nhả bọt lên đất liền nhai rau tươi. Anh không một lần ngước lên nhìn cô. Mà đâu có ai khác anh cũng không làm cái động tác ấy. Tiết kiệm lời nói, tiết kiệm nghe, tiết kiệm nhìn có vẻ như là thuộc tính cố hữu của anh. Cô liền có một ý nghĩ hết sức bậy bạ: như có một ai đó, ví dụ như cô chẳng hạn, ngã

lấn đùng ra thì anh có chịu buông quyển sách ra không nhỉ?

Công bằng mà nói, chính anh ta mới là con người kỳ quặc.

Chính nó mới gây nên sự chú ý, tạo nên ấn tượng mạnh trong cô lúc nào không hay. Cứ mỗi ngày một chút, mỗi tháng một ít, lâu ngày tích tụ dần như xác lá trầm tích tụ dưới tầng nước mặn, dày thêm, cao thêm.

Cô không thể nào cưỡng nổi sự tò mò, muốn xấn xỏ vào anh, banh tất cả ruột gan, tim óc ra để khám phá những điều bí ẩn, kỳ cục, mãi gọi sự thắc mắc trong cô như một khối u. Cô không thể chống lại một thứ tình cảm tự nhiên tự đáy lòng như mặt hồ lăn tăn gợn sóng. Và những con sóng nhỏ ấy đập mãi, vỗ mãi vào tảng đá vô thức là anh, để cuối cùng tảng ấy cũng phải mềm nát.

Còn anh chỉ thực sự chú ý đến cô trong những ngày đầu lao vào dọn dẹp những thứ đổ nát sau chiến tranh. Áo quần, tóc tai cô cũng bê bết bùn đất từ những dòng kênh mới xẻ. Cô cũng vác đất, cầm len như mọi người. Cô cũng mệt mỏi, hân hoan như mọi người. Cô cũng có những niềm kiêu hãnh của một công dân trong đất nước đã hết bom đạn, cũng có những hoài nghi về sự điều hành thô thiển, những định chế phân phối trật khố, sự cào bằng về trật tự.v.v. Tóm lại cô cũng là một con người có đầy đủ những hỉ, nộ, ái, ố như ai. Cái vỏ tiểu thư, kiêu căng và gì gì nữa... tựa như một lớp vỏ, cứ tróc dần ra trước mắt mọi người.

Anh từ ngạc nhiên này nhảy qua những bất ngờ khác và rồi yêu cô lúc nào chẳng hay.

Mối tình “bùn đất” – theo cách gọi của anh và cô sau này, được kiểm nghiệm qua các lớp chính trị, tập huấn

nghiep vụ liên miên. Mỗi người một nơi, luân phiên xa nhau. Ban đầu mới chỉ là một chút nhớ hiu hiu như gió nồm. Đi riết, xa lâu nổi nhớ như nam cô, nam mái. Cuối cùng nhớ quay quắt, nhớ cồn cào trong từng giấc mơ khúc đoạn.

Ba tháng đủ để hột lúa từ khi gieo xuống đất ngả sang những gié vàng ruộm, đủ để những chùm hoa trắng nõn màu cánh sữa trở thành những trái chín vàng mật ong.

Trước đây những chuyện như vậy, trong tiểu thuyết anh cho là nhảm nhí, bịa đặt. Làm gì có chuyện yêu nhau đến nỗi trái sầu riêng trên cành bỗng rụng xuống? Chim ngừng hót? Sóng thôi vỗ vào bờ? Đến cả những bông cỏ may cắm đầy ống quần, luôn gây sự bức bối cũng trở nên đẹp đẽ khác thường như thể đang trong một thế giới tuyệt vời nào đó?

Trên ba mươi tuổi, trí tuệ anh mới chịu mở ra để hiểu thế nào là sự vĩ đại, phi thường của tình yêu...

Vậy mà anh và cô lại chia tay nhau, không vì một lý do nào cả. Thật phi lý. Không thể tin được...

oOo

Nửa đêm vợ anh khoác chiếc áo len mỏng lên chỗ anh nằm, khẽ khàng quỳ bên cạnh, khẽ khàng giũ rộng tấm mền đắp lên ngực anh. Nàng dòm sát vào mặt xem anh đã ngủ chưa, rồi ngồi trong tư thế bó gối, nhìn ra phía biển. Anh nằm im một lúc rồi cũng mở mắt ra. Nàng như một pho tượng thạch cao, lồ lộ bên thân anh ngả đỏ. Nàng như gần mà như xa, giữa khoảng không cao vợi vợi. Mấy lần anh đưa tay lên với ý định kéo nàng nằm xuống bên cạnh anh. Nhưng mỗi lần như vậy anh thấy

mình chấp chới, gần như đuối sức. Bất giác anh ngược nhìn lên bầu trời đầy sao. Những ngôi sao li ti, lác lõng. Những ngôi sao li ti cô đơn. Có cái chợt ngã bở nhào, rơi vào vũng tối, có cái đứng tách xa thăm thẳm.

Vợ anh đột nhiên cúi xuống, hôn nhẹ lên trán.

- Minh xuống phòng đi, sương nhiều lắm. Tóc anh ướt đầm cả này – Nàng nói và luồn những ngón tay thon nhỏ vào tóc anh.

- Không việc gì đâu, em nằm xuống đi – Anh nói và duỗi tay ra làm gối cho vợ. Nàng nép sát vào người anh, chuyển cho anh hơi ấm áp của người vợ yêu chồng. Hai người nằm ngửa mặt nhìn trời cao, không biết là bao lâu.

Lúc sau nàng quay về phía anh hỏi:

- Sao thỉnh thoảng mình lên sân thượng nằm một mình vậy?

Anh ôm vợ vào lòng mà không trả lời. Anh vùi đầu vào mái tóc thơm nức mùi chanh để tránh câu trả lời. Anh không nói được. Ngần lần anh không trả lời câu hỏi của vợ tại sao lại như vậy. Anh ôm chặt vợ hơn. Bỗng mái tóc nàng trở thành một vệt trắng lung linh, nối tới tận những ngôi sao xa tít.

Có một tiếng thở dài bật ra.

Rồi một tiếng thở dài nữa.

Đêm hoàn toàn yên tĩnh.

oOo

Truyện được kết thúc ở đây, được đánh máy sạch sẽ và chuyển lên phòng biên tập. Những tưởng có thể yên tâm đi tán phét với bạn bè trong một góc quán bia hơi nào đó. Nào ngờ sáng hôm sau, ông trưởng phòng biên tập

gọi tới. Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là, hai tay ông cứ vò mãi lên cái đầu hói, không có lấy một sợi tóc để làm thuốc. Ông đẩy tập bản thảo ra trước mặt khi tôi chưa kịp ngồi xuống ghế:

- Cậu phải cố tìm xem và giải thích cho bạn đọc biết vì lý do gì mà hai người không lấy được nhau. Tờ báo của mình là tờ lá cải. Bạn đọc của lá cải họ đòi hỏi phải có hậu, phải lâm li. Cậu hiểu chưa?

- Dạ hiểu – Tôi đáp.

Đi mà làm cái việc ấy đi, nhanh lên – Ông gắt giọng ra lệnh.

Tôi gọi điện vào thành phố, gặp chị. Câu trả lời thật ngắn gọn: “Xin lỗi anh, tới giờ này mà tôi cũng không hiểu tại sao lại như vậy”. Tôi liền gọi đến một thành phố nhỏ ven biển, nơi anh đang làm việc. Câu trả lời cũng chẳng cung cấp thêm thông tin nào mới mẻ: “ Tôi không hiểu tại sao”.

Tôi bê toàn bộ những dữ liệu cũ cỗi này đặt lên bàn ông trưởng phòng. Ông lại vò chiếc đầu hói, nhăn nhó:

- Thật phức tạp. Con người thật phức tạp. Sống, yêu nhau, xa nhau, nhớ nhau... để làm cái gì kia chứ ?

Tháng 3-1999

PHẠM CAO HOÀNG

Chiều New Delhi

chiều New Delhi
có tiếng chim tu hú gọi mùa
có nắng reo trên lối tôi về
khói quê nhà
quyện cuối phương xa

tôi nghe chiều Delhi
xôn xao mùa phượng tím
bên kia trời quê hương
nhớ em lúc phục sinh

tôi thương chiều Delhi
nên yêu màu phượng tím
yêu con người quanh tôi
và yêu cả đất trời

chiều New Delhi
tiếng sáo đầu dây rất êm đêm
bỗng thấy nao nao nhớ quê mình
dáng em gầy
và mái tranh xưa

chiều New Delhi
có nỗi vui
dù rất muộn màng

có bóng tôi
trên xác lá vàng
với trái tim
thơm ngát tình người

HOÀNG NGỌC CHÂU

Hồn Thu Bạc

Sáng qua thu bạc trắng hàng dương
Người bước đi xanh mộng bình thường
Ta thấy hiu hiu lòng mưa bụi
Và hồn say rượu ẩm hơi sương
Người đi bỏ sót lại môi cười
Và áo vàng hoa cúc nhung tươi
Ta mơ người biến thành chim sáo
Bay dưới tàn thu hót ngậm ngùi!

Người đi bỏ sót lại mùi hương
Ôi thịt da xưa quá lạ thường
Ta thở lấy tàn hơi hám cũ
Mà sầu xé dạ rách tang thương!

Chẳng thà người như bông hoa bở
Nở trắng vườn hương một sớm hồng
Ta cũng cầm lòng men rượu đắng
Bên trời thu bạc nhận sầu đông!

Đêm nay ta ngồi giữa vườn sao
Nhấp rượu tàn canh say giải sầu
Cây nhớ thương người cây rụng lá
Ta nhớ thương người mơ kiếp sau

NGUYỄN PHAN THỊNH

(Những truyện thật ngắn)

Bồ Tùng Linh và Cáo

Một hôm Bồ Tùng Linh dạo chơi bên khe núi, chợt nghe tiếng cười khê trong bụi lau đang trở cờ phát phơ dưới ánh hoàng hôn. Một nàng con gái yếu điệu thướt tha thơm nức xạ hương thoát bước ra khêu gợi lạ thường. Bồ mê đắm quên trời đất. Nửa đêm thức dậy dưới trăng thấy ôm trong lòng một con cáo, Bồ dựng tóc gáy, lạnh buốt cả mình mẩy, nằm chết ngắt dưới mưa sương.

Mặt trời lên đã lâu, Bồ tỉnh lại, thấy còn trơ một mình. Vợ vẫn một hồi, Bồ xuống núi về nhà quyết định ngồi viết Liêu Trai Chí Dị. Nhiều năm sau, lưu lạc về nam, một đêm đang ngồi viết trước đèn, thoáng có bóng người đẩy cửa vào ngồi xuống cạnh Bồ, nói : *Thôi làm cáo luôn cho rồi . Hỏi: Sao được ?*

Người ấy cười: *Sao không ? Chính ta cũng là cáo đây, cáo già. Thời nay đâu còn mấy người đâu ? Chính người cũng mọc đuôi rồi đấy, cứ rờ xem...*

Bồ Tùng Linh rờ dưới đất mình rồi khóc rống lên đúng lúc tờ lịch trên tường rơi xuống có ngày

13/9/2003

Không Bóng

Ở thành phố ấy không dừng dân chúng đồn đãi nhiều người không có bóng. Giữa nắng ban ngày thấy chỉ có bóng xe Honda chạy vù vù, chứ người ngồi trên xe không có bóng in xuống mặt đường. Thế đêm dưới ánh đèn điện thì sao ? Người nói có bóng người nói không bóng tranh cãi nhau om sòm.

Xóm nọ có ông giáo già nghe tên như là Mác-két, bọn nhi nhô hay chỉ chỗ xa xa gọi là “ông già mắc kẹt”, nghe đâu ông không có họ khẩu thường trú, tạm trú hai mươi mấy năm rồi . Một hôm con gái ông dẫn về nhà một đứa con trai không bóng. Nó rú ga mô-tô vang ầm cả con hẻm trước khi phóng đi. Ông nói : *Con ơi, nó không có bóng !* Con gái ông nói : *Họ cũng có người tốt.* Ông cầu nhàu : *Ai chẳng biết, nhưng ít lắm, lại còn xem tốt với ai.* Con gái ông gắt gỏng : *Cha đừng vợ đứa cả năm !* Ông giáo già trầm giọng : *Coi chừng nó có đuôi ấy chứ !*

Một năm sau đám cưới con gái ông rên rang ở nhà hàng, khách dự gần nửa ngàn người, đa số là dân không bóng, ô tô con đậu chật cả hai con phố. Phần lớn khách của nhà trai, tai to bụng lớn, nghe nói là anh em bầu bạn của Năm Cam Bảy Quít cả. Chưa được nửa năm sau đó con gái ông đã đẻ con, một đứa con trai bụ bẫm lọt lòng nặng hơn năm ký lô, bác sĩ ở bệnh viện phụ sản nói hài nhi mắc chứng tiền béo phì. Ông dẫn bà vào thăm con thăm cháu, về mừng về lo. Ông đòi bông cháu , nâng niu rờ rẫm mãi, lát lát lại vạch xem đít thẳng bé đỏ hỏn hỏn.

Con gái ông hỏi : Ông già làm gì thế ?

Ông mắt trước mắt sau, thì thà thì thầm : *Cha sợ nó có đuôi lợn con ạ !*

25/9/03

Nâng Cấp

Xóm tôi mới thay Tổ Trưởng Dân Phố là đàn bà. Mấy năm trước nhà bà này lụp xụp tối tăm, bán tạp hóa vật vãnh, ông chồng có tật ở chân mặt mũi thâm lặn. Không đưng bà sửa nhà mới, lên một tầng sàn bê tông giả, ban công đúc , lát gạch bông quét sơn nước sáng lóa. Giọng nói bà tự nhiên rỏ ràng, nghe vang vang. Thì ra con trai bà đi hợp tác lao động ở nước ngoài về nâng cấp nhà cửa , chuẩn bị lấy vợ. Chính là cậu con trai hay thấy ngồi ở bàn ngay giữa nhà dưới ánh đèn sáu tắc mờ mờ, nghe nói học đại học kiến trúc hay bách khoa gì đó.

Thành tích đầu tiên của bà tổ trưởng mới là thu tiền nâng cấp con hẻm thành bê tông. Suốt những ngày mấy tronton bê tông碌 cục rền rĩ, bà quăng quýt lẳng xăng bên cạnh anh Công An Khu Vực và ông Tổ Phó An Ninh , giọng nói như có chuông rền, nặng hơi quyền uy mệnh lệnh lạ thường. Trong bộ cánh mới, trông bà có vẻ hơi sang và trẻ ra. Nhà bà vẫn bán tạp hóa.

Đến tháng sau có đợt bình bầu Gia Đình Hạnh Phúc . Gia đình bà là một, gia đình thứ hai ở tuốt xóm trong ít ai biết. Chú Năm ở xéo trước mặt nhà tôi một hôm thấy tôi đang đứng trước cửa bỗng bước qua, thì thầm :

- Anh Tư thỉnh thoảng qua mua thuốc hút có thấy bà già

gù trông như ăn mày ngồi ngoài bậc thềm nhà bà Hai Xu không ? Má chồng bà đó. Bà già chỉ được vô nhà ngủ sau chín giờ thôi. Mưa nắng gì cũng vậy. Bữa ăn bà già được một tô cơm cũng ngồi ăn ở ngoài. Sáng dậy bà già hay lồm khồm ra chợ, có hôm ở suốt ngày luôn. Tui đã nói thẳng vào mặt thẳng chả là đồ bất hiếu.

- Ủa vậy sao ? Mà lâu rồi tôi không thấy bà già đó đi qua đây. Bà cụ đâu rồi ?

- Bà già bệnh quá, bị vợ chồng chửi cho lên xe đò về quê ngoài Quảng sau đó chết rồi. Tôi thấy thẳng chả đeo băng đen trên túi, có hỏi thăm bữa qua mua rượu thuốc.

Vừa lúc ấy ông chồng Bà Tổ Trưởng từ đầu hẻm về, một tay xách nặng bịch ni lông hàng tạp hóa. Ông bị liệt nửa người bên trái, thường đi xiêu xiêu một bên, tay trái buông thõng, mặt u trầm, mắt nhìn xuống đất. Nhưng bữa nay trông ông thật khác lạ. Ông cũng đã ăn mặc sạch sẽ sáng sủa hơn nhiều. Ông hất mặt lên và môi hơi hé cười với chúng tôi trong lúc như đang nghiền răng lấy dáng đi. Không, phải nói là ông nửa bay nửa nhảy. Ông như đang ráng tận lực cho hai vai thẳng, vung vẩy tay trái và chân trái để tiến tới. Trông ông xiêu vẹo đâm ngang bổ dọc, không biết đồ sắp lúc nào, đáng sợ và đáng thương làm sao !

Tôi còn đang bàng hoàng, bỗng nghe chú Năm thì thầm vào tai :

- Chà, nâng cấp nữa rồi!

31/12/03

Tiệc chiều đãi

Chúng tôi được điểm danh và chỉ định chỗ ngồi xong xuôi trước khi tấm màn nhung đỏ kéo lên. Đại Quan Tiến Sĩ Hannibal từ bên cánh gà bước ra , đi giữa hai cô gái đẹp lộng lẫy. Chúng tôi đồng loạt đứng lên vỗ tay cho đến lúc ông được hai ả nâng tay đưa đến ghế ngồi sau một cái bàn đồ sộ phủ khăn đỏ . Một bé gái trong đội múa thiếu nhi mặc váy hoa ngắn cũn ôm hoa tiến lên sân khấu. Nhạc trời âm ỉ âm thanh của kèn đồng và trống trận. Hannibal nhận hoa để xuống mặt bàn, dang hai tay bỗng bé gái lên , hôn chằm và lâu hai má em, nét mặt thương yêu như của một ông ngoại nhân từ vô tả. Chúng tôi lại vỗ tay.

Hannibal nâng ly rượu để sẵn trên bàn lên. Chúng tôi cũng được các cô gái xinh đẹp hấp dẫn (á hậu/casì/ người mẫu ?) thơm phức bưng khay bước ra phát cho mỗi người một ly rượu màu hồng đục kèm theo một nụ hôn mê hồn. Lại một khúc nhạc vang lên, âm âm tiếng trống điểm nhịp những tràng đại bác. Chúng tôi ngồi xuống và uống rượu nồng nồng tanh tanh như có mùi máu. Hannibal bắt đầu nói, chúng tôi nghe và thỉnh thoảng lại vỗ tay .

Hốt nhiên chúng tôi như đều say say. Hai cô gái (hoa hậu ?) đang đứng múa trên bàn trong lúc một ca khúc lạnh lốt vang vọng từ những chùm đèn nhấp nháy trên trần đại sảnh, tay phơ phất giải lụa đào, thịt da trắng ngần nhể nhại ẻo lả quăn quại theo điệu Rap. Hannibal đang cười nhe răng trắng nhớn, mặt như con trâu già. Bé gái ban nãy trần truồng nằm ngửa trên một cái đĩa khổng lồ ngay giữa bàn, mặt càng nhìn càng giống mặt khỉ non. Một phu nhân già (vợ Hannibal ?) từ một bên cánh gà

bước ra với một cái khay đựng dao và nĩa. Mụ cũng không mặc quần áo, hai bầu vú thõn thện chảy dài , nhảy tưng tưng trên mặt khay theo bước đi nhún nhảy điệu đà. Chỗ ấy của mụ cạo sạch trơn.

Chúng tôi cùng hú lên như ma ám, thoát nhìn nhau thành nửa cười nửa dè, rút trong túi ra mỗi người một con dao nhỏ , cứa mạnh vào cổ tay mình. Máu chảy tong tong vào ly rượu đã cạn. Chúng tôi uống. Cứ thế chúng tôi uống máu mình. Be he ...

14/3/04

ĐỨC PHỔ

Hẹn cùng O, về Huế.....

1.

Hẹn cùng O đi lễ cuối năm
tháng chạp trở bông mưa trên tóc.
Đường trần thế trải dài trước mặt
chờ giêng hai tình mọc để lên rằm.

Bữa gặp O trời bắc đã cấm cấm
nhắc nhở chúng mình nhớ Huế.
Tháng giá người đứng sầu thâm như đáy bể
khiến xui ta xích lại phút ân cần.

(O kể chuyện ấu thơ bên bờ An Cựu
thuở tắm trường trai gái đua bơi.
Chiều đi học về, qua trường Thiên Hộ
mấy đứa con trai đứng nghể. Dị ồm!

Sáng chúa nhật O mê đi lễ
O mô ngờ thẳng-ngoại-đạo theo sau.
Qua ngõ quẹo, O rẽ vô dòng Cửu Thế
hắn đứng chết trân chẳng nhớ lối quay về.

Chúa Giáng Sinh chịu khổ đã trăm bề
O thương cảm nguyện hiến đời phụng Chúa.
Căn nhà cũ có còn O mô nữa
bởi giấc mộng đầu O trót gởi Thiên An!...)

2.

Anh đã từng quần quanh thán ngày Thành Nội
sớm cà phê Tôn chiêu cuộc bộ Kim Long.
Qua mỗi nẻo đường bóng O đà hụt lối
biết nú ai chờ, đành nú cái long đong!

Đời quăng anh từ một nhánh sông
bất chợt anh mơ mình hóa cá.
Người bủa được chẳng phải ai xa lạ
mà cái O năm nớ phải lòng!

3.

Chừ xứ người dừng ngày Xuân chẳng động
chút sắc màu năm cũ cho khuây.
Gặp lại O giữa một góc trời Tây
hồn đã chín mấy mùa thương tưởng Huế!

O già dặn bước qua đời dâu bể
anh bầm mình như kẻ thấm phong sương.
Chừ đầu năm hẹn cùng O đi lễ
ngôi giáo đường xứ lạ bỗng rừng rưng!

Bên bệ Chúa O phục tùng Thánh ý
cầu nguyện ngày nắng Huế bớt hanh hao.
Anh sẽ dắt O về thăm thôn Vỹ
núp bóng hàng cau hồn ngát mộng xanh trâu!...

Cảm ơn Thành phố bạn thân

** tặng trần đình sơn cước & trần thị thái khương, ngữ an.*

1.

Ta đến từ một thành phố khác
nơi sớm trưa hai buổi ân cần
lấy công việc làm thú vui
tóc tai râu ria tha hồ tự tung tự tác
áo quần đôi sắc thay tới đổi lui
thường nhật món ăn tự làm nhếch nhác
giấc ngủ như lò xo bật dậy đúng giờ
không co không giãn...

Nhìn lá đổ biết mai đời rụng
lẽ tuần hoàn thân xác đã rụng rụng
đêm quạnh thiếu người chuyện vãn
đọc sách không hiểu hết sự đời
lòng buồn khê khà chén rượu
nhớ bạn mượn đường viễn liên
thăm hỏi dăm điều ba chuyện...

Chỗ ta ở ban đầu tuy lạ
sống riết trở nên thân
có hôm đi chơi quên về bỗng nhớ
nửa khuya trần trở nhàu gối chần
nhủ lòng tự nhen bếp lửa
hâm tình người hong mối tình thơ...

2.

Ta đến từ một thành phố khác
bằng hữu nhiều năm cách mặt
nhớ nhau quyết một lần thăm
lạ chi lòng mừng tay bắt
chuyện cũ suối trào chuyện mới cay mắt
thấp đêm chong thấu tình ngày
thời gian tăng tốc.

Buổi sớm cà phê đơm khói thuốc
lây la trưa chén tẩy trần
bỗng chốc quên chiều say khướt
tình đọng theo cốc rượu tràn...

3.

Ta đến từ một thành phố khác
bằng hữu đón ta quán xá mời ta
tiếng hỏi câu chào thiết tha tình làng nước
(chuyện thầy cũ trường xưa
đời lính tráng bốn ba xuôi ngược
chuyện nổi trôi bốn biển tấp về...)
giữa xứ người đứng
gặp nhau không tin là sự thật!

Những giọt lệ có đủ lòng quặn thắt
khi dấu chân đời ơ hờ lẫn
trên từng khuôn mặt
hồn già nua quay quắt
nào có ra chi đỉnh lộc quan tiền!

Những tràng cười có đủ lòng vui

mỗi sớm mỗi chiều yến tiệc
giọt rượu xôn xao mạch tình khát kiệt
trái tim nung huyết quản
cháy bùng niềm tin ngày hủy diệt
ảo tưởng về một thiên đàng!...

4.

Ta đến từ một thành phố khác
mang theo lòng biết ơn
(cha mẹ cho ta thân xác
đời cho ta lòng dạ
đất nước cho ta thắm nổi lạc loài
bằng hữu cho ta sự cảm thông
và em cho ta hiểu được chữ tình...)

5.

Giã từ thành phố bạn thân
ta mang theo nhiều điều chưa tỏ được
đôi lời cảm ơn
đâu đủ thắm tình sau trước!...

TÚY HÀ

Gửi em Kinh Bắc

Đường về Kinh bắc xa xa
Cô em quan họ có ra cùng mình,
Đâu cần chờ hội cúng Đình
Ở đây vốn rất hữu tình dễ thương.
Nhớ nhau chớ sợ dặm trường
Mau nhanh chân nhé, vượt truông sang đò
Có ra nhớ mang câu hò
Quai thao yếm thắm thêm vò rượu ngon
Dầu cho yếm nhạt màu son
Quai thao đã rách, hãy còn nón xưa
Anh đây vẫn đợi sớm trưa
Sá gì yếm cũ, quai thừa hỏ em.

Cứ như rượu cũ dậy men
Uống hoài sao vẫn cứ thèm hương xưa.

TRẦN PHÙ THẾ

Ta Ghét

Ta ghét
mười năm
ở xứ này
Mười năm
đứng đỉnh
lục bình quay
Như con nước những
dòng sông Hậu
Xuôi cả lần đi
ứa máu đầy

Ta dễ dành ta
trong giấc mộng
Suốt đời
phó mặc
cuộc rủi may
Ta cầm
số mệnh
nhiều phen lắm
Nhưng chẳng được gì
em có hay

Ta ghét
đời ta
sáu mươi năm
Se tay

hạt bụi
nát âm thầm
Tan theo cơn gió
bay mù mịt
Và
rớt bên đời
bóng biệt tăm.

KIỀU MỘNG HÀ

Hóa Bướm

Anh muốn đến thăm em!
Trong ngôi nhà ngói đỏ
Khi đó có nhiều đêm
Em âm thầm lệ nhỏ

Anh muốn đến thăm em!
Vào mùa hoa rục rở
Để được cùng lắng yên
Ngắm hoa tàn, hoa nở

Anh muốn đến thăm em!
Ngồi bên lò sưởi ấm
Nơi em thường đọc ẩm
Nghe lá khóc ngoài hiên

Anh muốn đến thăm em!
Như một người khách lạ
Ngắm nụ cười em tươi
Bên một người trên giá

Anh muốn đến thăm em!
Ngang qua phòng em ngủ
Ôm gối chần ừ rữ
Đêm thức trắng từng đêm

Anh muốn đến thăm em!
Dấu đời đâu là mộng

Dắm đầu mơ hoa bướm
Trong hồn chàng Trang Sinh

Tây Đô

Em
Cô gái ở Tây Đô
Quẩy thơ sẩy rớt
bên hồ suối trong
Tôi
Cần thơ, mắt ngó mong
vạt thơ
dạt gió
bềnh bồng
nổi
trôi
Hồ Tây ơi
Hồ Tây ơi
Tôi bơi sắp soải
Em nơi phương nào!

NGUYỄN MINH

NĂM MỖ

- Dạ, ông có phải là ông Nguyễn mà con vừa gọi điện thoại không ạ?

Tôi gật đầu, nhìn hai vợ chồng người lạ mặt, rồi chỉ chiếc ghế sa lông mời họ ngồi. Người đàn ông, tuổi cỡ 40, da rám nắng, chắc nịch, mặt dày dặn, có nhiều mụn. Người đàn bà, cao ráo, trắng trẻo. Cả hai e dè ngồi đối diện với tôi. Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Tối hôm qua, tôi đang nằm ngủ, như thường lệ, mới 10 giờ tối, chuông điện thoại reo inh ỏi, tôi choàng dậy cầm máy. Tiếng người lạ hoắc hỏi: “có phải nhà ông Nguyễn?” - “Phải.” - “Cháu là Trí đây. Con của ông Tình.” Tôi ngỡ ngẩn không hiểu gì cả. Có thể người nào gọi nhầm nhà chẳng. Tiếng nói tiếp theo: “Đã bao nhiêu năm chúng cháu tìm những người bà con, thân thích của bà nội cháu. Ra Tuy Hòa, gặp người chú họ, cháu kể về chuyến đi tìm mộ bà nội cháu ở P.R, mới hay cháu có nhiều ông bà, cô bác, bà con rất gần với bà nội cháu ở đó. Một ít ở Sài Gòn, trong đó có ông. Người chú cho cháu biết số điện thoại của ông nên cháu gọi tới.” - “Bà cháu là ai?” - “Dạ, bà Nguyễn thị Khuê?” - “Bà Khuê nào?” - “Dạ, vợ ông Hân.” Bấy giờ tôi mới nhớ đến ngôi mộ, thuở nhỏ các anh tôi nói là của vợ anh Hân mà tôi kêu bằng chị, bà con rất gần với tôi, chú bác ruột. “Ông có rỗi không? Ngày mai cháu dẫn vợ cháu đến thăm ông và tiện thể hỏi thăm về ngôi mộ của bà nội cháu” Tôi cho

họ địa chỉ, và hướng dẫn đường đến nhà.

Thấy tôi vẫn còn ngơ ngác, người đàn ông tự giới thiệu:

- Dạ, con tên Trí. Và đây là Hương, vợ con. Theo gia phả chúng con gọi ông bằng ông, vì ông là em chú bác ruột với bà nội con.

Thật sự tôi cũng chưa hiểu rõ ngọn ngành, nhất là về cha của Trí. Tôi chỉ mang máng nghe người thân kể lại là chị Hân, khi sinh con ra mới mấy tháng, sau một cơn ghen, lên sản hậu, chết sớm lúc tuổi trên hai mươi, sau đó anh Hân, chồng chị đổi ra làm việc ở ngoài Trung, mang con theo. Tôi cũng không nhớ người con trai đó tên gì.

Trí biết là tôi còn mù mờ tung tích của cha anh, nên anh nói:

- Ba con tên là Tình.

Bấy giờ tôi gật đầu như nhớ ra là tôi có nghe tên. Từ lâu đã mấy chục năm, gần nửa thế kỷ, tôi bắt tằm về những người thân của người chị bạc mệnh đó. Ngôi mộ của chị, hằng năm chúng tôi đều dầy cỏ, vun đất và thấp nhang cho chị, nhân dịp lễ thanh minh, chúng tôi chạp mộ chung cho ba mẹ tôi, các bác tôi, nằm cùng trong một khuôn viên nghĩa trang Phật giáo. Năm tháng qua đi, chẳng thấy ai, như chồng, con trai, cháu chắt của chị đến thắp một nén hương. Tôi xem như một nấm mộ hoang, mỗi lần thấp nhang cắm lư hương gắn chặt trên đầu tấm bia của chị. Tôi không hình dung ra khuôn người chị đó, chị chết lúc tôi chưa sinh ra. Sau này mỗi lần nói đến sự ghen tuông của đàn bà, tôi mới nghe các anh chị tôi thổ lộ về những cơn ghen của chị ấy. Ghen bóng ghen gió. Trước khi lấy chồng, chị đã biết tính hào phóng của

chồng mình, chị chấp nhận, nhưng sau khi lấy nhau, chung sống với nhau, được một mụn con, trong khi còn nằm ỏ, nghe thoáng ai đó nói thấy chồng mình đi chơi với một người đàn bà khác, chị cho là anh phụ bạc, tức quá, sản hậu mà chết. Tôi chỉ biết bấy nhiêu đó về chị mà thôi. Thời gian trôi qua, tôi không tìm hiểu gì về chị nữa.

Trí kể cho tôi nghe về người cha của anh.

- Ông nội con mang cha con theo, ông đổi về làm lục lộ ở Đà Nẵng, sau đó ông nội con kế tục với một người đàn khác khác. Cha con mồ côi mẹ sớm, may người mẹ kế hiền từ, thương yêu, đùm bọc. Lớn lên, cha con được học hành tử tế. Đậu tú tài cha con vào ngành cảnh sát, mang lon đại úy, làm việc ở Quảng Tín. Anh em chúng con, 5 đứa được học hành tử tế. Năm 75 ba con bị đi cải tạo tận Tánh Linh, Bình Thuận. Mẹ con dẫn dắt chúng con vào đó làm nương rẫy kiếm sống qua ngày. Mẹ con chết sau những ngày kiệt sức. Cha con lại chết sau khi mãn tù một năm. Lũ chúng con thất tha thất thểu kéo vào Sài Gòn sống lang thang, rồi đi bán vé số, hay làm đủ những công việc bốc vác nặng nhọc. Sau đó được một gia đình gốc người cùng quê nhận cho học nghề tiện mợc. Cả mấy anh em đều chăm chỉ làm việc, và từ từ chúng con thoát qua cơn nghèo khổ. Bây giờ chúng con đã lập gia đình, cơ ngơi xưởng mợc chuyên làm hàng xuất khẩu vững vàng. Mợ ba mẹ con đều chôn ở Tánh Linh. Trước khi chết ba con trối lại, bằng bất cứ giá nào, dù sớm dù muộn chúng con cũng phải tìm ra mợ bà nội để dời cốt về chôn cạnh mợ ba mẹ con. Khi sống đã bị chia lìa, đến lúc chết cả rồi, nằm cạnh nhau cho có mẹ có con và hằng năm đến ngày chạp mợ có con cháu ra

thấp hương chúng nó đều nhắc lại những gì chúng biết dù rất mơ hồ về bà nội mình.

*

Tôi ngồi sững sờ không phải vì những lời kể lể của người cháu đó mà trong tôi đang hình dung ra một người đàn bà khác, đã biệt tăm, bây giờ lại lảng vảng trong tâm trí tôi. Người ấy là chị tôi.

Đáng lý ra chị tôi tên là Muối, như lời kể lại của bác Vân, người bạn thân của ba mẹ tôi. Ba mẹ tôi từ Tuy Hòa, nơi quê ngoại tôi, dẫn dắt nhau cùng hai người con vào cái thị xã bé nhỏ này mà làm ăn sinh sống, sau khi ba tôi thôi làm công chức trong một lần cải lộn với cấp trên là người Pháp. Trong khi còn khó khăn về kinh tế, ba mẹ tôi chưa muốn có thêm những đứa con, sau khi mẹ tôi đã gián đoạn sinh đẻ cả mười năm. Anh Thư tôi còn phải gởi ra Huế ở với nội, chị Chi tôi phải ở lại Tuy Hòa với ngoại. Ba tôi hằng ngày phải đạp chiếc xe đạp thành về nông thôn chích thuốc đạo, một nghề y tá mà ông học lóm nơi người anh sinh đôi hiện làm y tá trưởng ở bệnh viện tỉnh. Ba tôi phải cho mẹ tôi uống nước muối để trục thai, nhưng không có kết quả. Khi sinh chị tôi: một đứa trẻ con chỉ nặng 1kg9. Nhỏ nhoi. Êo uột. Khi sinh ra chị ba mẹ tôi đặt tên là Muối. Khi làm giấy khai sinh người ta viết lộn thành Muội. Mẹ tôi chấp chững buồn bán. Nhờ luôn luôn giữ chữ tín và thái độ vui vẻ nhã nhặn, từ từ bà làm ăn nên. Và cứ hai năm một lần anh em tôi được sinh ra. Sau chị Muội là tôi. Sau tôi là Ngân. Ba chị em tôi đứng xấp xỉ ngang nhau. Ngân thì mập như hạt mít còn chị vẫn ốm và nhỏ con. Chả cần lũ bạn hàng

xóm, ba chị em tôi cũng đủ thành bạn chơi với nhau như u tìm, rượt bắt hoặc đánh chắt. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng cãi nhau, giận hờn nhưng rồi cũng làm lành, bu quanh áo mẹ đòi quà. Chúng tôi cùng học một trường nhưng khác lớp. Chị hơn tôi hai lớp, Ngân thua tôi một lớp. Lên trung học mỗi đứa đều phát triển những năng khiếu khác nhau. Ngân hát hay nhất trường, nhất tỉnh. Tôi say mê văn chương. Còn chị Muội hát không hay như Ngân nhưng cũng đủ làm người nghe xao động, và chị thích vẽ hơn. Chị vẽ đẹp, đáng lẽ chị vào trường Cao đẳng mỹ thuật Sài Gòn nếu như mẹ tôi không bệnh, để chị phải ở nhà săn sóc mẹ. Anh Thư tôi bỏ nhà đi theo kháng chiến. Chị Chi tôi lấy chồng phương xa. Ba tôi bị tù đầy. Cả Ngân và tôi đều đi học xa, ở Huế. Riêng chị vẫn ở mãi ngôi nhà xưa, chị nghỉ học sau khi tốt nghiệp trung học, và chị làm nhân viên tòa hành chánh Tỉnh, ngày hai buổi lặng lẽ đi đi về về. Sau khi mẹ tôi mất, chị cùng dì tôi phải sống lặng lẽ, âm thầm bên cạnh ba tôi bệnh hoạn suốt ngày nằm nơi chiếc giường đặt cạnh bàn thờ của mẹ tôi. Không khí u ám, buồn tẻ, bao quanh chị. Nên khi tôi trở về làm việc tại thị xã nhỏ bé này, chị vui hơn vì ít ra có người chia sẻ nỗi niềm riêng.

Từ ngày mẹ tôi mất, chị Muội dọn vào ở trong phòng riêng của mẹ. Mọi đồ vật mà mẹ tôi trang trí trong phòng chị vẫn ở y nguyên. Vẫn chiếc giường Hồng Kông rộng lớn, trải nệm lên phủ cái lò xo lún nhún, mà những ngày thơ ấu các chị em tôi leo lên nhún nhảy, những thân hình bé nhỏ bật tung lên rồi xuống chiếc nệm êm ái, và cùng nhau cười thích thú. Vẫn chiếc kết sắt đặt ở một góc phòng, trên đó là tấm ảnh chụp mẹ tôi cùng ba chị em tôi lúc chúng tôi xấp xỉ mười tuổi, đứng bên cạnh

mẹ, nụ cười rạng rỡ như vừa nhận được quà của mẹ cho. Ngọn đèn ngủ, cái võ ốc to tròn óng ánh sa cừ, kỷ niệm của một chuyến đi về quê của mẹ, vẫn phát ra ánh sáng lờ mờ, đặt trên cái *table de nuit* bằng gỗ gỗ bóng nước. Cái bàn tròn cùng hai chiếc ghế mây chị vẫn để như cũ dù nó đã bạc màu. Chị thường nói với tôi: “Chị không thay đổi mọi vật trong căn phòng này. Chị xem như mẹ vẫn còn sống. Khi chị nằm trên chiếc giường Hồng Kông này chị cứ tưởng có mẹ nằm bên.” Chị làm tôi cảm động, khi nhìn mọi vật trong căn phòng tôi nhớ đến mẹ tôi. Tôi nói: “Bây giờ không chỉ một mình chị mồ côi mẹ, mà còn có em cũng mồ côi mẹ, cùng sống với nhau dưới một mái nhà chung những kỷ niệm êm đẹp mà mẹ đã để lại cho chúng ta.”

Tôi cất thêm một căn gác gỗ nhỏ ở nhà sau làm giang sơn riêng cho mình. Tất cả đồ đạc đều mua mới, từ chiếc giường, cái bàn, chiếc ghế. Còn đặc biệt tủ sách phải thuê thợ mộc đến nhà đóng ráp. Bao nhiêu sách vở tôi nhịn ăn tiêu để dành mua từ thuở còn đi học trung học ở Huế. Gia tài của tôi chỉ có ngần ấy. Tháng lương đầu tiên của tôi góp vào chi tiêu trong gia đình chị Muội không nhận, chị bảo tôi hãy sắm thứ gì mà tôi thích nhất. Hai chị em cùng ra phố, vào một tiệm bán radio, tôi chọn mua một máy hát đĩa cùng những đĩa nhạc hòa tấu Tây phương.

Buổi tối hôm đó, trời có trăng, ánh sáng dịu dàng chiếu qua khung cửa sổ, dội vào phòng tôi, hai chị em thức thật khuya, tôi hút thuốc, uống cà phê fin đen, còn chị một tách sữa pha một chút cà phê. Tiếng nhạc dương cầm rải từng tiếng một, có lúc dồn dập, lúc nhỏ lúc to từ cái máy hát đĩa của tôi đặt trên bàn ngủ cạnh giường.

Am thanh tôi vắn thật nhỏ, sợ làm mất giấc ngủ của ba tôi, nên hai chị em im lặng, không nói chuyện gì cả, mỗi người thả hồn mình về một cõi. Tôi mãi ray rức về cái chết của một thằng bạn thân, về nỗi đau khổ dằn dặt của Hà – người yêu của hắn – thắc mắc về viên đạn tự tay hắn bắn vào đầu mình. Nhưng rồi hình ảnh cái chết của hắn qua đi trong tâm trí tôi khi tôi hình dung nét mặt ngây thơ, đôi mắt to đen, cái nhìn ngây thơ của cô bé mà tôi vừa mới quen, hướng về tôi, cùng nụ cười hồn nhiên trong sáng, cô bé nói chuyện nhí nhảnh như tiếng hót của chim sơn ca từ đâu bay về.

Còn chị, có lẽ chị hình dung lại mối tình thơ dại của tuổi học trò đã tan biến từ lâu. Anh Hoàng, người bạn học cùng lớp với chị, vẫn thường đến nhà tôi chơi và chỉ cho chị những bài toán khó mà thầy giáo buộc làm ở nhà hoặc giải nghĩa từ trong câu thơ truyện Kiều. Anh Hoàng đáng cao ráo, mặt mày sáng sủa, thư sinh. Mẹ tôi xem anh như người thân trong nhà. Đến khi ba tôi vừa ở tù về, khi biết chuyện anh Hoàng thương chị tôi, ba tôi tỏ vẻ không bằng lòng, đơn giản chỉ vì anh là người đạo nòi Thiên Chúa. Ba tôi có ác cảm về những người dân xứ đạo từ lâu, thuở ông còn là thanh niên. Ba tôi xúc phạm ngay lần đầu tiên anh Hoàng đến chơi khi vắng mặt chị tôi. Từ đó tôi không thấy anh lại nhà nữa. Còn chị tôi mất đi vẻ hồn nhiên. Chị ít cười, nếu có cũng chỉ là nụ cười gượng gạo, miễn máo. Sau này tôi biết anh Hoàng đi lính và lập gia đình với một người bạn cùng lớp của hai người. Tình cảm lúc ấy của chị còn mơ hồ, chập chờn giữa ranh giới tình bạn và tình yêu, khi anh Hoàng cầm tay chị để tỏ tình, chị run như sẩy, mặt chị đỏ bừng, chị hoảng hốt rút tay về rồi bỏ chạy. Từ thuở tuổi mới lớn đó

đến bây giờ chị thành cô gái chẳng chạc tuổi đời, mười năm qua, chị vẫn chưa có một mối tình nào sâu đậm, làm chị phải đau lòng.

Khi chị biết mối tình giữa tôi và T. – tên cô bé - vẫn thường lên căn gác của tôi, sinh sôi nảy nở, chị thường khuyên tôi đừng bao giờ gây ra những bất hạnh để làm tổn thương cho một mối tình đẹp. Có một lần chị mở ngăn tủ ra để xấp xếp lại quần áo, chị thấy ngổn ngang, tôi mới cho hay chiều hôm qua tôi có mượn chị một cái khăn tay, trong lúc vội vàng và luồn cuồn khi T. đến thăm tôi và nàng khóc cho hay gia đình nàng không muốn chúng tôi tiếp tục quen nhau, buộc nàng phải chọn trong hai con đường là gia đình hay là tôi. Nhất là với người con gái mới lớn đó là điều khó chọn nhất. Tôi nhìn những giọt nước mắt chảy từ từ nơi khóe mắt nàng, lòng tôi nhói lên những vết đau. Tôi vội xuống gác, vào phòng chị, lấy vội vàng một chiếc khăn. Ngày nào tôi hay trêu chị là con gái sao lăm thứ khăn tay, bộ dùng để lau nước mắt, khóc cho những cuộc tình tan vỡ. Chị bảo chị cũng muốn như thế lắm, nhưng đợi mãi chẳng thấy ai đem đến cho chị một mối tình như thế. Chị cho tôi vài chiếc khăn tay vuông vắn, đẹp đẽ, xếp lại nhỏ nhắn, để dành lau nước mắt cho T. Nhưng không phải sẵn khăn nhiều đó mà tôi cứ làm T. đau khổ để khóc hoài. Rồi cuộc tình của tôi và T. cũng tan theo mây khói. Những chiếc khăn tay chị cho tôi vẫn cất kín, không dùng đến nữa, mãi đến bây giờ tuổi đã xế chiều tôi vẫn giữ, xem như một kỷ niệm, đánh dấu một mối tình đã đi qua đời tôi. Khăn thì còn đó. Nước mắt của người yêu ngày nào thấm ướt một khoảng vải mong manh đã khô đi và tan biến mất cũng như người tình đã bay xa.

Những ngày chủ nhật, lúc ba tôi chưa nằm liệt giường, ông đi chơi xa, chiều tối mới về. Dì tôi làm sẵn cơm để ông mang theo, người xích lô già cũng ham mê chơi chơi gà đến chỗ ba tôi cùng một con gà chơi mà ba tôi hằng ngày chăm sóc kỹ lưỡng, qua bên kia Thuông bờ sông Dinh, mọi người đàn ông khác đang bu quanh một sân chơi gà. Những lúc đó ngôi nhà chúng tôi mới có vẻ trẻ trung và vui tươi. Bạn bè của tôi thì nhiều, của chị thì ít, vài ba cô công chức cùng sở, tụ họp nhau đàn ca xướng hát. Tiếng cười vang lên khi nghe những câu chuyện vui đã xảy ra ở sở làm việc. Buổi trưa chúng tôi quanh quẩn với nhau bên cạnh chiếc lò lửa đốt bánh căn. Chị tôi bao giờ cũng dành làm người đổ bánh. Ngồi sát bên lò lửa, cái nóng bốc lên làm khuôn mặt chị đỏ hồng, như con gái e thẹn, đỏ mặt khi có người nhắc đến người mình thầm yêu. Chị Trâm – bạn cùng sở của chị nhưng đã lớn tuổi mà vẫn chưa có chồng – trêu chọc chị và nói to như cho mọi người cùng nghe: “Chủ nhật tới tôi rủ anh Quế đến cùng tham gia, ăn bánh căn của cô Hồng Muội đổ nhé.” Các bạn khác theo đó mà chọc chị. Chị chỉ biết cười duyên. Các em tôi được dịp chạy nhảy vui đùa trước sân nhà. Sau khi bệnh tình ba tôi trở nên nặng nề, ông không còn đi đâu được cả, suốt ngày nằm ở cái ghế bố bằng vải, và ngôi nhà trở nên u ám, vắng vẻ. Sau giờ tan sở, về nhà chị em tôi thường xuyên lên trên căn gác của tôi, chỉ nghe nhạc, đọc sách, đọc báo. Tôi vẫn thường đưa chị xem những trang bản thảo mà tôi vừa sáng tác trước khi gửi về tòa soạn của một tuần báo văn nghệ ở Sài Gòn cho chị xem và góp ý. Chị bảo nếu tác giả không phải là em chị, và tuổi đời chỉ là cậu thanh niên hai mươi mấy tuổi, thì khi đọc những tác phẩm của tôi chỉ sẽ

tưởng tượng ra một người đàn ông tuổi bốn mươi và đã từng trải. Những ý tưởng về thân phận con người, về chiến tranh, về cái sống ngắn hạn, về cõi chết mơ hồ mà tôi thể hiện vào những truyện ngắn cũng đã làm chị thao thức.

Ngược lại, chị đối với tôi bao giờ tôi cũng thấy chị lớn hẳn lên và tôi thì trở thành thằng bé con dưới sự chăm sóc yêu thương của chị. Chị là tấm chắn cho tôi, gánh chịu những phiền toái do căn bệnh làm ba tôi trở nên khó chịu với mọi người thân trong nhà. Tôi không thể thoát mình mãi trong những vách tường, nhất là về đêm tôi cần lang thang ngoài đường, cần hít thở không khí trong lành khi đứng trên bờ đê và trải lòng mình rộng thênh thang theo con nước chảy lờ lờ của dòng sông Dinh. Chị tiếp tay cho tôi bằng cách cuốn tròn bộ đồ quần tây áo sơmi đặt vào khe hở của song cửa sổ phòng chị thông ra bên ngoài đường phố. Còn tôi mặc áo thun, quần đùi, len lén bước những bước chân nhẹ nhàng êm ái ngang qua chỗ ba tôi nằm ngủ, dưới ánh đèn mờ mờ của ngọn đèn dầu trên bàn thờ mẹ tôi để lên nhà trên và mở cửa khe khẽ bước ra ngoài đường. Có lúc ba tôi chợt giấc thấy bóng người ngang qua ông hỏi: “Nguyên đó hả. Giờ này khuya rồi mà còn đi đâu?” Tôi trả lời nhỏ nhẹ, để làm ba tôi yên tâm: “Dạ, con ra ngồi trước hiên nhà cho mát. Ba ngủ đi, lát nữa con vào.” Thấy tôi ăn mặc như thế ông tin là thật. Tôi xỏ quần tây vào, mặc chiếc áo sơmi và nói thật khẽ qua khung cửa sổ với chị: “Chị cũng đi ngủ sớm, mai còn dậy đến sớm làm. Đừng đợi, khóa cửa.” Chị gật đầu. Nhưng đến khuya tôi trở về, chân bước cao bước thấp, người nhẹ tênh, bỗng bênh trong những cơn say vì rượu thì ít vì thất tình thì nhiều, tôi đã thấy chị ngồi trước

hiên nhà đợi tôi về. Cả hai như kẻ trộm mở cửa nhẹ nhàng, không gây một tiếng động nào, rồi len lén bước từng bước chân rón rén ngang qua chỗ ba tôi nằm để lên căn gác của tôi. Chị điu tôi bước lên những bậc thang, đặt tôi nằm trên giường và chị lấy khăn ướt đắp lên trán tôi. Chị đến máy hát để một bản nhạc đàn dương cầm mà tôi thường thích nghe, như thay lời hát, ru tôi vào giấc mộng.

Khi ba tôi hỏi: “Hồi đêm, thằng Nguyên đi chơi đâu mà về khuya vậy?” Chị trả lời tỉnh bơ: “Hai chị em ngồi hóng mát trước nhà?” Ba tôi ngạc nhiên hỏi tiếp: “Ngồi trước nhà hóng mát mà cũng phải mặc quần tây áo sơ mi sao? Nó đi ra tao thấy nó đi vào tao cũng thấy luôn.” Chị tôi hỏi lại: “Thế ba thấy ra sao.” Ba tôi trả lời trong sự ngạc nhiên: “Sao lạ hỉ. Khi ra thì mặc quần đùi khi về lại mặc quần tây.” Chị tôi nói để ba tôi không kịp suy nghĩ: “Chắc là ba ngái ngủ rồi. Ba yên tâm đi. Dù sao Nguyên đã trưởng thành không còn là thành bé trẻ con đâu.” Ba tôi gật đầu: “Ừ nhỉ? Có thể vậy.”

Chị thương tôi nên chị thương cả người tôi yêu cùng bạn bè thân thiết của tôi, nhất là những thằng bạn cùng viết văn làm thơ ở xa tìm về thị xã này thăm tôi. Trọng, một trong những người bạn cùng một nhóm văn thơ của tôi, từ Sài Gòn ra chơi với tôi vài ngày, hẳn cũng được chị Hồng Muội dẫn đi dạo dưới những hàng cây me tây mọc hai bên lề đường phố, chụm đầu lại với nhau, tỏa những bóng mát, và những cơn gió thoảng làm những chiếc lá vàng rơi lất đất xuống mặt đường. Chị lại hát rất khẽ nhưng cũng đủ làm cho Trọng nghe và xao xuyến. *“Bỏ thuyền, bỏ bến, bỏ dòng sông, cô lái đò kia đi lấy chồng...”*

Chẳng bao lâu sau chị Muội đột ngột lấy chồng. Ngày ấy, ba tôi bệnh càng ngày càng nặng, nhắm không qua nổi cơn đau, ba tôi kêu đi tôi gặng hỏi có ai thường đến chơi trò chuyện với chị Muội không. Khi biết thỉnh thoảng có anh Quế đến thăm chị tôi. Hai người thường bắt ghế ngồi trước hiên nhà. Ba tôi hình như chuộc lại lỗi lầm ngày xưa, nên ông mời anh Quế đến gặp mặt ông và ông hỏi ngay nếu anh thương chị Muội thì về nhà mời cha mẹ hoặc người lớn làm mai mối ông gả chị cho, không cần điều kiện gì. Ba tôi bảo ông không muốn chị Muội phải chờ đợi hết ngày măn tang nếu ông chết đi. Chị Muội có hỏi ý kiến tôi. Tôi cũng khuyên chị nên lấy chồng. Còn hạnh phúc thì chính mình tạo dựng nên. Ngày cưới chị, diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm và đơn giản. Mẹ anh Quế từ quê ra. Anh chị mặc đồ cưới, anh thì áo dài khăn đóng, chị thì áo gấm đỏ thêu hoa. Cả hai vái lạy trước bàn thờ tổ tiên, rồi đến trang thờ mẹ tôi. Anh chị đứng trước mặt ba tôi, ông gượng ngồi dậy, trong bộ quần áo bà ba trắng mới thay, đôi mắt ông sáng lên, và nở một nụ cười không đủ phát thành tiếng, mà như mếu máo sắp khóc vì xúc động. Ở Huế, đám cưới của Ngân cũng diễn ra, chủ lễ là chị Chi. Hai đám cưới của hai chị em cùng lúc nhưng khác nơi. Bạn bè của anh chị đến chung vui vừa đủ mấy chiếc bàn đặt trong nhà trên. Sau đó, vài ngày sau, ba tôi mới chết.

Sau 49 ngày, căn phòng của ba tôi được thay đổi hoàn toàn, sau khi đã quét vôi sạch sẽ và sáng sủa, ảnh của ba tôi đặt trên bàn thờ cạnh ảnh mẹ tôi. Chiếc ghế bố đã đốt đi ngoài nghĩa địa. Chiếc giường, ông xích lô ngày nào chở ba tôi đi trường gà, xin chị em tôi, mang về tẩy uế rồi mới sử dụng. Quần áo, giấy dép còn mới của tôi

cũng được phân phát cho người quen. Hai chị em tôi chỉ giữ lại chiếc gậy bằng gỗ gõ mà tay cầm đã lên nước bóng, ông đã dùng nường theo nó mà bước đi từng bước quanh xóm. Như một kỷ niệm.

Căn phòng của chị Muội đã vang tiếng cười đùa của cặp vợ chồng mới cưới. Sau đó, một vài năm lại có tiếng khóc của trẻ con. Tôi tưởng anh chị và các cháu sẽ ở luôn trong căn nhà này, sau khi tôi đã bỏ đi vào Sài gòn theo nghiệp làm báo. Anh Quế bị động viên vào quân đội và chuyển về Sài gòn, chị Muội xin thôi việc, mang con theo chồng. Chị Chi cũng theo chồng về thủ đô. Mấy chị em tôi lại có dịp ở chung một mái nhà, và cùng chung một cơ sở in ấn, xuất bản sách. Gia đình chị Muội bấy giờ có 5 người, hai người lớn và ba cháu nhỏ, ở một phòng nhỏ, phía dưới là nhà in. Chị Muội cũng như tôi, chị Chi, đều không biết chi rành rỗi về in offset, nhưng với năng khiếu đặc biệt và siêng năng học hỏi ở sách vở và học lóm những nơi thầy thợ tôi trở thành giám đốc và chị là kế toán. Tôi đã lập gia đình, không thích cảnh sống xô bồ, ồn ào, náo nhiệt, tôi mang vợ về thị xã bé nhỏ đó lập một nhà sách. Tôi đi đi về về, những lúc vắng mặt tôi nhờ chị thay thế. Lúc đầu chị bỏ ngỡ nhưng sau rồi cũng quen.

Được năm năm thì biến cố lịch sử năm 1975 xảy đến. Những ngày ấy tôi về thăm vợ con và mắc kẹt không vào Sài gòn được. Tưởng rằng chị, anh Quế và các cháu đều theo gia đình chị Chi và Ngân di tản ra nước ngoài. Té ra anh chị Muội vẫn ở lại. Ngôi nhà lầu bốn tầng chị Chi đã bán lại cho một người khác với giá rẻ mạt. Căn nhà sau vẫn còn bề bộn máy móc là tài sản chị Chi để

lại cho chị Muội. Cũng như tôi, sau khi dâng hiến cơ sở in ấn nhỏ cho nhà nước, và bỏ về sống ở một làng quê hẻo lánh. Anh chị sống trong nỗi lo âu, phập phồng, cứ sợ người ta gán cho cái nhãn “tư sản mại bản”, và trước sau gì cũng bị xúc đi kinh tế mới, nơi rừng sâu nước độc, như một số gia đình giàu có trước kia, giờ thành hai bàn tay trắng, lang thang nơi vỉa hè với căn bệnh sốt rét.

Theo chân đoàn quân miền Bắc tràn vào có anh Thư. Anh bỏ nhà ra đi vào chiến khu chống Pháp, khi căn nhà mẹ tôi mới cất, từ năm 1950, sau hai mươi năm cách biệt, anh em tôi mới được gặp lại nhau. Đó là việc tôi không thể ngờ được, cũng như sự ra đi biệt biệt về bên kia nửa địa cầu của chị Chi và Ngân. Một sự đánh đổi quá lớn. Anh Thư cũng mang vợ con từ Bắc vào Nam. Tôi âm thầm nhượng lại căn nhà cho anh Thư. Một tháng sau, chị Muội về thăm chúng tôi. Cả đại gia đình chúng tôi gồm dì tôi, các em cùng cha khác mẹ, anh chị Thư và vợ chồng tôi. Chị kể lại những ngày cuối cùng của chị Chi, Ngân, trước khi lên tàu thủy đi tản ra nước ngoài, cả nhà đều chờ đợi gia đình tôi vào, đợi mãi chẳng thấy tăm hơi, cứ nghĩ là tôi chọn quyết định ở lại đất nước, cũng như gia đình chị Muội. Trong lúc chọn rộn mang hành lý lên xe ra bến tàu, chị Chi để sót lại một cái xách nhỏ, mới hay có bốn lạng vàng nhét dưới đáy áo quần. Chị Muội vội mang chiếc xách, ngồi sau chiếc xe vespa của anh Quế lái, trong cảnh hỗn độn của đoàn người đổ xô về hướng phi trường, hoặc bến tàu. Gia đình chị Chi và Ngân bắt tăm. Chị Muội đành trở về với ý nghĩ đó là ý muốn của hương hồn ba mẹ khiến chị Chi để lại cho những anh em còn ở lại, sắp sống trong cảnh lầm than đói khổ. Chị Muội đưa ra bốn lạng vàng lên mặt bàn,

chị mong mọi người đều phải nhận lấy, mỗi gia đình là một lượng. Sau khi không thể từ chối được, tôi tự nhủ với lòng mình xem như tôi nợ chị ấy, không biết bao giờ mới trả nổi, không phải vì tiền mà vì tình chị đối với gia đình, người thân.

Những ngày tháng đầu tiên tất cả miền Nam còn đặt trong tình trạng quân quản, anh Quế học tập cải tạo tại phường vì anh chỉ là một hạ sĩ quan làm việc ở cơ sở quân nhu, thời gian chỉ nửa tháng. Cả hai anh chị phải kiếm sống bằng cách ngồi chợ trời bán sách cũ, loại sách truyện song ngữ anh viết do tôi xuất bản còn tồn lại. Trong đợt tịch thu "văn hóa đồi trụy", chị phải giao toàn bộ kho sách cho phường để họ mang lên nhà máy giấy nghiền nát làm giấy tái sinh. Sau đó anh chị quay sang bán chén bát, đồ kiểu, cùng những vật vật trong gia đình mà chị Chi đã để lại.

Trong chiến dịch đánh tư sản, người chủ mới mua nhà của chị Chi không có giấy tờ hợp lệ, xem như chiếm nhà bất hợp pháp, bị đưa lên kinh tế mới, còn ngôi nhà bốn tầng bị nhà nước tịch biên, làm văn phòng ủy ban phường. Trước sau gì cũng đến phiên anh chị Muội phải ra đi khi mà những máy in offset, máy xén giấy tự động, những giàn chữ chì có chủ mới đến tiếp nhận. Đã nhiều lần anh chị lên quận đốc thúc họ đến thu hồi máy móc. Quận trả lời chưa có chủ trương và cơ quan tiếp nhận là ai, nên anh chị phải lo giữ gìn không được tháo gỡ và làm hư hao. Anh chị thành kẻ gác gian.

Những lần tôi vào Sài Gòn thăm anh chị, tôi không biết an ủi, động viên anh chị ra sao khi mà những cái phi lý của thời hậu chiến xảy ra hằng ngày trong cuộc sống. Anh chị tâm sự với tôi: “Mình làm đơn hiến tất cả cơ sở

in ấn toàn máy móc tối tân, đặc tiền cho nhà nước thì tự mình xác nhận là chủ thì thuộc thành phần tư sản, mà tư sản thì phải đi kinh tế mới. Nói là mình giữ của cho kẻ bỏ nước ra đi, chẳng những máy móc cũng mất mà căn nhà làm cơ sở in ấn cũng bị tịch thu. Đằng nào cũng mất hết.” Tôi đề nghị anh chị mang ba cháu về lại sống ở căn nhà cũ ở cái thị xã nhỏ mà chúng tôi đã từng sinh ra và lớn lên. Chị hỏi: “Còn căn nhà này thì sao?” Tôi nói dứt khoát: “Bỏ nó đi. Xem như nhà vô chủ.” Chị Muội gạt đầu như đồng ý.

Chị Muội nhờ một ông cụ già, người chú của anh Quế, thế chân trông nom căn nhà, chờ nhà nước giải quyết rõ ràng, còn anh chị dọn về B. D, sau khi mua lại của một gia đình sống ở đó đã lâu, nay họ kéo nhau về quê xưa, ngoài miệt trung, sống với ruộng đồng. Tôi hỏi địa chỉ nhà mới của chị với người chú già. Ông ta trả lời mông lung nhà chị ở gần sân vận động thị xã B. D. Tôi vội đến bến xe đi cho kịp chuyến chót từ Sài Gòn về B. D. Trên xe tôi hỏi thăm những người bên cạnh và nhờ tài xế cho xuống trước sân vận động.

Trời đã xế chiều, ánh nắng đã nhạt dần, bóng tối chạng vạng đang từ từ bò đến. Bên cạnh tôi là bờ thành sân vận động, bên kia là những vườn cây chạy dài của những ngôi nhà chung cư liên kết xây từ lâu của chế độ cũ phân phối cho công chức, xây lưng phía sau về đường cái. Không thấy một ai lãng vãng quanh tôi. Tôi như một đứa trẻ nhỏ năm xưa lạc lõng ở một sân ga tàu hỏa, vừa bước đi vội vã như chạy bộ, nước mắt lưng tròng, mếu máo gọi tên chị tôi: “Chị Muội ơi! Chị ở đâu?” Suýt chút nữa tôi leo lên một toa tàu trước mặt mà không biết nó sẽ chạy về đâu. May thay, chị Muội từ phía sau ôm tôi

lại. Ngày hai chị em lên ga đón Mẹ về.

Bây giờ tôi bước đi trên con đường vắng vẻ này, mà vẫn mang cảm giác lạc lõng của ngày lạc chị thuở xưa ấy. Tôi đưa hai bàn tay che miệng mà kêu to: “Chị Muội. Chị Muội.” Chân vẫn bước tới, miệng vẫn gọi tên chị liên hồi. nghe lại tiếng mình từ xa vọng về rất nhỏ bên tai, chạy vào trong tim. Khi tôi khàn cả cổ tôi mới nhận ra đằng sau bóng cây thấp thoáng một bóng người bước ra. Từ xa tôi vẫn nhận ra dáng đi của chị. Hai chị em mừng rỡ như đã cách xa mấy mươi năm mới gặp lại.

Buổi tối, trời có trăng chiếu xuống khu vườn nhỏ quanh nhà, tôi cùng anh chị bắt ghế ngồi trước hiên nhà. Chị uống nước trà, còn tôi và anh Quế nhấm nhai một chút rượu đế mà anh nhờ thằng con trai mua lén một nhà nấu rượu lậu ở cuối xóm, với vài trái điều cắt lát mỏng. Sau những lời thốt ra tôi vẫn thấy anh chị còn mang những lo âu, sợ sệt về những ngày sắp đến mà chế độ này sẽ mang đến cho gia đình anh chị. Tôi cứ khuyên mãi: “Người ta sống được thì mình sống được, rồi mọi chuyện phiền toái sẽ qua đi. Cái gì cũng có một thời mà thôi.” Anh nói anh cũng nghĩ như thế nhưng anh không chưa thoát ra được để mà sống thoải mái như tôi. Chấp nhận cuộc đời dù vui dù buồn, dù đau khổ hay hạnh phúc. Tất cả tôi đều cảm ơn đời.

Mỗi lần có dịp vào Sài Gòn, tôi đều ghé xuống thăm anh chị, ở chơi một hai hôm. Vợ tôi vẫn thường kho một xoong cá nục bông món anh chị rất thích, bắt tôi phải mang vào cho anh chị, cùng một ít gạo lúa mới mà chúng tôi làm ruộng gặt xong. Chị Muội ngạc nhiên trước sự thích nghi với hoàn cảnh của vợ chồng tôi. Từ một cô nữ sinh, mới lớn lấy chồng sinh con, suốt ngày ngồi trông

nom nhà sách ngày nào giờ ra đồng làm ruộng. Ngồi vườn ở một vùng ngoại ô mà vợ chồng tôi mới mua không lớn lắm chỉ đủ để chúng tôi trồng rau để hằng ngày vợ tôi phải cắt ra chợ bán. Còn tôi vào làm trong ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp, suốt ngày với những con số ăn chia công điểm, nhập lúa, phát lúa cho bà con. Chúng tôi vui vẻ và chấp nhận sống không nghĩ gì hay luyến tiếc những gì đã mất do cuộc chính kiến lịch sử năm 1975 mang đến. Mặc dù anh Thư đã phê bình tôi sống dưới chế độ này mà vẫn còn mang tính chất tiểu tư sản. Sáng dậy sớm uống cà phê, hút thuốc lá và nghe nhạc không lời, những bản giao hưởng của Beethoven, Mozart. Tối thức khuya đọc sách, đọc truyện. Thỉnh thoảng tôi cũng làm thơ, viết văn. Không có bạn bè đến chơi, thì hai vợ chồng tôi, ngồi xếp bằng trước thêm nhà mà nhâm nhi một ít rượu đế, nhấm nháp một miếng soài chua hái vội nơi cây soài ở gốc vườn. Lúc ấy, chúng tôi chỉ nói những chuyện vui xảy ra hằng ngày ở ngoài đồng ruộng mà vợ tôi đã phải chứng kiến, hoặc những chuyện khôi hài mà tôi đã gặp khi tiếp xúc với xã viên. Tuyệt đối chúng tôi không nhắc đến những chuyện đau buồn khác mà mình đã gặp phải, cũng xảy ra hằng ngày nơi đồng ruộng, trong xóm làng.

Những ngày có tôi ở lại, gia đình chị Muội sống trong không khí vui tươi hẳn lên. Tôi góp ý chị nên xây chuồng chắc chắn, nền tráng xi măng để nuôi heo. Chị kinh ngạc khi tôi cho chị biết vợ tôi còn nuôi heo nái mà còn đỡ để cho nó nữa. Nhà tôi không thiếu gì sách báo về nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi nên xem đó mà chúng tôi mạnh dạn nuôi thêm thỏ, gà, vịt, chim bồ câu. Chị Muội nghe theo và gặt đầu đồng ý. Tôi nói với anh Quế: “Tạo

cho mình luôn luôn có việc để làm để bớt đi những suy nghĩ viễn vong cũng là một điều hay.”

Những lần sau đó tôi mang cả vợ tôi về thăm chị. Nhìn vẻ mặt hồn nhiên trong sáng của vợ tôi, chị không thể tưởng tượng nổi người đàn bà trẻ tuổi này đã ba đứa con nhỏ, suốt ngày dầm mưa giải nắng ngoài đồng ruộng, công việc vất vả mà chúng tôi phải gánh chịu, tảo tần nuôi chồng con. Chị bảo nghe tôi kể việc đồng áng chị hình dung ra vợ tôi sẽ là một người đàn bà già trước tuổi, đen đúa, và buồn phiền với cảnh đời khổ cực mà không bao giờ mình nghĩ đến đổ lên đầu mình, nếu không có cuộc biến cố lịch sử này.

Sau khi vợ chồng tôi cùng anh chị dạo quanh một vòng khu vườn nhà chị. Chúng tôi đều lắc đầu vì những vườn cây ăn trái đã hóa lão. Những cây mít cần cỗi, trái nhỏ mà cơm mỏng và nhạt nhẽo. Hầu hết trong vườn trồng những hàng điều mà trái và hạt lúc bấy giờ không biết để làm gì ngoài việc lật hạt phơi khô rồi rang lên ăn bùi bùi như hạt đậu phộng. Nơi chị Muội ở là một gò cao nên nước non rất khó khăn, nhìn xuống mặt nước giếng nhà chị mà thấy chóiáng váng mặt mày, giếng sâu vòi vọi, thông dây dài cả mấy chục thước mới kéo lên được một gầu nước trong. Tôi đề nghị anh chị gắn một máy bơm mà tôi vẫn thấy bán ở chợ trời Sài Gòn để có nước mà xài thoải mái hơn. Nhà tôi ở cạnh con mương nước chảy suốt, tôi vẫn dùng máy bơm để đem nước lên tưới tiêu trong vườn, và rửa ráy tắm mát cho đàn heo mau lớn. Chị Muội nói chị có nghĩ như thế và bàn với anh Quế nhưng anh ấy lắc đầu sợ làm như thế người ta cho mình là “tư bản”. Chị buồn là không thể nào kéo anh Quế ra những ám ảnh cái mà mình không có để người ta

phải gán nhãn cho mình. Anh cho hay tuần vừa qua, anh lên Sài Gòn có ghé thăm căn nhà cũ mới hay người chú họ đã chết. Mấy ngày sau người ta mới phát hiện khi mùi hôi nồng nặc phát ra từ căn nhà đã khóa kín cửa. Người ta gọi tên ông ấy nhưng không có tiếng trả lời. Họ phải phá tung cửa vào nhà mới hay đòi bộ đã đục khoét thân xác ông rồi. Không ai biết anh chị ở đâu mà báo tin. Căn nhà đã bị nhà nước tịch biên. Anh sợ mình sẽ liên lụy là kẻ chạy chính sách.

Những ngày đầu năm 1979, niềm Nam phải đưa quân qua Campuchia, và miền Bắc phải lo đào hầm tránh nạn pháo kích của Trung quốc. Không khí chiến tranh lại chập chờn. Nỗi ám ảnh của một cuộc chiến mới sắp đổ lên đầu người dân chúng tôi. Còn cuộc sống hằng ngày thì cơ cực lắm than, tiêu chuẩn lương thực mỗi người dân chín ký, 3 phần gạo mốc 7 phần lúa mì hoặc bắp ngô đỏ, hoặc lát khoai sắn. Nhìn cảnh con cái chị neho nhóc, mỗi lần hai cháu, đưa lên mười, đưa mới tám tuổi phải xách ấm nước trà nóng cùng cái ly nhựa ra sân vận động rao bán cho khách xem bóng đá. Người thiếu ăn hưởng chi là gà heo. Giống heo công nghiệp to lớn cũng phải ăn ít cám độn nhiều những quả mít luộc lẫn cả hạt, chị Muội muốn bán heo đi, kêu cửa hàng nông sản, hợp đồng bên cung cấp cám chăn nuôi, bên chị phải bán lại thịt heo hơi, nhưng họ cứ hẹn mãi chưa chịu mua, còn bán cho đầu nậu bên ngoài thì anh Quế sợ. Càng lúc nỗi lo âu sợ hãi càng tăng lên trong lòng anh chị ấy. Tôi nói với chị Muội với suy nghĩ rất thật của tôi: “Sao chị không báo với chị Chi để giúp đỡ chị vượt biên” Chị nắm tay tôi, hỏi lại: “Em nói thật không?” Tôi gật đầu. Bấy giờ chị mới thổ lộ là chị mới được tin chị Chi lo cho gia

đình chị vượt biên. Tôi khuyên bất cứ giá nào gia đình anh chị cũng cùng đi chung với nhau cùng một chuyến tàu. Chị rơm rớm nước mắt như sắp chia tay với tôi, không biết bao giờ mới gặp lại nhau.

Trước khi bỏ nước ra đi – mà không biết ngày giờ cùng địa điểm – tôi cùng chị đến rủ anh Thư cùng nhau về thăm quê nhà. Anh hỏi lý do. Chị bảo nhớ mồ nhớ mả cha mẹ thì về, thế thôi.

Dù chưa tới ngày giỗ của ba mẹ tôi, cả hai tháng nữa, nhưng chị Muội đã làm mâm cơm chưng lên bàn thờ ba mẹ tôi trước sự ngạc nhiên của anh Thư. Thắp nén nhang vái lạy trước hình ba mẹ tôi mà nước mắt chị Muội chảy dài. Tôi biết chị đang mang những hình ảnh chụp ba mẹ tôi vào tâm khảm chị để khi ra đi đến một chân trời mới với bao nhiêu gian truân trắc trở, bên cạnh chị như có cha có mẹ an ủi, vỗ về chị.

Buổi chiều hôm ấy, hai chị em lén ra thăm mộ ba mẹ tôi. Con đường hai bên vẫn là những cánh đồng thơm mùi lúa chín. Gió thổi lồng lộng. Như những ngày còn trẻ, hai chị em thường chở nhau ra thăm mộ ba má, ngồi trên thành khuôn viên mộ xây bằng đá cẩm thạch láng mát, hai chị em nhai những trái bắp vừa mua ở nương rẫy trong khoảng đất còn trống của nghĩa trang và nhờ chú tiểu trong chùa lượt hộ. Bấy giờ mồ mã chung quanh nhiều hơn, cỏ mọc um tùm trên những ngôi mộ xưa. Chị Muội lấy khăn tay ra lau tấm ảnh ba mẹ tôi gắn chặt trên tấm bia. Và chị cúi xuống hôn lên đó. Những giọt nước mắt nhỏ lên tấm hình lạnh ngắt. Tôi nhìn cảnh tượng đó như chụp một bức ảnh để mỗi lần tôi nhớ đến chị tôi không thể nào quên tình yêu mà chị đã dành cho cha mẹ mình. Suốt tuổi thanh xuân chị đã gắn liền với

những căn bệnh nan y của cha lẫn mẹ tôi, chị chăm sóc cha mẹ mình cho đến ngày cha mẹ tôi xuôi tay nhắm mắt. Đốt cả bó nhang, cắm lên những ngôi mộ chung quanh. Và chị dẫn tôi đi thăm những ngôi mộ khác của bà con dòng họ chôn cất cùng một khuôn viên. Đến mộ chị Khuê, không có ai là con cháu sau này tìm đến mà nhan nhón, thôi đành gởi gắm cho bà con xa.

*

Bàn tay ai nặng nề bộp chộp lấy tay tôi làm tôi đau điếng, kéo tôi về hiện tại. Tôi hứa với vợ chồng Trí là tôi sẽ dẫn họ về thị xã bé nhỏ đó để cháu nội của bà Khuê biết nơi an nghỉ của nội mình mà đã hơn nửa thế kỷ, để thực hiện lời trối của cha Trí là sẽ mang hài cốt nội mình về chôn gần mồ mã người con trai độc nhất là cha của Trí ở Bình Tuy.

Bỗng nhiên tôi thốt lên như nói với ai đó, từ một cõi xa xăm:

- Trong dòng họ, ai cũng có một nắm mồ khi chết đi. Riêng chị thì không? Biển cả bao la đã lấp đi thân xác chị trong một lần vượt biên.

Cuối tháng 8, năm 2004

HẠC THÀNH HOA

Như Hai Sợi Khói

Ngày đó có em và tôi
Như hai sợi khói giữa trời gặp nhau
Bất ngờ trận gió từ đâu
Tưởng hai sợi khói lìa nhau suốt đời

Bây giờ em lại cùng tôi
Vẫn hai sợi khói giữa trời gặp nhau
Biết còn gần được bao lâu
Chỉ lo cơn gió từ đâu vô tình.

HOÀNG XUÂN SƠN

Tặng bạn tuổi ngựa

Gõgõgõgõgõ . đau
móng sai gõ xuống thành sấu . nhịp đi
bạn ơi
tuổi ngựa rừ rì
dây cương đã đứt
từ khi lọt lòng
đường đời không thẳng
mà cong
ngọn roi hiểm hóc
mòng mòng trực quay
thổ ngời
hồn mộ an bày
cọccạhcọccạh
sương gây dậm khuya
đi đâu ?
về đâu ?
người kia !
chia ta bóng ngựa lẫm lì
chiếc thân
rịt con mắt
kín
phù trầm
gõgõgõgõ
trầm ngâm
cuộc người
máng sấu
đổ hạt buồn rơi

gõgõgõgõ
ngựa-người
mưa
chan .

mai . 2004

SỬ MẶC

Thả đùa giọng bậu

mưa đằng tây nhớ đằng đông
bậu ơi nhớ lắm
cơn giông sái mùa
mình . rồi mình cũng sọc dưa
hết trơn, lộn lạo một vừa nhớ thương
bỏ lên non cũng kiệt đường
lui về kinh rạch
cái xuống nằm trây
thôi mình ra biển nhóng bầy
bậu ơi bậu hỡi
về đây với người
“bậu mỗng đánh”
bậu ?
không cười ?!
mà bậu có biết cho lời trớ trêu ?

sáu không bốn

NGUYỄN ƯỚC

Còn nợ một thời

CHUYỆN XẢY RA TRONG KHOẢNG TỪ BA mươi và ba mươi lăm năm trước. Thời đó, chúng tôi quen nhau thật dễ, quyến vào nhau thật say. Như được thảo chương từ một căn duyên định sẵn. Như được đưa đẩy qua một cơ hội bất chợt nào đó. Rồi như gió cuốn mây, ngày tiếp đêm, giọng chim hòa đàn nhiều bè quăn quít nhau theo một bản hợp ca rôm rả mà đều nhịp điệu. Trong cuộc chơi chữ nghĩa thênh thang, tình trai phơi phơi và tuổi xuân hồn nhiên, chúng tôi tìm tới nhau sau từng con chữ xôn xao và tươi nguyên, vài ba câu thơ có chút gì ngẫu hứng của sáng tạo hoặc những dòng chữ gờn gợn đôi chút trần trở về thân phận làm người sống sót trong thời chiến.

Tôi không còn nhớ chính xác năm nào bạn cùng tôi vốn vĩa siết chặt tay nhau. Thuở đó, mỗi người chúng ta chỉ mới có đôi bài thơ, vài truyện ngắn đăng trên mấy tạp chí văn nghệ mà hơn ba chục năm sau, đêm nay nhắm mắt lại, tôi vẫn hình dung rõ nét hình thức, loại con chữ, cỡ chữ của từng tờ báo. Và tôi vẫn nhớ mồn một bài nào của mình đã đăng ở tạp chí nào, chữ chạy đầu đề nghiêng hay thẳng và chữ trong bài tròn hay lép; đôi khi có hình minh họa nguệch ngoạc ra sao. Mỗi bài là lời lời chúc mừng cường điệu của bè bạn, lớp lớp xúc động thấm thía cho mình, vì việc có bài đăng bài trên một trong các tờ báo ấy được coi như nhận thêm một tín hiệu

thành quả và dấu hiệu khích lệ để mình ngày càng tự tin, tiếp tục đàn đúm nhau, đua đòi nhau làm văn chương nghệ thuật!

Tờ Văn “ham đọc, hiểu học, ưa suy nghĩ” khổ gọn nhẹ với người tổng thư ký toà soạn chăm chỉ, tỉ mỉ đánh máy chữ Olympia hết lá thư này tới lá thư khác, ân cần trả lời cho từng bạn văn nào có bài đăng trên Văn, dù chỉ mới lần đầu. Thời Tập nhỏ hơn, cầm lên vừa đủ một bàn tay nhưng tầm cao nghệ thuật của nó bay bổng như cánh chim từ bàn tay ấy vỗ cánh tung trời. Bách Khoa hình thức khô cứng, khuôn chữ đạo mạo, mỗi trang hai cột, tự nó biểu lộ đầy bản lĩnh và đủ nghiêm túc để bảo kê giá trị cho những người viết văn và làm thơ từ nó xuất thân. Khởi Hành lớn như một tờ lá cải, mực in chỗ đậm chỗ nhạt; cầm tờ báo phải trương rộng bằng cả hai tay. Nghệ Thuật khổ nhỏ hơn một chút, bìa thường là một bức tranh in offset bốn màu, dàn trang công phu, mỗi trang bốn cột, bài vở đa dạng, văn phong mới mẻ. Và Vấn Đề nghiêm trang, Tập San Văn Chương thử nghiệm, v.v.

Nhưng có lẽ tờ báo mà hồi ức về nó khơi động trong tôi nhiều cảm xúc nhất là Ý Thức, đặc biệt trong giai đoạn đầu. Từng trang giấy màu vàng nhạt với cỡ chữ nhỏ nhắn, ép vào nhau, theo kiểu chữ Times ngày nay. Trần Hữu Ngũ và hình như có cả Lê Ký Thương, Lữ Quỳnh (?), đánh máy cẩn trọng trên giấy stencils, đếm từng nét chữ, tính toán khoảng cách để dồn hoặc rải sao cho lề bên phải thẳng một đường dọc. Sau đó, hai anh đem quây ronéo, rồi đóng thật ngay, xén thật ngọt, làm thành khổ báo như tờ **Thư Quán Bản Thảo**, hoặc tờ **Ý Thức**

Bản Thảo ngày nay. Cầm trên tay, có cảm giác tờ báo gọn gàng, mượt mà, thơm thơm mùi mực ronéo. Chỗ nào có chút lem luốc lại hình như càng thơm hơn, có lẽ nhờ tẩm thêm mùi mồ hôi tay của bè bạn. Thuở ấy, lần dở từng trang, mắt thường tự động tìm tên mình trước, rồi mới tới tên của từng bằng hữu, và rưng rưng! Lòng rộn ràng khi đắc chí với những câu thơ, đoạn văn cô đọng nổi niêm của cả một thế hệ. Ý Thức quây tay thuở Phan Rang đầy tâm huyết, mộc mạc và nghèo khó của anh em thời “khởi nghiệp”. Ý Thức sau đó in offset ở cuối đường Phan Thanh Giản Sài Gòn là bông hoa vươn hẳn lên khỏi vườn hoang sơ dân giả, được Nguyên Minh cùng Thái Ngọc San khổ công tỉa lá ươm cành. Anh em ra sức xây đắp cho mình một mảnh đất riêng biệt, như một hình thức phản bác và vươn lên khỏi lối liệt kê trích thượng là “những người viết mới”. Và quả thật, khi nên trời chẳng phụ lòng người. Có lẽ vì thời gian và tuổi đời, anh em chưa thành tựu được tác phẩm lớn nhưng đã phô bày được bản sắc riêng, với những bài văn câu thơ nội dung đầy thao thức, những diễn đạt mới mẻ về hình thức. Văn chương của anh em Ý Thức không quá trau chuốt đóm đáng như “văn chương ngoài đèo Hải Vân” và không quá dung dị, mộc mạc như văn chương “trong đèo miệt vườn”! Và nói một cách giản lược và khái quát thì các bài thơ và truyện ngắn của các tác giả trẻ trên các báo ở trong nước hiện nay vẫn chưa vượt quá thời Ý Thức gần ba mươi lăm năm trước. Tuy thế, thú thật, cho tới nay, tôi vẫn thú vị và mơ màng với tờ Ý Thức Phan Rang; lòng vẫn rộn ràng khi nhớ những trang giấy thơm hương sáp stencils đó, vì qua giai đoạn hai, Ý Thức Sài Gòn như người đẹp trong thơ Nguyễn Bính từ cô gái chân quê của

Tâm Hồn Tôi, đã theo bước hoặc lỡ bước sang ngang,
lên chốn kinh kỳ của Một Nghìn Cửa Sổ.

Thuở ấy. Những năm cuối thập niên sáu mươi. Đã là
nòi tình thì ưa gặp người đồng điệu. Nhờ cái bút hiệu
của mình xuất hiện thấp thoáng đôi ba lần trên những tờ
báo vừa kể, bạn và tôi trở thành kẻ tập tễnh bước vào
làng văn chương, thành anh em chung một nhà nghệ
thuật từ lúc nào mà chỉ có trời cao đất thấp mới biết
hoặc những bát tiên thất hiền nào đó mới hay.

Chúng ta hầu hết là dân dạy học hoặc lính tráng cấp bậc
tầm tầm, tú tài lỡ vận hoặc đang chờ một kỳ thi tuyển
vào đại học chuyên ngành nào đó. Rồi tới một ngày
khăn gói lại và gió đưa đi, trong dịp phép thường niên
hoặc mấy tháng hè, bạn nổi máu lang thang “giang hồ
phiêu bạt”, hoặc nhân một chuyến coi thi chấm thi trở
về, bạn muốn gặp “anh em, kẻ chung nhà, cùng làng.”
Hoặc bụi đời đôi ba tháng trước ngày trình diện nhập
ngũ hay trước khi đưa đời mình vào ngăn nắp vì không
còn chịu nổi tiếng eo sèo của bố mẹ. Thế thì cứ nhấn
nhe một câu hoặc chỉ cần ới lên một tiếng là có nhau
ngay.

Trời vừa dịu nắng chiều hay sắp nhá nhem tối. Bạn vừa
thò một chân xuống bên vũng nước trong bến xe là có
một “người anh em văn đã kỳ thanh nhưng chưa hề kiến
kỳ hình” đang nhóng cổ đợi sẵn, tay xoè ra khỏi túi
quần, vừa nghe bạn nhanh nhẩu đáp mình đúng là “cái
gã ấy” thì vội vàng một tay túm tay bạn, một tay giành
túi xách. Và thành linh gã lãng tử thấy mình là thượng

khách trong vòng tay ấm áp của “quần hùng” cảnh giới văn chương. Kế đó, suốt mấy ngày dừng chân trên chốn thị thành xa lạ ấy, bạn được tiếp đãi ân cần. Biết thêm nhiều đôi mắt đẹp để lạm dụng tình ý mà làm thơ, và quen thêm nhiều bằng hữu để làm chứng cho câu nói bốn biển đều là anh em! Và nhất là, ngoài mẹ mình ra, chưa ai săn sóc mình tới nơi tới chốn như thế! Sáng cà phê đen hủ tiếu bún bò hay mì quảng, trưa cơm sườn, cà ri gà hay thịt heo luộc tôm chua, chiều vừa nhấp ngụm cà phê đá vừa thả hồn xuôi ngọn gió đang vờn con nắng quái hay để đuôi mắt vuốt theo các tà áo nữ sinh vừa tan buổi học.

Và đặc biệt buổi tối: thi ca văn nghệ. Những anh em tuy dầm dề hơi rượu trong thơ trong văn nhưng thực tế ngoài đời chỉ mới vừa năm mươi phần trăm ly xây chừng rượu để pha xá xị, uống chưa cạn một chai “băm ba” hay bia con cộp có sơn hình mấy trái thơm hay hai nhánh hoa hốt-bố, mà đã đỏ gay như mặt trời mọc ngay trên mép bàn tiệc. Những ông chồng trẻ tuổi đầu hót với anh em, lia chia như như bắp rang, nổ rền như pháo với lân, trong khi các bà vợ, phần nhiều là cô giáo hiền lành, âu yếm nhìn chồng và hình như hơi cười mỉm miệng khi ông chồng ra dáng người thơ phong vận. Dù sao đi nữa, trong đáy lòng thực nữ, các bà sung sướng có chồng là văn nhân, và các bà thật lòng quý trọng bạn chồng như anh em một nhà, dù có khi vẫn vợ tự hỏi chẳng biết mai kia một nọ “đấng hảo hán thiên tài kia” có làm đẹp nổi văn chương không hay mãi miết như hôm qua và hôm nay, chỉ đưa thêm hương cho đời mình trong chất bóp lặn丹田 của vợ và cuối cùng, đành lòng truyền giấc mơ

màng chữ nghĩa cho con cái.

Đêm về khuya đọc thơ càng sướng. Thơ anh thơ em, thơ ông thơ tôi. Thơ tình yêu, thơ thân phận, thơ quê hương. Hết thơ chúng ta tới thơ chúng sanh. Hình như thơ chúng sanh quanh quẩn chỉ ba bài hành mà nơi nào cũng có người ngâm lên nghe rất động tim và đã tai. Hơi men càng ngà ngà thì giọng ngâm càng sang sảng. Đầu la đà muốn gục mà mắt lại trợn trừng, quắc lên theo từng vận ép. Hồ Trường của Nguyễn Bá Trắc. Hành Phương Nam của Nguyễn Bính. Và Tống Biệt Hành của Thâm Tâm. Đưa người ta không đưa sang sông vì người sang bên ấy sao mà lạnh còn ta ở lại bên này thì trời nam mù mịt có người quá chén như điên như cuồng.

Gần bốn mươi năm sau, tôi vẫn lại gặp lại mấy khuôn mặt đồng dạng và đáng yêu thuở nào, dù ở hải ngoại hoặc đôi ba lần về quê thăm nhà. Bên chiếu rượu, cũng vẫn ánh mắt ngênh ngang “hùng tráng” ấy và cái đầu la đà “men rượu” đó, và cũng vẫn những câu thơ ngây ngất hào khí thuở nào. Tuy tóc xanh ngày ấy đêm nay nhiều sợi hoe vàng vì nắng gió, hoặc lốm đốm bạc vì thời gian nhưng máu vẫn đỏ nên mấy câu thơ đọc vận chan chứa nhiệt huyết và chất ngất khinh bạc thuở thanh xuân ấy vẫn còn nguyên cái quyến rũ đắm say và huyền bí của chúng. Vì bạn ạ, phải chăng ba bài hành độc địa ấy mãi mãi vận vào mệnh người, để nay đã mấy chục năm trời, sống sót sau ba chìm bảy nổi tám chín lênh đênh, lòng mỗi người vẫn triền miên hiu hắt cái men say trắng chí để xốn xang ngậm ngùi một đời quần bách: nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết, lòng ta ta hay, nam nhi sự

nghiệp như hồ thủy, hà tất cùng sâu đối cỏ cây?

Cuộc rượu tàn, ngày vui chưa dứt nhưng rạng sáng mai phải lên đường vì không muốn khuấy động thêm cuộc sống tĩnh lý của bạn hiền; chân phải theo bánh xe lăn vì đã lỡ hò hẹn “giang hồ điểm cỏ cầu sương” nơi phương trời kế cận. Tam Kỳ vào Quảng Ngãi. Tuy Hoà vượt đèo Cả tới Nha Trang. Vĩnh Long xuống Cần Thơ sang Rạch Giá. Tờ mờ sáng, đánh thức bạn dậy và bịn rịn bảo bạn cứ yên tâm lên đường. Hầu hết quần hào văn chương trong thị trấn đều có mặt ở bến xe đưa tiễn một người đi. Người đi ừ nhĩ người đi thực! Vé xe đò đã có quần hào mua sẵn. Lại dặn dò tài xế để cho ông bạn quý của chúng tôi ngồi ghế tiện lợi nhất. Và thông thường, quần hào đã âm thầm tom góp nhau rồi kín đáo nhét vào túi quần sau của bạn chút tiền còm lộ phí.

Vẫy tay vẫy tay chào nhau. Nhưng xa mặt mà gần lòng vì thỉnh thoảng vẫn gặp nhau trên cùng một tờ báo, và hẹn hò nhau một lần tao ngộ nào đó. Dặn dò nhau. Nhớ nhé, cứ tới thị trấn tôi ở sẽ được lo liệu chu đáo, và bao giờ cũng thế, ân cần đón nhau chiều bến xe này và rồi đưa nhau sáng bến xe kia. Những lần ngao du thuở chiến tranh mịt mù ấy tạo thành một thời thơ mộng lãng đãng, xây dựng tình thân, giúp nhau trong việc lớn lên và viết văn, gây thành một món nợ bằng hữu lẫn văn chương. Chắc bạn cũng đồng ý với tôi rằng đó là thời của nhân duyên mà nghiệp quả của nó cho tới nay, dù muốn trả bằng cả một đời vẫn thấy mình chưa trọn tình, chưa đủ tài và chưa hết sức. Bạn ạ, món nợ đó có lẽ suốt đời này tôi không trả nổi vì cuộc chơi văn chương

ấy tới hết mùa xuân 1975 là bần bật lịm thiếp. Hai mươi năm sau, tới khi gượng cầm bút trở lại thì hơi ới, thanh xuân đã hết, tinh lực hao hụt. Năng khiếu văn chương chỉ là cái giúp lên đường còn muốn tiếp tục để thật sự có tác phẩm thì phải có hoàn cảnh thuận tiện cho một đời gian nan học hành, tu tập, sống tận cùng cảm giác, đào thật sâu tư duy và tích lũy dồi dào năng lượng. Đàn văn chương vỡ vụn và khách văn chương thương vong bởi những kẻ coi chính trị là thống soái!

Xe quành bánh ra bến, mắt bạn nhìn lui đếm không hết bao nhiêu bàn tay đưa lên vẫy. Không biết trong đó có bàn tay nào rứt rề rề ngang cọng tóc dài hình như đang vương vướng đôi mắt lá rậm. Còn bạn, chỉ ngâm ngùi mấy sát na thôi rồi nhìn thẳng tới đằng trước. Trẻ người non dạ. Hít vào một hơi thật sâu. Thở ra một tràng thật chậm. Con đường Quốc lộ Một sáng lên theo ánh ngày. Dải Trường Sơn từ từ rõ bóng. Những tảng đá ngàn năm bên đường lùi dần theo vết bánh xe, như một thứ hôm qua bóng tối phải nhường chỗ cho ngày mai ánh sáng. Các rặng dừa ven đường dần phô mái tóc mượt mà trong gió sớm, như vờn múa theo nhịp sóng biển từ mé dưới bên kia đường vọng lên. Đâu đó có nụ hoa dại vừa hé còn đọng chút sương mai. Và đâu đó cuối chặng đường kia, có bàn tay bằng hữu, có con mắt thực nữ. Cùng với gió sớm thổi vào lòng xe, lòng bạn hồn nhiên trở lại, phơi phổi theo những hò hẹn mới, những tao ngộ mới.

Có thể nơi dừng chân sắp tới là Tuy Hoà với Trần Huệ Ân, Mang Viên Long, Khánh Linh, v.v. Hay lên Đà Lạt với Trần Hữu Lục, Diệu Thủ Nguyễn văn Thòa, Đoàn

Đại Oanh, v.v. Cũng có thể nơi dừng chân sắp tới là Qui Nhơn, một phương hải tần vì xa khuất quốc lộ. Nơi thành phố biển đó có trường Sư Phạm, qui tụ nhiều “đấng thiên tài” văn, thơ, nhạc, họa, và trước lạ sau quen, ai cũng “bè bạn cả”. Dãy lầu ba tầng nội trú huyền ảo trong khuôn viên trường ấy cũng là một ngự uyển nhan sắc của miền Trung, “em gái của các bạn tôi đấy”.

Qui Nhơn là nơi dừng chân gần như bắt buộc, một đôi tuần một đôi tháng hoặc ít ra là một lần trong đời, của những người bạn văn chương miền trung có chút máu mê giang hồ vật. Qui Nhơn cũng là địa danh không thể thiếu trong bộ sưu tập của những gã con trai nặng tính di truyền của dân tộc, rời đất miền Trung xuôi nam lập nghiệp.

Trong cuộc đời tuổi trẻ lang thang của mình, tôi không tránh khỏi “lộ trình định mệnh” đó. Và tạ ơn trời, tôi đã may mắn ghé lại chốn góc biển ấy tới hai lần. Sống lang thang ở đường Hàn Thuyên rồi Khu Hai. Dạy luyện thi để “giải trí bằng cơm” với anh Hai và Ngô Nguyên Phi. Sáng ngồi Ghềnh Ráng nhìn ánh mặt trời rực rỡ, biển ngàn vạn phiến đá sần sùi thành hổ phách lộng lẫy. Chiều tắm biển Qui Nhơn lâng lâng theo sóng nước hiền hoà. Tối cùng bạn bè vừa đi vừa hát từng bước từng bước thềm trên những con đường đèn mật mù, vắng bóng các lính Mỹ, Đại Hàn và các nương tử nhím. Đêm nào trăng sáng, từ Khu Sáu cùng Oanh mơ màng nhìn lên Suối Tiên trong tiếng tiêu diu đặt của Mâu. Rời Qui Nhơn tôi mang theo giấc mơ văn chương cùng âm vang

bài Biển Nhớ trong đậm đà ân tình bằng hữu đêm chia tay. Rồi với thời gian hồ vật nhiều nhân duyên và nặng nghiệp quả khắp các tỉnh ấy, tôi lê chân một đời từ xứ mình nhiệt đới tới xứ người tuyết trắng. Hẹn bạn một dịp nào đó, trên những trang giấy bùi ngùi khác, tôi sẽ cùng bạn về lại “thành phố giang hồ ấy”, với những con đường kỷ niệm và khuôn mặt, nhân dáng của những người quen của bạn của tôi.

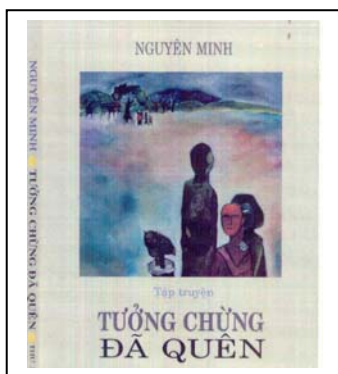
Toronto – Canada

27.7.2004

PHẠM VĂN NHÀN

Độc: Tưởng Chừng Đã Quên của Nguyên Minh

(Thư Ấn Quán in & tái bản- Hoa Kỳ 2004)



TRẦN HOÀI THƯ VIẾT “LỜI MỞ” CHO TẬP truyện :
Màu Thời Gian của tôi. Anh viết: “....*được đọc một tác phẩm của một tác giả mà mình yêu mến là một niềm vui. Càng vui mừng hơn nữa khi tác giả ấy là một người cùng một thế hệ, cùng một lứa tuổi, trên vai mang cùng chung những thăng trầm của lịch sử...*”. Đoạn văn ngắn mà anh Trần Hoài Thư viết trên có gì là “quá đáng” không, khi anh viết về tôi? Tôi nghĩ không. Không quá đáng hay là “cường điệu” gì cả trong câu viết ấy. Tôi nghĩ: anh đã trải lòng mình trên những trang giấy để viết “Lời Mở” cho tập truyện của một người bạn. Và, hôm nay, tôi cũng trải lòng mình khi đọc xong một tác phẩm của người bạn cũ.

Đọc tác phẩm của Nguyên Minh để thấy có tôi trong đó; mà đã bao năm lắm rồi sống, trong nước cũng như ngoài nước, tôi cứ nghĩ: Tưởng Chẳng Đã Quên.

Vâng! Nhìn lại thời gian trước 1975, trong quãng đời quân ngũ rày đây mai đó của tôi. Tôi không gặp lại anh: kể từ khi anh rời khỏi khu phố cổ ngấn và đầy bóng râm trên con đường Nguyễn Thái Học, Phan Rang - ngôi nhà mang số 11 ấy- để vào Sài Gòn lo cho nhà in và tiếp tục làm tờ Ý Thức. Và trước đó một năm, tôi cũng rời khỏi nơi đóng quân ở Tháp Chàm, hình như vào 1970 thì phải? Ngay cả những bạn bè lúc ấy, tôi cũng không gặp lại kể từ năm ấy. Ai nhỉ?: Trần Hoài Thư, Lê Ký Thương, Võ Tấn Khanh, Ngự Hữu, Chu Trầm Nguyên Minh, Tô Đình Sự...Cũng vì bao nỗi thăng trầm của lịch sử... nói to lớn cho vui vậy thôi, chứ thật ra, ở lính thì sai đâu đi đó. Cũng vì sai đâu đi đó, mà bạn bè khó gặp lại...Nghe đâu, Trần Hoài Thư đổi vào Nam, thỉnh thoảng có “dù ” về Sài Gòn gặp anh nơi tòa soạn Ý Thức. Và, cũng từ chỗ này, Thư còn gặp nhiều anh em khác nữa. Còn tôi thì biệt tăm cá nạch.

Để rồi, vào tháng tư năm 1975, bạn bè lại mỗi người mỗi ngã, tan tác. Gặp nhau rất khó. Đúng quá, Minh ạ!. Tưởng Chẳng Đã Quên. Bốn chữ này tôi phải viết hoa và đồ lại cho đậm nét. Vâng! Với tôi, tôi tưởng tôi quên hết rồi. Ngay như vào cuối năm 1982 được lệnh cho về trong nổi cơ hàn của một “ bần sĩ ” chánh hiệu . Ngôi bên lề quốc lộ 1, thành phố Tuy Hòa để đón chuyến xe đò xuôi Nam tìm lại vợ con. Hôm ấy, lòng buồn não nuột. Tuy Hòa cũng có những người bạn một thời trăn

quý. Ngồi giữa lòng thành phố Tuy Hòa nhưng nghe sao như rất xa với bạn bè, anh em. Nào: Nguyễn Lê Uyên , Mang Viên Long, Phạm Ngọc Lữ , Phạm Cao Hoàng và anh Trần Huyền Ân...không biết có còn ở nơi đây không. Hay trở về quê cũ? Nhớ như in trong trí nhớ, gần trong khu não bộ, mà sao thấy xa quá. Như NLU, tôi cứ ngỡ bạn ta còn đứng nơi bụi giăng ở đầu miệt sông nước Hậu Giang. Nào ngờ bạn ta cũng đã trở về cày sâu cuốc bẫm nơi quê nhà Phú Yên. Phải chi biết được NLU ở đó, chắc ngày về của tôi cũng “ râm rang ” chuyện trò suốt đêm với vài ba ly rượu đế.

Để rồi, với thời còn bao cấp, đi đứng khó khăn của một người trở về từ một nơi chẳng được “ lành lặn ” cho mấy ấy. Đành vậy: Tưởng chừng đã quên. Ấy thế mà hôm nay, chính anh (Nguyễn Minh) đã đưa tôi về với bạn bè, với những địa danh nơi tôi đã đi qua, đã một thời “ lẫn lộn ”. Tập truyện ngắn Tưởng Chừng Đã Quên của anh, anh viết cho anh, cho những bạn bè của anh, và cho cả tình yêu ban đầu của anh nữa, mà sao như anh viết cho chính tôi...

Hãy đọc lấy một đoạn văn ngắn, trang 226, trang cuối của tập truyện TCĐQ. Truyện : Người Viết Kịch. Đoạn văn ấy như sau: “...Tôi nghĩ đến sự may mắn. Trong chiến tranh, may mắn là viên đạn tránh mình. Trong trại tù, đó là lúc nhiều năm không được ăn một miếng đường, một hôm đi vô rừng đốn củi bắt gặp một tổ ong mật. Với tôi may mắn là được gõ cửa, tôi biết, bên kia cánh cửa đóng, có bạn...” Bên kia cánh cửa đóng, có bạn. Một đoạn văn ngắn tôi đọc như thấy có tất cả bạn bè của một thời quen biết, hiện còn ở bên kia cách cửa đóng. Xa trên địa hình địa vật nhưng hôm nay sao nghe gần gũi

trong tâm thức của tôi. Và ta đang bước tới. Phải không anh Nguyên Minh? Trong chiến tranh. Vâng, tôi đã tham dự 10 năm. May mắn ư ? . Đúng, viên đạn tránh tôi trong suốt mười năm quân ngũ. Rồi trong trại tù. Vâng, lao động cực nhọc, chất ngọt làm thêm cái dạ dày. Nhìn lại thời gian ấy, nghĩ lại thấy buồn: thêm ăn như đứa trẻ. Nhưng cũng ít ai được vào rừng thấy được một tổ ong mật. Trời ơi, những giọt mật đang ứa ra từ những “ ô cửa sổ ” của tổ ong...Nhưng, những vị ngọt của tổ ong ngày nào đó, bây giờ là những vị ngọt của bạn bè tôi; mà tôi tưởng chừng đã quên.

Ừ! mà quên sao được nhỉ? Những địa danh anh đã viết lại, những con người mà anh đã ghi lại, gần như có tôi tham dự trong đó. Thôi, thì cứ “ thấy sang bắt quàng làm họ ” khi đọc tác phẩm TCDQ của anh. Này nhé, trong truyện ngắn: Những Linh Hồn Đứng . Anh viết: *“...Những ngôi nhà biệt thự ở Hàng Đoát cất theo kiểu Tây vì đó là của người Pháp để lại sau hiệp định giờ neo ký kết. Các sĩ quan người Việt được phân phối ở đó...”* và *“...Con đường thật vắng vẻ, không một người qua lại. Vắng tiếng người. Rỉ rả tiếng côn trùng, ếch nhái, từ những đám ruộng sau nhà vọng lại, tưởng như mình đang ở chốn nông thôn. Mỗi cả chân, sau khi đi từ đầu đường đến cuối đường, rồi quay lại. Cứ thế tiếp tục. Đêm đã khuya trời vẫn nóng nực. Không một chút gió. Thả người ngồi xuống giữa lòng đường nhựa, nhìn những cây đoát vẫn trơ trơ, bất động giữa đất trời, Phan thốt lên rất khẽ nhưng cũng đủ cho tôi nghe: “ Như những linh hồn từ đầu đó vất vưởng nhập vào những hàng đoát này đứng sững sờ giữa đêm trắng ”.* (trang 167). Truyện Những Linh Hồn Đứng, anh đã dẫn dắt người đọc đi từ địa danh này

đến địa danh khác ở Huế, và cũng theo sự biến đổi của lịch sử lúc ấy: chiến tranh. Bạn bè anh: người ở bên này, người ở bên kia. Cuối cùng rồi cũng kết thúc : chết. Chết một cách không ai nghĩ tới tại sao phải chết, và hồn của những bạn anh chắc đã nhập vào những cây đoát ấy? hay hồn của những người dân Huế vô tội trong thời gian bị thực dân Pháp giết vào đêm 23 tháng 5 năm Ất Dậu???

Hàng Đoát. Cây đoát, anh đã dẫn tôi về với một kỷ niệm thật đẹp trên con đường này. Mượn những kỷ niệm của anh để nói về tôi. Vào cuối năm 1969, vợ tôi đưa tôi đi trên con đường này. Hôm đó, Huế buồn lắm. Trời vào đông, lạnh và ảm đạm. Hai đứa nép vào nhau mà đi. Đường vắng. Thật vắng. Những ngôi nhà Tây nằm im lìm, vắng vẻ. Tôi cứ đi bên vợ vì muốn biết cái xứ Huế, quê hương thứ hai của tôi lạnh và buồn như thế nào, mà sao mỗi đêm, mưa tạnh, tiếng ếch nhái kêu râm rang buồn hơn những nơi khác . Đang đi, vợ hỏi: anh biết đường chi không? Đường Hàng Đoát đấy? Nó có tên gì khác không? Có , nhưng dân Huế quen gọi Hàng Đoát. Tôi dừng lại nhìn. Đường ngắn, im ắng, với cái lạnh của đông về, thích hợp cho những cặp trai gái đang yêu nhau. Hàng Đoát dưới mắt tôi sao thấy buồn quá đỗi. Tôi nói với vợ tôi: anh thấy trong mỗi cây Đoát hình như có ma . Vợ tôi bấu vào lưng tôi, nói nhỏ: có thật không anh? Thật! Thôi đi anh, anh nói chi dễ sợ nữa!

Lâu rồi, thời gian đã làm tôi quên. Nay, đọc Những Linh Hồn Đứng của anh, tôi bỗng nhớ lại những ngày đầu tôi về với Huế.

Tướng Chừng Đã Quên là một tập truyện mà anh đã ghi lại những kỷ niệm của anh với bạn bè, với tình yêu và với những cái đam mê chữ nghĩa của anh. Với bao đổi thay - xã hội và con người- Nhưng, với anh, có lẽ không bao giờ thay đổi trong giòng thời gian qua. Anh vẫn ghi lại rõ nét lắm. Rõ đến độ, tôi đọc tác phẩm của anh vẫn thấy thích thú và nuối tiếc cho khoảng thời gian qua.

Như trong bài: Hình Như Trời Đang Mưa. Anh viết: “...Ở hai con đường khác nhau. Nguyễn Thái Học. Trần Hưng Đạo nhưng nhà hai đứa kế hông nhau. Căn gác của tôi, cửa sổ mở nhìn qua là căn gác suốt của hẻm. Chỉ cần tín hiệu huýt gió là chúng tôi xuống gác ra khỏi nhà gặp nhau mà chẳng ai biết. Thường vào những đêm trời có trăng khi những ngọn đèn nhà trong phố tắt hẻm, lũ chúng tôi ba đứa, Minh Bui, Bảy Rìu và Tín Chả rủ nhau ra ngồi ở sân quần vợt mà đánh đàn guitar, mà ca hát...” (trang 46). Đoạn văn trên anh nói về kỷ niệm của anh ở thành phố biển rất nhỏ mà anh gọi là rất “ hiền hòa” đó. “ Tín Chả ” thì tôi không biết; vì anh đã mất. Còn Bảy Rìu thì tôi biết. Nhớ lại những tháng ngày đổi về Tháp Chàm (1969) đi lang thang thì gặp Võ tấn Khanh đang đi chiếc honda, ngược chiều, dừng lại hỏi: phải PVN? tôi nói phải, và từ đó tôi quen VTK. Khi ấy VTK đang dạy học ở trường tiểu học Đô Vinh, Tháp Chàm. Quen VTK thì quen với mấy anh em cầm bút ở Phan Rang, trong đó có anh.

Trong đoạn văn trang 50, truyện: Hình Như Trời Đang Mưa “...Ba tôi trong những ngày cuối đời chỉ còn là một ông già gầy nhom, mặc quần áo lụa trắng, tay chống gậy, mỗi một lần bước chân đi. Tuổi tác ba tôi bấy giờ

cũng bằng tôi lúc này. Sáu mươi, nhưng cơn bệnh lao kéo dài phá nát hai buồng phổi, những cơn ho kéo dài và tuôn máu đỏ tươi, trông ba tôi như một cụ già tám mươi. Muốn lên gác, tôi phải đi ngang qua ba tôi. Nơi ông nằm vào ban ngày là chiếc ghế xích đu bằng vải bố, trước bàn thờ leo lét một ngọn đèn dầu hột vịt, một lư hương luôn luôn có cây nhang được đốt lễ lới, phảng phất mùi thơm, phía sau là tấm hình hoen ố của mẹ tôi...”

Đoạn văn trên, anh đã đưa tôi về với những kỷ niệm, dù ngắn, chưa tới một năm ở Tháp chàm. Nhưng những lúc rảnh rỗi, tôi lại đến ngôi nhà mang số 11 Nguyễn Thái Học. Và lên gác. Vâng, những bước chân thật nhẹ khi phải đi ngang qua khu nhà thờ với cái không khí thật trang nghiêm, nếu không muốn nói là huyền bí với mùi nhang thơm phảng phất trên bàn thờ. Ba anh nằm trên chiếc ghế xích đu ấy. Và, như một cái gì đó nghịch lại, lên tới gác, một không khí sôi nổi, cách biệt với khu nhà thờ phía dưới: giấy má, bàn máy đánh chữ, và những tiếng gõ đều tay trên bàn phím của cô thư ký đang đánh máy và trình bày trên những tờ stancil. Rồi mực, rồi những tàn thuốc lá hút dở dụi vội xuống cái gạt tàn. Không khí như khấn trương, vì: tôi biết anh đam mê chữ nghĩa và báo chí đến nỗi phải bỏ nghề sư phạm để chạy theo nghề cầm bút và làm báo. Như đoạn văn sau đây, ta mới thấy cái đam mê của bạn tôi: “...Đáng lẽ tôi chờ Tuyên thắng đến nhà hàng, tôi lại ghé tạt nhà in- như ma dẫn đường- định xem qua công việc tiến triển ra sao, và phân công cho anh em thợ làm đêm. Cô thư ký vẫn chưa đến. Tôi bắt Tuyên thế chân, ngồi sửa lỗi bản in thử. Còn tôi hì hục gắn bản in nhủ lên ma-két. Đói bụng, tôi nhờ nhân viên đi mua cơm phần. Nghĩ tay một lát, tôi và

Tuyên vội ăn cho xong để tiếp tục công việc. Mãi đến tối....” (trang 16)

Và:” ...ngày xưa Tuyên bỏ tôi đi lấy chồng, tôi chỉ buồn đôi chút rồi qua đi. Vì bên cạnh tôi còn có tờ báo Ý Thức...” (trang 17).

Như thế đó, mới thấy anh đam mê chữ nghĩa như thế nào. Đọc đoạn văn trên, tôi lại nhớ đến cô Tuyên. Một nhân vật nữ, có lẽ nổi bật nhất trong suốt chiều dài cầm bút của anh, cũng như trong tập TCDQ. Mà sao lạ, cô Tuyên trong truyện của anh viết lại là “ cô bé ” mà ít nhiều tôi đã biết. Vâng! Thời gian đổi về Tháp chàm, và tôi gặp cô Tuyên đang ở học trong một ngôi chùa nhỏ trước quán cà phê Diễm của anh “ Bầy Đầu Rù ” theo lối gọi thân mật của các bạn anh. Lại gần căn phố 11 Nguyễn Thái Học...Ngày ấy, tôi đâu có nghe anh nói đến cô Tuyên. Và bên cạnh cái sân đánh quần vợt. Trời nóng, tôi với anh, với LKT, với VTK ngồi đó. Sân quần vợt chỉ cách ngôi chùa của Tuyên ở một tấm vách, và đối diện với quán cà phê Diễm (tấm vách sau chùa). Gần gũi. Ngày đó, tôi cũng quên băng đi cái cô nữ sinh người Huế nhỏ bé học một lớp với mấy đứa em tôi ở Phan Thiết. Và, tất cả: Tưởng chừng Đã Quên...Nào ngờ, 4 năm trước, tôi gặp lại cô bé Tuyên trong truyện anh viết tại nhà của con tôi ở Houston, nước Mỹ. Tôi vẫn ký đầu và nói chuyện với “ con bé Tuyên ”. Tuyên cười thật dễ thương: em lớn rồi đấy nhé, trên năm mươi. Trời đất, sao tụi bây chóng lớn vậy. Tôi cứ tưởng chỉ có một mình tôi là già. Gặp lại “ con bé Tuyên ” tôi mới biết rõ hơn về hoàn cảnh của Tuyên hiện tại, chồng chết trong trại cải tạo. Và, mối tình với người bạn tôi. Vâng! Cảm ơn anh, đã cho tôi gặp lại những cái mà tôi tưởng đã đánh

mất lâu rồi. Và, cũng là những cái gì đó thật đẹp trong khoảng đời còn lại của tuổi về già.

Hạnh phúc biết bao, cái tuổi thơ của tôi ngày nào như sống lại. Khi mà: "...*Con gà chọi nhốt trong lồng còn đi qua đi lại được, cái cổ dài còn lắc lư. Còn tôi thì ngồi chồm hổm, co ro như con mèo thu mình lại. Đôi mắt trẻ thơ của tôi rơm rớm nhìn xuống đất, tủi thân. Lũ học trò bạn tôi đi học về ngang qua thấy lạ, dừng lại ngạc nhiên hỏi:-* " Nguyên, mày giờ trò gì vậy? " *Một đứa lanh hơn nói khẽ:-* " Nó bị ba nó phạt đó. " (trang 20).

Tuổi thơ. Ai rồi cũng trải qua . Anh vì " bức bối " - chưa hiểu hết nỗi đam mê về một môn chơi nào đó- như đá gà của ba anh; mà suýt làm hại một con gà đá của ba anh. Đến nỗi: *Mẹ tôi la hoảng: - " Thôi chết rồi. làm sao cho con gà tỉnh lại để khi ba con về không khám phá được. "* *Lúc đó tôi mới sợ hết hồn, mặt mày xanh mét khi liên tưởng đến trận đòn nát mông...*

Đọc câu văn trên, tôi liên tưởng đến tôi, cái tuổi thơ ngày nào đó ham xem đá gà (trại gà nằm gần nhà cô dưỡng tôi). Nhà nghèo, đông anh chị em, cô dưỡng mới đem tôi về nuôi cho ăn học và làm việc nhà. Tuổi thơ tôi hình như không biết gì hơn là ở trong bốn vách tường và cái khoảng sân rộng dùng để đậu những chiếc xe chở khách. Trường gà, tôi hay lén tới xem, và vợ chồng cô dưỡng tôi bắt được, đem tôi về phạt một trận " như tử " . Hình thức phạt bằng cách " thụt dầu " hàng ngàn cái...để rồi, cuối cùng, tôi xỉu . Một buổi tối bỏ cơm, nằm trên căn gác: khóc vì nhớ mẹ...

Hành động của anh là: để cho con gà đá (tự nó thấy hình nó trong gương). Còn tôi, lén đi xem, mà còn bị một trận phạt " thụt dầu " đáng giá.

Nhưng đến khi đọc tới truyện Mây Trôi, tự nhiên tôi mê nhân vật nữ mà anh viết. Nàng tên là Vân Phi. Nàng con gái có dáng mảnh khảnh, mắt mí lót, tóc đen mượt xõa quá lưng, lại là một phật tử thuần thành (huyền trưởng). Hình ảnh của một cô nữ sinh hiền dịu khi còn học chung với anh một lớp đệ nhị ở một ngôi trường tỉnh. Và, có ngờ đâu: *"...Giây phút gặp nhau làm tôi ngỡ ngàng, không biết thật hay hư. Chẳng lẽ đang đứng trước mặt tôi là người con gái dịu hiền năm xưa, dáng yếu đuối, xanh xao mang vẻ đẹp liêu trai. Người con gái giờ đây, mặt trét đầy phấn trắng nham nhở, môi như sưng vù bầm máu, tóc dựng lông nhím, mặc chiếc quần tây bằng kaki vàng đã bạc màu và hai đầu gối vá hai miếng vải đậm màu, cùng chiếc áo thun đỏ hở nách ôm sát thân thể nàng. Bộ ngực căng đầy sức sống. Tôi tưởng nàng đang hóa trang sắm một vai bụi đời trong một vở kịch nào đó mà sân khấu là trong quán cà phê..."*

Và: *"...Bỗng nghe tiếng huýt gió, rồi tiếng búng tay, rồi một giọng nói ngổ ngáo:" Ghê! Chủ quán đâu? " Tôi đi về hướng có tiếng gọi ngang qua đám thanh niên đưa ngón tay ra dấu tôi phải gặp ai.*

Người con gái đang quay mặt vào trong vách tường. Tôi hỏi giọng nhẹ nhàng: "- Xin lỗi, cô dùng gì? " Giọng người con gái khàn khàn và cay cú: " Nghe quán mới mở. Nói chủ ra đây?"- " Tôi đây. Chủ quán đây." Tôi vẫn đứng thẳng người. Cô nàng quay mặt lại. Tôi tưởng cô đùa với tôi sau bao nhiêu năm gặp lại. Tôi nhìn chăm bẳm rồi buột miệng: - " Phật Bà Quan Âm ". Cô nàng cười ngất ngưỡng: - " Tưởng ai xa lạ. Té ra ông bạn thời xa xưa. Hết Phật Bà rồi giờ thành nữ tặc. " (trang 124) . Để rồi đọc tiếp những trang kế tiếp, tôi mới thấm và

thấy được tại sao một cô gái thật dễ thương, vào những ngày cuối tuần mặc áo lam đến chùa sinh hoạt với các em thiêu nhi, rồi tới trường, tới lớp dạy học. Cô giáo ấy tại sao lại bụi đời, để có một số đàn em đi theo. Phải nói là có bản lĩnh lắm mới làm được việc ấy. Tại sao? Ta nghe Vân Phi (tên cô gái) tâm sự, khi lòng đã lắng xuống, ngồi trước mặt anh- một người bạn cũ. “ ...*Nữ tặc tự trả lời: Nhi nữ thường tình chỉ âm thầm biết khóc. Còn tôi khi những người tình đã bị chiến tranh cướp mất, tôi phải làm sao?* ”.

Những con chữ trong câu văn trên, tôi đọc, mới thấy được nỗi đau của thân phận người con gái Việt nam, sinh ra và lớn lên trong một đất nước mà chiến tranh triền miên. Có lẽ Vân Phi là một trong muôn vàn người con gái Việt có người yêu chết ngoài chiến trường. Có khác Vân Phi chăng là “ âm thầm ” khóc. Còn Vân Phi, từ một cô giáo, Vân Phi đã nộp đơn xin nghỉ dạy. Phản kháng ư? Không. Mà chắc chắn là: buồn; vì người yêu chết ngoài chiến trường. Buồn vì : Chiến tranh. Nguyên do đã gây nên biết bao nhiêu đau khổ cho nhiều gia đình. Có người dẫn được lòng mình. Có người dẫn không được lòng mình thì phá phách, như Nữ tặc trong truyện Mây Trôi . Ngay chính anh, tác giả của tập truyện TCDQ, khi nghe tin người bạn thân chết trên chiến trường A Sao, anh đã chạy một mạch ra bờ sông Dinh, giang hai tay lên trời mà gọi tên người bạn. Đó chỉ là người bạn trai thân. Còn với Vân Phi, người tình chết trận. Vân Phi phá phách là phải. Nhưng, tôi phục một Vân Phi trong truyện và ngoài đời (vì anh viết thật - không hư cấu), phải nói là có bản lĩnh !

Cũng trong truyện ngắn Mây trôi, anh nghe tin người bạn

thân chết ngoài chiến trường, anh chạy ra bờ sông Dinh, giang hai tay lên trời mà gọi tên bạn. Sông Dinh của Phan Rang mà ít ra tôi cũng đã đến đó một thời gian ngắn. Sông Dinh với tôi mà anh nói đến có những kỷ niệm khó quên giữa tôi với Trần Hoài Thư. Cũng vì chiến tranh . Chiến tranh! Chiến tranh! Ta hãy lắng lòng nghe : đại bác đêm đêm dội về thành phố, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe. Hay: người chết hai lần thịt da nát tan. Phản chiến ư? Không. Sự thật đấy! Chiến tranh của Việt nam.

Xuyên suốt 227 trang, đọc đến “ chạnh lòng ”, một cái truyện ngắn anh viết cho một người bạn văn- một kỷ niệm- Vâng. Ngay cả tôi khi đọc cũng phải “ chạnh lòng ” về một người bạn.

“...Sau khi ba tên kia thức dậy, thì Kim đến. Sáng nay Kim thướt tha trong chiếc áo dài lụa trắng. dáng nàng gầy gầy. hấn nhìn Kim rồi rồi nhìn sang tôi như thăm hỏi: “ Có phải Tuyên đó không? ” Tôi như hiểu ý nên trả lời: “ Tuyên như con chim họa mĩ đã bay xa, rất xa! ” Kim hỏi nhỏ tôi: “ Ai vậy? ” - “ Một con ngựa hoang vừa mới lạc bầy, đang bơ vơ. ” - “ Sao già vậy? ” - “ Bơ vơ, lạc loài trong cuộc chiến nên tóc bạc sớm. ” Thư cười gật đầu chào Kim. Tôi nói với Thư:” Tờ báo tội mình chữ đẹp hay không là nhờ bàn tay của Kim đó. Cả hai vợ chồng Kim là bạn của mình. lát nữa ông sẽ thấy tòa soạn báo và cả nhà in của mình ” (trang 189). Và qua trang 192, cũng trong bài “ Chạnh lòng ” “...Tôi hỏi hấn: “ Đi đâu? ” - “ Tìm về đơn vị, mình nhớ những thằng lính của mình. Cậu chưa vào quân ngũ nên cậu không cảm nhận được tình đồng đội. Giữa cái sống và cái chết mỏng manh như sợi tóc vẫn thể hiện qua ánh mắt nụ cười cho

nhau. Mình đang mang theo những cuốn truyện Nỗi Bơ Vơ Của bấy Ngựa Hoang ra chiến Trường . Cám ơn cậu rất nhiều. Hẹn ngày gặp lại...”

Đoạn văn ngắn vài giòng ở trên mà tôi trích ra đây để nói lên cái thật của người viết. Với ai, thì tôi không biết. Nhưng với nhân vật chính trong truyện ngắn “ Chạnh lòng ” thì quá rõ ràng qua hình ảnh của người bạn tôi, mà cô Kim (một nhân vật nữ có thật đã đánh máy, layout trên những tờ stancil đã góp rất nhiều công sức để hoàn thành một tờ báo văn học, với số lượng bài vở thật dồi dào và gây nhiều ấn tượng trong giới độc giả của cái thời mà: đại bác đêm đêm dội về thành phố ấy. Cô đã hỏi nhỏ anh: ai vậy?- Sao già quá vậy? Vâng! Tuổi trẻ và chiến tranh VN đã làm cho bọn tôi già trước tuổi. Vâng! Tuổi trẻ của chúng tôi đã ít nhiều lần xả , và đối diện với chiến trường. Cô đơn. Chết chóc. Bơ vơ khi trở về phố thị. Vâng! nỗi bơ vơ ấy đã là đề tài có thật mà Trần Hoài Thư lấy làm tựa cho tập truyện đầu tay của anh. Ở đây, chắc ít người biết tại sao có cái tên đó cho một tập truyện đầu tay của một người lính viết văn. làm thơ... Cũng từ viện Pasteur Nha Trang, trong những chuồng ngựa bỏ không, đã được dọn sạch sẽ, làm chỗ ngủ cho những người lính Tiểu khu canh gác sau tết Mậu Thân; mà đêm đó tôi với Thư trở về Nha Trang, cũng phải vào nơi đó để ngủ qua đêm cùng với người bạn- Lê Minh - Từ đó mà tên tác phẩm được hình thành, và nhà xuất bản Ý Thức của anh, đã in tập truyện đầu tay cho cơ sở.

NBVCBNH anh còn giữ không. Nguyên Minh ? hay cũng đã mất theo với thời cuộc? Và, cô Kim, đánh máy cho Ý Thức năm nào bây giờ chắc cũng già lắm, Minh nhỉ? ??

Ấy! Trích từng ấy đoạn văn thôi trong tập truyện TCDQ của anh. Tôi nhớ lại nhiều lắm. Dù đọc và cách xa anh 1/2 vòng trái đất. Dù hôm nay, với những bạn bè cầm bút biết nhau ngày nào, chỉ có tôi và Thư sống trong cùng một đất nước của “ người ta ”. Nhưng Tưởng Chừng Đã Quên của anh (phát hành trong nước) cũng đến tay anh em bên này, do Thư Ấn Quán - một cơ sở in của Thư Quán Bản Thảo, in lại và phổ biến. Với TCDQ, anh đã đưa tôi về với nhiều kỷ niệm của hơn 40 năm về trước.

Tôi nghĩ với TCDQ sẽ sống mãi với bạn bè của anh trong từng tế bào trí nhớ (trong và ngoài nước). Và, ngay cả một nhân vật nữ; mà ở nơi trang nào, giòng nào cũng thoáng hiện “ em ” qua ngòi bút trân quý của anh.

Cảm ơn anh đã cho tôi đọc một tập truyện hay. Vì trong đó đã có tôi (ẩn số) và bạn bè tôi.

Amarillo (Hoa Kỳ), ngày 19 tháng 6 năm 2004

VÕ HỒNG

Nói với hư vô

VƯỢT QUÁ ĐÈO QUÁN CAU, MÁY XE BẮT ĐẦU
trục trặc, xe hục hặc bò lên tới giữa dốc Tam Giang thì
nằm ụ. Tài xế xuống xe hí hục sửa. Để tránh nghe tiếng
búa gõ, tiếng cờ-lê lắc cắc, tiếng động cơ gầm rú, tôi mở
cửa xe bước ra ngoài.

Không khí như vút loăng ra, xung quanh thấy nhẹ và
mát. Gió thổi từ dưới đồng vun vút. Những bụi cây thấp,
những lùm cây cao. Tiếng chim trò chuyện ở bên mặt, ở
bên trái, ở sau lưng. Bước đi vài bước bỗng thấy háo hức
đôi chân, tôi bảo tài xế:

-Tôi đi bộ xuống lưng dốc. Lát nữa sửa xong, anh lái xe
xuống sẽ gặp lại.

-Dạ.

Con đường nghiêng vội vàng. Đã lâu lắm tôi mới có dịp
nhìn lại những vạt cỏ mọc ven đường, thảo nhiên cam
phận. Những bụi tranh chen lấn với những bụi gai bàn
chải đứng vô tư. Một triền dốc mọc đầy lau sậy, hoa lau
trắng bị gió thổi dạt nghiêng về một phía.

Con đường xoắn dốc. Cánh đồng ruộng Chí Đức nằm trải
rộng, màu lá lúa xanh ngắt. Con đường ô tô chạy xuyên
qua cánh đồng theo một đường vòng cung mảnh, màu
trắng, bị nuốt mất giữa những bức tường vôi trắng của
huyện lỵ Tuy An. Và xa xa ở mạn đông-bắc là dãy núi
Sơn Đà, nơi làng quê của tôi.

Ghé lại một quán lá bên đường. Bà chủ quán trạc năm
mười, áo vải đen què mùa. Nhìn khắp quán thấy không

có gì có thể mua được để làm vui lòng một người, tôi bảo mở một chai nước cam. Khởi cần ly, tôi nghiêng chai uống vài ngụm vừa bồi hồi nhìn khung cảnh trước mặt quán. Từ nãy giờ hình ảnh Phấn ẩn hiện loang loáng trong tầm mắt tôi bởi không gian này là nơi Phấn đã sống, đã đi lại, nơi tôi từng đi cạnh Phấn, cầm tay Phấn, nhìn Phấn cười. Bây giờ chỉ còn nhìn thấy sỏi đá, những vạt đất mấp mô mọc đầy cỏ may, sục sục. Ngày xưa, phía kia là ngôi nhà ông Cửu Tám. Trên đầu dốc là vườn ươm thí nghiệm của Sở Canh nông. Bây giờ thì trống trải.

Tôi hỏi bà chủ quán:

-Hồi xưa chỗ kia là nền nhà ông Cửu Tám. Bây giờ nhà dọn đi đâu, thím?

-Thằng Diễm con ông dời nhà đem cất ngoài Chí Thạnh buôn bán.

-Ông Cửu Tám cũng theo ra Chí Thạnh hả?

-Đâu! Ông chết năm kia.

-Còn bà Cửu?

-Bà cũng chết rồi. Chết trước ông.

-Vợ chồng ông Cửu có người con gái...

Tới ba đứa.

-...Cái cô thon mảnh, khuôn mặt xinh. Chỉ màu da hơi ngăm ngăm.

-Đứa nào hè? Con lớn, con Trang lấy chồng ở Sông Cầu, mặt trắng chớ đâu có đen?

-Không cô này ôm ồm, manh mãnh.

-Tôi mới tới ở sau này. Cũng không rõ lắm.

-Cô ấy tên Phấn. Ở nhà hay kêu là con Thúi

Một người đàn bà nãy giờ ngồi yên lặng ở chiếc chõng tre, mắt hướng ra sân nắng, chợt cất tiếng:

-Chị Năm, có ai hỏi con Thúi vậy?

-Có ông ... này. Lại...

Người đàn bà quay mặt về phía tôi và tôi nhác thấy đôi mắt đục, không hồn, đưa qua đưa lại vu vơ vô định.

Tôi lễ độ cất tiếng:

-Dạ, tôi hồi xưa có quen gia đình ông Cử.

Người đàn bà:

-Vậy hả? Vậy chắc ông không phải là người miền này.

Chắc ông là người miền Nam ra đây ở thời chín năm?

-Dạ...dạ...

Tôi lúng túng. Im lặng một lát. Chợt người đàn bà:

-Hồi này ông hỏi con Thúi. Ông có quen nó à?

-Có biết.

-Nó chết rồi, ông có biết không?

-Có nghe nói.

Lại im lặng. Người đàn bà như dỗi dôi đôi mắt tối nhìn về khoảng tối. Thái độ im lặng trang trọng:

-Nó rụt rè ít nói. Không như con chị lanh chanh.

... Phải. Cô chị tên Trang, lanh lợi hoạt bát. Hồi mới quen, tuổi Phấn đâu cỡ mười hai. Hay cầm roi chần hai con bò cày. Mỗi lần tôi theo cha tôi đi coi gặt đám ruộng nhà ông Cử là Trang đeo theo trò chuyện. Rồi tất cả những việc thuộc phần mình, Trang chuyển qua cho em hết. Với lối ra lệnh ngắn gọn. Đâu có biết xã giao mơn trớn kiểu thị thành: “Chị nghĩ rằng em có thể giúp chị...”, hoặc: “Dẫu không muốn chị cũng phải đành nhờ em...”. Phấn không trả lời. Đôi tay làm xong việc của mình thì bắt qua làm giùm thay chị.

-Nó để bụng thương thằng Nhã con ông Học Năm ngoài Quảng Đức.

... Tôi giật mình. Nhã là tôi. Nói rằng Phấn mến tôi thì

được. Ngày chị Trang đi lấy chồng, Phấn mới mười sáu tuổi. Ở nhà quê, *thương* có nghĩa là *yêu*, nhất là *bỏ bụng thương*. Phần tôi thì, tôi thích ngồi bên cạnh nhìn đôi bàn tay Phấn làm việc vừa nghĩ mông lung. Về sự sống, về tình yêu, về hạnh phúc mà cuộc đời bất công thường từ chối, không dành cho những bàn tay như vậy. Phấn có nước da ngăm ngăm, mái tóc chải sát da đầu với đường rẽ chân phương chạy ở giữa. Lông mày dài thanh tú, lông mi cong và đôi mắt đen dịu dàng. Khuôn mặt thon, mũi nhỏ và thẳng, đôi môi... Phải dùng chữ gì để tả đây, chỉ biết đôi môi “để thương”.

Hôm phát hiện sắc đẹp của Phấn là hôm tôi lội qua ruộng, bị một con đĩa trâu bám ngay ống chân. Hoảng quá nhảy lên bờ, chụp luôn Phấn đang đứng gần đó, còn chân thì quệt túi bụi lên cỏ. Phấn cúi xuống nhẹ nhàng gỡ con đĩa rồi ném ngay xuống ruộng. Xong, đứng dậy chùi tay vô ống quần vừa nhìn tôi. Hơi mỉm cười. Chắc có ý mắc cỡ cũng nên, vì bị tôi chụp nhảm. Tôi bắt gặp nét đẹp của Phấn lúc đó.

-Nó để bụng thương thẳng Nhã nhưng nhà thẳng Nhã này giàu, con chủ ruộng, còn ông Cửu Tám là nhà rẽ.

... Mỗi năm chỉ vài lần tôi ghé nhà Phấn coi gặt. Tôi thấy em dịu dàng làm việc không rảnh tay. Áo quần không ngoài một bộ vải đen và chân không hề mang guốc dép.

Nhớ có hôm ngồi nhìn khoảnh rừng trước nhà Phấn, tôi thấy có cây gì cao vượt trội, tán rộng, điểm phơn phớt những chùm hoa màu tím lợt. Tôi bảo em dẫn vô coi. Bà Cửu nghe trong câu tôi nói có những tiếng tàn cây, cánh đài, phấn hoa... thì nghĩ đây là chuyện nghiêm cứu nghiêm trang nên bà giục Phấn đưa chổi cho bà dọn tiếp

ngọn rơm để dẫn tôi đi.

Tôi bước cạnh Phấn. Đôi bàn chân em mỏng xỏ vào đôi dép cao su cũng mỏng. Những bụi găng, những bụi thơm tàu đứng rải rác thành hàng dài, giống nhau một vẻ tự phụ. Những bụi móc mèo ranh mãnh.

-Em ít đi vô ngã này. Quơ củi hay hái sim, hái ổi, nhỏ nấm, nhỏ bông giở, em đi ngã phía kia. Cái cây anh nói, đứng ở trại vịt ngó vô cũng thấy. Mùa này nó ra bông. Gió thổi, phấn của bông bay rắc xuống nhẹ nhẹ.

-Ở đây người ta kêu tên nó là gì?

-Em không nghe. Thiếu cha gì cây. Ai hơi đâu mà đặt tên cho khắp.

-Vậy thì anh đặt: cây bông Phấn.

Phấn nguyền tôi một cái.

Em ngồi cạnh tôi trên một tảng đá. Mùi thơm của nhựa cây và màu xanh mát bao quanh. Một cảm giác dễ chịu lâng lâng. Cây cối chẳng chịt, mặc ai nẩy mọc, phần ai nẩy lo, mạnh thì vượt lên, yếu thì nhường lối, không che giấu, không ồn ào.

Tay Phấn chợt đưa lại gần tôi:

-Anh Hai, để em bắt con kiến bù nhọt bò ở cổ anh.

Tôi quay lại. Bàn tay em kề sát mặt tôi và tôi bỗng muốn cúi gần hôn nhẹ lên ngón tay. Nhưng tôi kịp giữ lại. Tôi hiện đang có người yêu và tôi không được coi thường em.

-Năm 1946 thằng Nhã cưới vợ. Nghe nói con vợ đẹp, nhà giàu, mà học giỏi. Con Thúi buồn. Nó tâm sự tởm tưởi với tui: nó muốn đi tu. Nhưng kháng chiến rồi mà, chùa chiền đâu còn thông thả để xin tu. Nó có theo sống ông Cửu ra Quảng Đức dâng lúa để coi mặt vợ chồng thằng Nhã. Nó về buồn hung, vì con vợ thằng Nhã quả đẹp

thiệt. Đặc biệt nước da trắng hồng. Nó khóc với tui nói muốn bỏ xứ đi hoang, nhưng đang chiến tranh, đường lộ đào phá, đâu còn xe cộ mà quá giang.

... Nội dung bí hiểm như vậy sao? Quả là có một hôm tôi đi đâu về, nghe vợ tôi kể hồi sáng có cô bé con ông nhà rẽ đứng nhìn mình. Thấy cô bé mặt mũi xinh xắn, vợ tôi lại gần hỏi chuyện. Cô bé chỉ trả lời ngắn. Sẵn hai trái cam để trên bàn, vợ tôi cầm trao tặng nhưng cô lắc đầu, cảm ơn.

-Tháng Tư năm đó đói – hình như năm 1952 – Pháp thả bom cầu Máng Tuy Hoà. Đồng bào lên núi đào củ mài củ chuối ăn thay cơm. Thúi cũng đi đào. Đi vô rừng đó (người đàn bà hướng mặt về phía rừng) bị chó dại cắn.

... Tôi có nghe nói.

-Khi nó sắp chết, nó khóc với tui; bữa đó nó nói dối là đi đào củ mài chờ thiệt ra thì đi đào củ mài đâu phải đi đường đó. Nó đi vô phía mấy bụi thơm tàu rồi tới ngồi dưới gốc cây.

... Tôi giật mình. Như có ngón tay ai bấm nhẹ nơi trái tim tôi. Phấn đã âm thầm yêu tôi, đã đau khổ, đã một mình đi lại trên lối cũ để nhớ tôi, và cái chết đã đón em nơi ấy. Trong khi tôi chỉ đơn giản thương em vì nghèo phải đi đào củ mài mà gặp nạn.

-Nghe nói có hồi nó tỉnh, nó năn nỉ cha nó đem chôn dưới gốc cây bông tím đó. Không nghe ai kể lại vì sao. Chỉ biết là ông Cửu làm theo lời xin. Dễ ợt mà. Núi rừng rộng mênh mông đó tha hồ. Chờ có như thành phố đâu mà phải ra nằm nghĩa trang.

... Tôi bàng hoàng. Cảnh vật như đang vun vút chạy phía trước mắt. Lấy cớ ngồi mỏi, tôi đứng dậy xin đi ra ngoài một chút. Rồi lần theo lối mòn đi về phía rừng cây. Cũng

lại những bụi gai móc ó, móc mèo. Cũng lại những... Mộ của Phấn đây rồi. Chỉ một nắm đất thấp, đất đắp vun lên. Những viên đá xếp xung quanh. Tôi ngồi xuống, tay mân mê những sợi cỏ vàng úa. Ngày xưa mái tóc của em chải sát da đầu. Lông mày em... Lông mi em... Đôi môi em... Chợt nhớ rằng em đã ngồi đây vì tôi và gặp cái chết nơi đây, trong khi... tôi chợt nấc lên tiếng khóc không giữ được, hai tay ôm lấy viên đá dần ở đầu mộ. Tôi cúi xuống áp mặt lên viên đá và nước mắt rơi ướt mặt đá.

Tiếng xe rồ gọi tôi nơi quán nước. Tôi đứng dậy. Ngôi mộ nhỏ nhắn như đáng ngồi của Phấn ngày nào. *Phấn ơi! Thuối ơi! Anh chưa dám một lần ôm em, vậy mà em đã chết, chết cô đơn trong vòng tay và nụ hôn em chỉ mới nhận được trong ước mơ.*

Hơn ba thập niên đã lặng lẽ trang trọng trôi qua kể từ hôm tôi ngồi bên mộ Phấn. Những người quen thân lần lượt nằm xuống và vợ tôi cũng đã từ trần. Những hồi cô đơn, tâm hồn nhẹ nhàng, sống lại những ngày dĩ vãng, tôi nhiều lần nhớ Phấn. Những hồi đau bệnh, tôi êm đềm gọi lên hình ảnh em và tôi bình tâm ít thấy sợ hãi. Mười sáu năm, em bước vào cuộc sống và nhẹ nhàng bước ra, không hề được hưởng một chút êm ái yêu đương. Tôi trân trọng yêu cái hình ảnh trong sạch của em, người bạn đường cuối cùng đã lặng lẽ đi bên tôi, đang ngồi chờ tôi, giúp tôi coi nhẹ mọi hạnh phúc, chấp nhận mọi khổ đau của kiếp sống thường ngày./.

TRẦN HOÀI THƯ

Bay đi những cơn mưa

TỪ NHỮNG CƠN MƯA TA ĐÃ CÓ MẶT BÊN BẠN bè, bằng hữu. Từ những cơn mưa ta đã có mặt bên đồng đội của mình. Và cũng từ những cơn mưa, ta có mặt bên em, để ta còn hiểu đôi khi nước mưa ngọt ngào như giọt lệ. Ôi những cơn mưa từ trời. Nhưng vẫn có những cơn mưa từ lòng, từ mắt, từ môi. Cảm ơn một người nữ. Cảm ơn em dịu dàng mang cho anh từ tâm từ lượng. Cảm ơn em rót xuống đời gian khổ những giọt nước cam lồ.

Khi tìm đến anh, chợ Nhỏ cũng xôn xao, vườn Tao Ngộ cũng rộn ràng lấm lấm. Những chuyến xe lam sẽ rời chợ Bến Thành, sẽ mang những người con gái về một nơi không phải đầy những ước mơ xanh hồng, những tương lai huy hoàng rực rỡ. Trái lại các người con gái Sài Gòn sẽ bắt đầu rước vào một nợ nghiệp. Có phải ?

Phải. Nợ nghiệp của một người phụ nữ Việt Nam. Nợ nghiệp như hòn đá chình phụ nhìn ra khơi Thái Bình, bỗng con chờ đợi chồng. Nợ nghiệp như số phần long đong của phận làm người tình, làm vợ làm mẹ. Bao nhiêu đau đớn đoạn trường đã đổ xuống vai. Bao nhiêu cơn giông bão đã thổi qua, và những nỗi buồn thì nhiều mà niềm vui thì ít.

Và ở đấy, những cơn mưa, vẫn là những cơn mưa giông,

rất tình cờ, rất dữ dội, nhưng cũng rất mau tạnh. Những cơn mưa đã đưa em tìm đến anh giữa cõi lênh đênh trong khi anh chỉ là thằng thanh niên trói gà không chặt mà đòi mang súng trường đi trả nợ núi sông.

Ta rời Thủ Đức vào tháng bảy. Và sách vở, truyền thuyết, những ví von đau lòng làm cho tháng bảy trở thành một tháng ngăn cách. Tháng bảy mưa ngâu. Tháng bảy sụt sùi cho hai kẻ yêu nhau mà trời làm đành đoạn chia lìa. Và tháng bảy, trời thương nên cho đàn chim Ô Thước bắt nhịp cầu. Mối tình từ ngàn xưa vẫn là mối tình thiên cổ. Tình lứa đôi vẫn là tình bất diệt thiên thu. Nhưng bây giờ, vẫn tháng bảy, vẫn những cơn mưa chợt đến chợt đi, tối trời, hay một cuộc đùa chơi giây lát, để mặt trời lại lộ ra khỏi áng mây u ám, để Thủ đức phải nhớ về Sài Gòn. để Sài Gòn phải tương tư về Thủ đức. Để xa lộ mưa giăng cho ngày đi phép cuối tuần.

Những cơn mưa Thủ Đức làm bãi bắn mờ nhạt, làm Bãi Nhà Sập, Bãi Vườn Thơm, Bãi Cao Su, Bãi Bắn ... chìm khuất dưới vành nón sắt. Mưa quân trường, mưa làm tăng thêm nỗi nhọc nhằn dưới khẩu súng trường nặng trĩu. Mưa đã bay qua Hồ Lệ Thủy, qua những hàng rào chắn chằng chịt của Đoạn Đường Chiến Binh. Không có gì ở đó, chỉ trừ những giọt mồ hôi gian khổ. Không có gì ở đó chỉ trừ những lần đại đội tập hợp ngồi trên bãi, trùm poncho, để nghe những vị huấn luyện viên giảng những bài học về địa hình, bản đồ, phương giác, về tọa độ ra quân. Nhưng tại sao ta vẫn chạnh lòng. Ta đâu có xem binh nghiệp là con đường hoạn lộ. Ta đâu có mong trở thành một viên tướng lãnh tài ba... Ta đâu có mơ áo hoa

dù em nhỏ bé nép bên người hùng trong mộng... Nhưng ta vẫn nhớ những cơn mưa. Những cơn mưa không phải ngọt ngào cho những mùa kỷ niệm, cho tóc ai ướt sũng, cho môi ai mềm... Những cơn mưa xám trời xiên xiên trên những hàng cao su...

Bạn còn nhớ không, con đường dài đến năm cây số, những đoàn người trong chiếc poncho lính, trở về lại trường khi trời tối sập. Những đường mương đầy nước có khi chúng ta phải ngâm mình trong đêm bão động. Bạn còn nhớ không, mưa cho ta được ngồi chung với nhau trong buổi học, để chuyển cho nhau hơi thuốc lá trong khi sân bãi trơn trượt với những mô đất như những con cóc rình mồi... Bạn còn nhớ không buổi sáng trời mưa buổi chiều trời mưa buổi tối trời mưa. Những cơn mưa làm đất như mềm cả một vùng đồi Tăng Nhơn Phú chìm trong mưa, và sấm chớp ì ầm. Và những đứa chúng ta ngồi thu rúc trong poncho trên bãi bắn. Ai đưa ta đến chốn này. Thủ Đức là một mái nhà để tuổi trẻ hãnh diện hay là một mái nhà nhục nhằn ? Hãnh diện ư ? Bạn bè ta đang ngồi đợi dưới mưa, dưới nắng, dưới những trận bão lửa, dưới bầu trời đầy sấm chớp, có phải là hãnh diện ư. Bạn bè ta bỏ mái trường, bỏ lại học trò, bỏ người vợ mới cưới, để mà hãnh diện được mang trên vai khẩu súng trường nặng trĩu ư ?

Ôi mưa không còn mang cho ta niềm lãng mạn, muốn để đầu trần hứng mưa mùa hạ, và nhớ đến em. Mưa không là *trời còn làm mưa mưa rơi mệnh mang từng ngón tay buồn em mang em mang...(TCS)* Mưa không phải là *giọt mưa tí tách yêu đôi sát nách (PD)* để nỗi buồn của kẻ xa nhà tăng thêm. Vâng. Đã mất rồi những niềm rung động cũ. Đã xa rồi những cơn mưa trên cầu

Trường Tiền, mờ nhạt giòng sông Hương. Đã mất đi những chiều mưa đợi em đi học về, em mang chiếc áo mưa màu tím hoa cà làm anh cứ nhớ hoài một con đường kỷ niệm...

Mà trái lại, mưa là mưa tai họa. Giày lấm bùn phải chùi phải đánh bóng thật sạch. Có đêm nổi còi báo động, cả bọn chụp nón sắt, súng trường, ùa ra dưới cơn mưa vẫn vũ. Dưới ánh đèn của doanh trại đại đội, thấy ông sĩ quan trực đứng trên bậc thềm trong chiếc áo mưa lính như thể một hung thần. Và cùng với những tràng sấm nổ là những tiếng hô vang dội bùng vỡ cả lòng đêm.

Bây giờ, ta mới hiểu thế nào là thật tế. Đã biết thế nào là đôi mắt trừng trong đêm. Gió mưa xối xả trên poncho. Không thấy những ngọn đèn truyền tin chớp đỏ từ hướng xa lộ như thường lệ nữa. Mới hiểu cơn buồn ngủ là dữ dội như thế nào. Ta đã cắn môi, cắn miệng, bức tóc, béo tai. Sợ nhưng vẫn không thể cưỡng chống. Mong vô cùng cho hết phiên, sao thời gian lại quá dài. Sau này, ra ngoài đơn vị mới học được những điều mà sách vở binh thư từ West Point lên Đà Lạt, xuống Quang Trung ra Đồng Đế về Thủ Đức, không có trường nào lại dạy. Cám ơn ông lính già tiểu đội trưởng đã luôn luôn mang theo chai dầu nhĩ thiên đường, để quẹt vào mắt đám lính, để họ kêu la vì cay quá và mỗi đứa nước mắt sống chảy ròng. Mới hiểu cõi đêm là kinh dị như thế nào. Và cơn buồn ngủ ghê gớm như thế nào.

Nhưng bên cạnh những cơn mưa nhục nhằn ấy, vẫn còn có những cơn mưa đầy thánh sủng. Như một lần em đến thăm anh, chiếc xe lam đưa em từ Sài Gòn về Chợ Nhỏ

dưới mưa. Và tên anh được gọi, náo nức cùng mưa. Những bước chân cũng nôn nao theo mưa nhòa hạnh phúc. Mưa trắng xóa. Mưa mờ mịt khu thăm nuôi gần cổng số 1. Chiếc áo vàng thấm nước. Đầu tóc em cũng ướt đầm dề. Cám ơn em đã mang Sài Gòn đến anh, để anh hiểu là con tim Sài Gòn thì vô lượng vô cùng. Cám ơn em, cô học trò bé nhỏ, đang tập tành trở thành một người có một người yêu là lính. Cám ơn em, cám ơn mưa, cám ơn khoảng ngực bình bồng sau làn vải ướt. Da thịt ấy thêm lấm mà không dám úp mặt. Bờ môi ấy mềm lấm, ngọt lấm mà không dám hôn lên. Chỉ là hai bàn tay nắm lấy nhau. Em để yên cho anh mân mê ngón tay búp măng. Em nhìn anh ăn. Em rót ly nước cho anh. Như một người chị, người mẹ từ tâm quá đỗi.

Em bảo anh kể về những mưa nắng quân trường, những gian khổ mà người Thủ Đức phải chịu đựng. Anh nhìn vào mắt em, muốn hôn lên đôi mắt như nai như sao, muốn cảm tạ em, tấm lòng người em gái nhỏ.

Ồi, anh phải thú thật cõi lòng.

Em đã khiến những cơn mưa nhọc nhằn tai ương trở thành những cơn mưa hạnh phúc.

oOo

Bây giờ anh mới hiểu con người phải có những thứ cần phải giữ gìn như bảo vật. Để còn bồi hồi. Để còn niềm hãnh diện. Để còn đứng thẳng.

Phải. Anh đã có những cơn mưa ân sủng ấy. Em có nghe không, mưa đang rơi đó không? Em có nghe lại âm vọng của mưa từ một cõi nào vọng về đó không.

Thư Quán Bản Thảo
P.O. Box 58
S. Bound Brook NJ 08880 USA
E Mail: tranhoaiithu@yahoo.com
nhanvanpham@yahoo.com

Chủ trương
Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân,
Cao Vị Khanh, Trần Bang Thạch

Đặc trách bài vở: Phạm văn Nhân
Đặc trách kỹ thuật: Trần Hoài Thư
Tranh ảnh bìa: Trần Q Thoại

Published by Thư Ấn Quán
Page and cover templates are developed
by THT
Font and VN software: VNI

